Confidential

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

MOBILE APP

Ngày cập nhật: 31/10/2026

Phiên bản: 3.0

THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

TT	Thông tin viết tắt	Thông tin đầy đủ
1	CK	Chứng khoán
2	CTCK	Công ty chứng khoán
3	GDCK	Giao dịch chứng khoán
4	NĐT	Nhà đầu tư
5	KH	Khách hàng
6	CCCD	Căn cước công dân
7	TK	Tài khoản
8	HĐ Econtract	Hợp đồng Econtract
9	PHT	Phát hành thêm
10	TPCĐ	Trái phiếu chuyển đổi
11	NVCS	Nhân viên chăm sóc
12	NVGT	Nhân viên giới thiệu
13	TPRL	Trái phiếu riêng lẻ

MỤC LỤC

I. ĐĂNG NHẬP **6**
II. TRANG CHỦ **7**
III. THỊ TRƯỜNG **8**
3.1. Danh mục theo dõi ***8***
3.1.1. Tạo danh mục 8
3.1.2. Quản lý danh mục 10
3.2. Tổng quan thị trường ***14***
IV. ĐẶT LỆNH **19**
4.1. Lệnh cơ sở ***19***
4.2. Đặt lệnh điều kiện ***22***
4.3. Sổ lệnh ***47***
V. TÀI SẢN **50**
5.1. Tài sản cơ sở ***50***
5.2. Tài sản TPRL ***53***
5.3. Lãi lỗ Cơ sở ***56***
5.4. Hiệu quả đầu tư Cơ sở ***56***
VI. DỊCH VỤ CƠ BẢN **58**
6.1. Chuyển tiền ***58***
6.1.1. Chuyển tiền ngân hàng 58
6.1.2. Chuyển tiền nội bộ 60
6.2. Chuyển chứng khoán ***62***
6.2.1. Tạo yêu cầu chuyển khoản chứng khoán 63
6.2.2. Lịch sử chuyển khoản chứng khoán 64
6.3. Ứng trước ***64***
6.4. Mua PHT ***66***
6.5. Đăng ký Trái phiếu chuyển đổi ***71***
6.6. Công nợ Margin ***75***
6.6.1. Gia hạn khoản vay 75
6.6.2 Thanh toán khoản vay 77

6.7. Lịch sử lệnh *79*
6.8. Xác nhận lệnh Online *80*
6.9. Thỏa thuận cùng công ty *81*
6.10. Thỏa thuận khác công ty *85*
6.11. Sao kê *88*
6.12. Đăng ký chương trình *90*
6.13. Khuyến nghị *94*
6.14. Trái phiếu bán lẻ *96*
6.15. Hỏi đáp *99*
6.16. Nộp tiền *100*
VII. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN **101**
7.1. Cập nhật thông tin tài khoản *101*
7.1.1. Tab Thông tin tài khoản 102
7.1.2. Tab Thông tin NĐT chuyên nghiệp 105
7.2. Cập nhật Căn cước/Căn cước công dân *106*
7.3. Cập nhật định danh C06 ..... *107*
7.4. Luồng xác thực định danh EKYC *110*
7.5. Luồng ký HĐ Econtract *113*
VIII. CÀI ĐẶT **116**
8.1. Thiết lập Smart OTP *116*
8.1.1. Đăng ký Smart OTP 116
8.1.2. Hủy đăng ký Smart OTP 119
8.1.3. Đổi mã pin Smart OTP 121
8.2. Đăng ký dịch vụ SMS/Email *122*
8.3. Đăng ký Ứng trước tự động *125*
8.3.1. Đăng ký 125
8.3.2. Hủy đăng ký 127
8.4. Thiết lập tài khoản giao dịch *128*
8.4.1 Xác thực cấp 2 130
8.4.2 Thêm tài khoản thụ hưởng 131

8.5. Thay đổi hạn mức margin *132*
8.6. Thay đổi hạn mức ứng trước *135*
8.7. Xác thực sinh trắc học *137*
8.8. Giao diện sáng/tối *138*
8.9. Kích thước chữ *140*
8.10. Cài đặt thiết bị nhận thông báo *141*
8.11. Chọn ngôn ngữ *142*
8.12. Đổi mật khẩu *142*
8.13. Quên mật khẩu *144*
VIII. Đăng xuất **145**

I. ĐĂNG NHẬP

- Người dùng đăng nhập vào app PSI để thực hiện các giao dịch: Đặt lệnh, chuyển tiền,…

(1) Nhập vào Số tài khoản và mật khẩu

(2) Nhấn nút Đăng nhập

(3) Ở lần đầu Đăng nhập, hệ thống sẽ thông báo kích hoạt tính năng đăng nhập bằng sinh trắc hay không (vân tay, khuôn mặt)

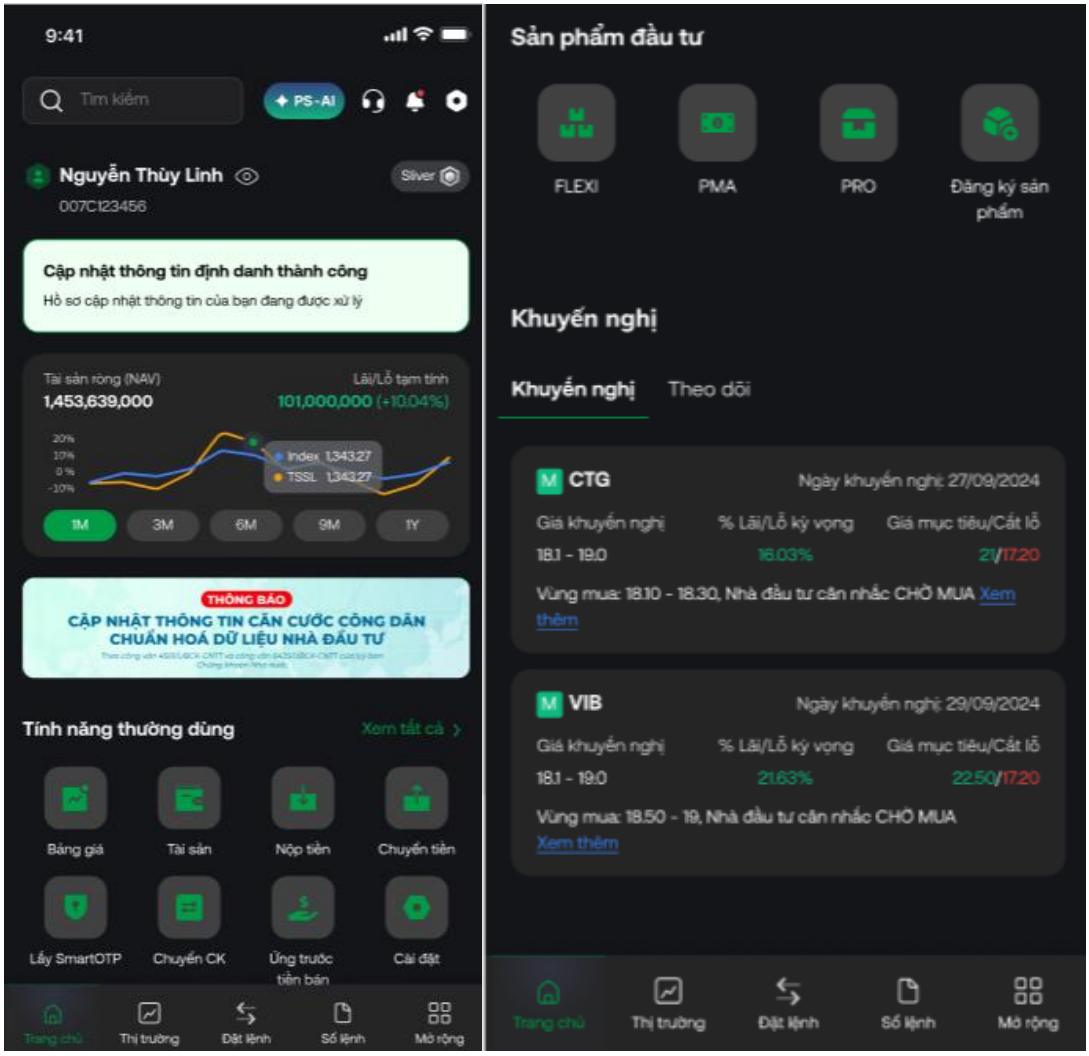
+ **Xác nhận:** Kích hoạt đăng nhập bằng sinh trắc (khi đăng nhập KH có thể nhập mật khẩu tĩnh hoặc sinh trắc)

+ **Hủy:** Chỉ đăng nhập bằng mật khẩu



II. TRANG CHỦ

- Hiển thị thông tin tài khoản, tổng tài sản, lãi lỗ và cho phép xem tổng tài sản theo các thời điểm 1M, 3M, 6M, 9M, 1Y
- Cho phép cài đặt sắp xếp các tính năng thường dùng để tìm kiếm, giao dịch thuận tiện như: Nộp tiền,Chuyển tiền, Ứng trước tiền bán,…
- Hiển thị các sản phẩm đầu tư của CTCK như: Trái phiếu, Giấy tờ có giá,..
- Hiển thị danh sách khuyến nghị mua/bán, khuyến nghị theo dõi



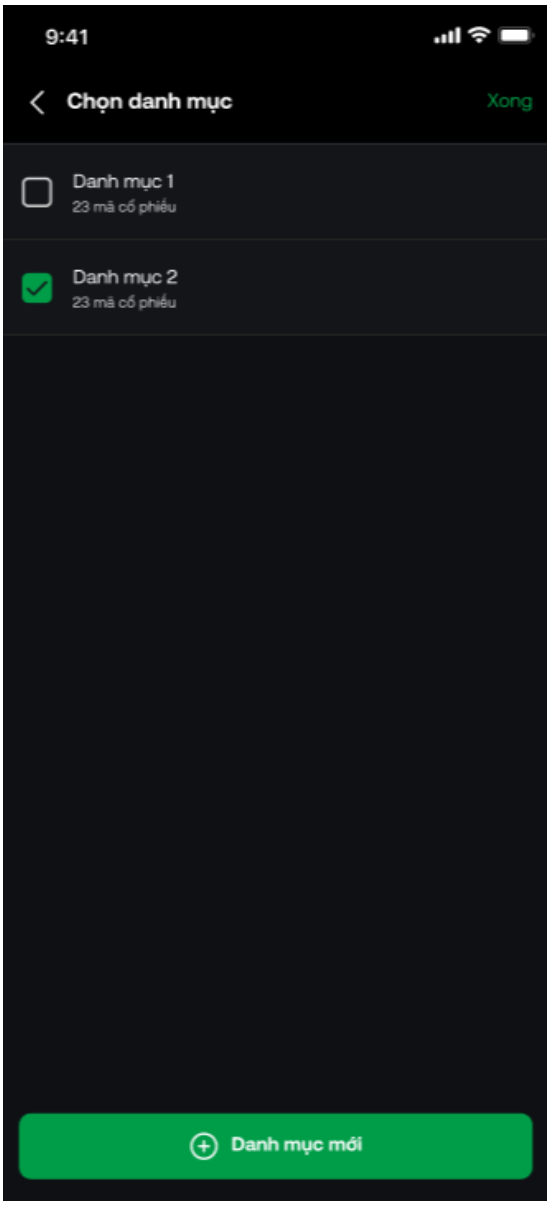
III. THỊ TRƯỜNG

3.1. Danh mục theo dõi

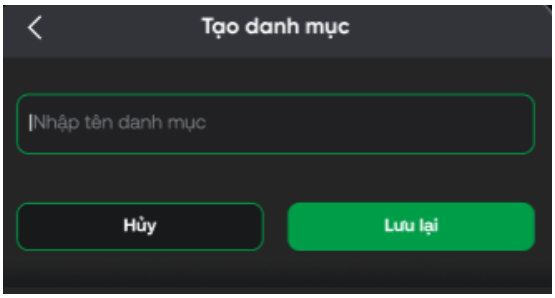
- Mục đích: Theo dõi biến động giá trên danh mục mặc định, danh mục sở hữu và danh mục của tôi…

3.1.1. Tạo danh mục

- Chỉ tạo mới được danh mục của tôi, danh mục mặc định và danh mục sở hữu hệ thống tự động cập nhật và không cho phép chỉnh sửa
  - Các bước thực hiện:



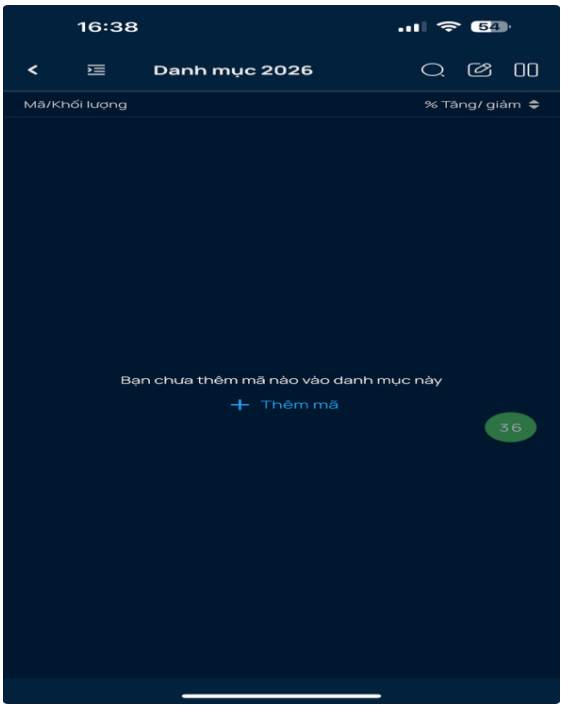
(1)Nhấn nút Thêm danh mục mới



(2) Đặt tên cho danh mục

(3) Nhấn nút Lưu lại

Danh mục vừa tạo hiển thị lên danh sách Danh mục đã tạo:

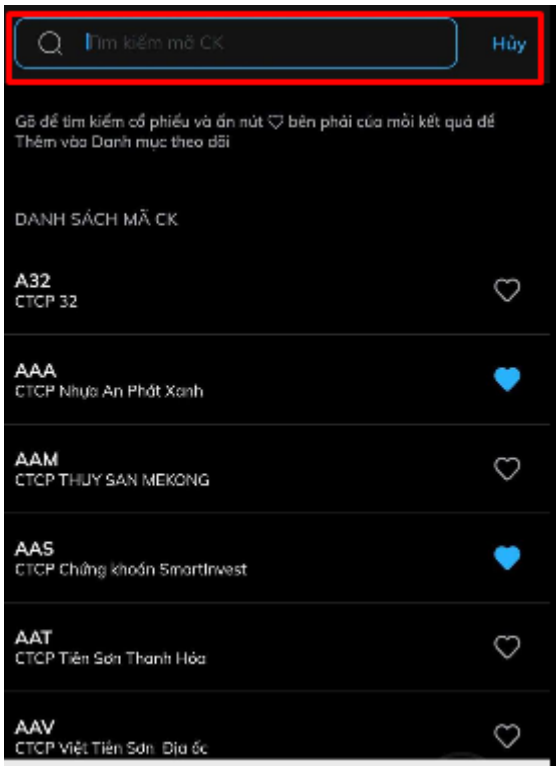


3.1.2. Quản lý danh mục

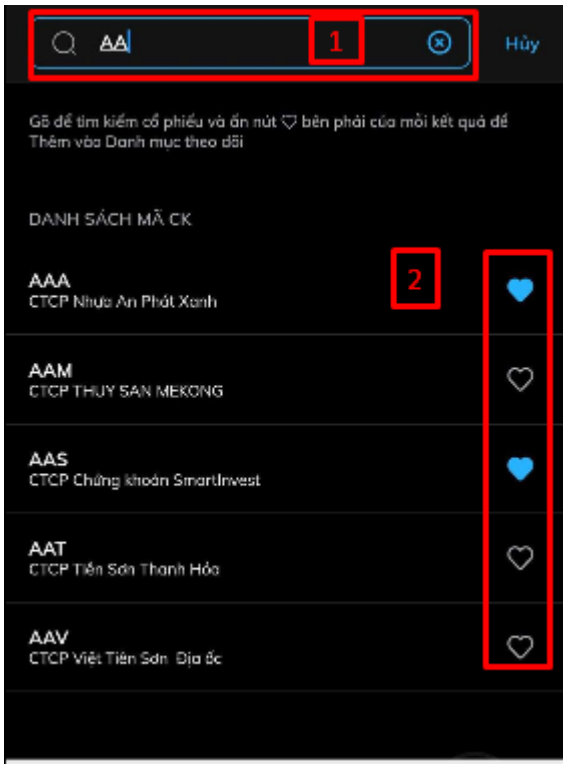
a. Thêm mã chứng khoán vào danh mục

❖ *Cách 1:*

- Các bước thực hiện:

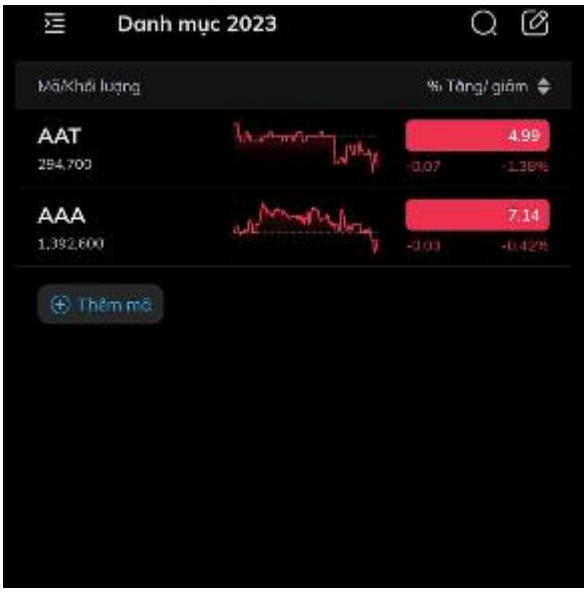


(1) Nhấn vào nút Tìm kiếm



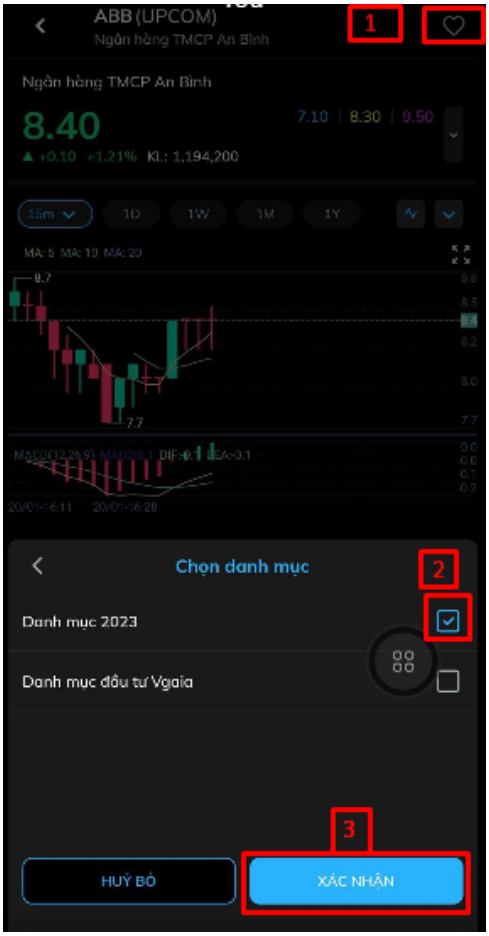
(2) Nhập vào ký tự mã, tên công ty để tìm kiếm

(3) Nhấn vào icon ♥ để thêm vào danh mục



⇨ Danh mục chứng khoán được thêm vào danh mục hiển thị như hình trên

❖ *Cách 2:*



Các bước thực hiện:

(1) Mở chi tiết vào 1 mã chứng khoán chưa thuộc danh mục □ click icon Tim

(2) Hiển thị MH các danh mục đã tạo

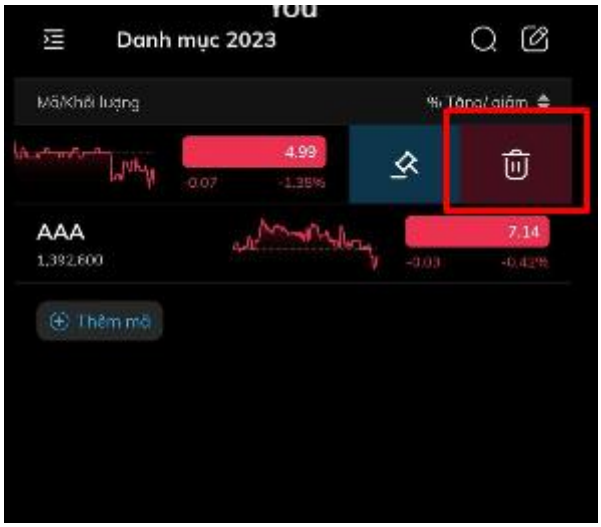
□Tick chọn vào danh mục muốn thêm mã

(3) Người dùng nhấn vào nút Xác nhận

⇨ Mã chứng khoán thêm vào danh mục thành công

b. Xóa mã chứng khoán khỏi danh mục

- ***Cách 1:***



Các bước thực hiện:

(1) Mở danh mục có chứa mã cần xóa

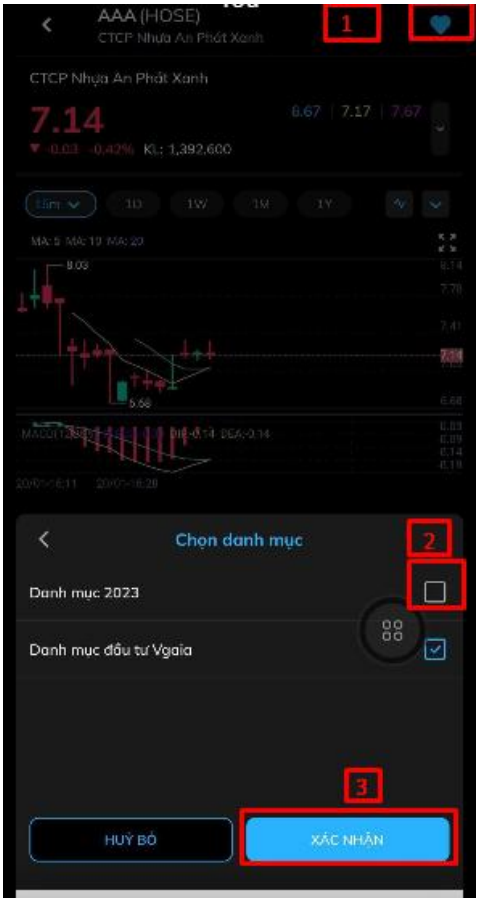
(2) Trượt phải sang trái trên mã cần xóa khỏi danh mục

⇨ Xuất hiện nút Xóa

(3) Người dùng nhấn vào nút Xóa

⇨ Mã chứng khoán được xóa khỏi danh mục

- ***Cách 2:***



Các bước thực hiện:

(1) Mở chi tiết vào 1 mã đã có trong danh mục click icon Tim

(2) Hiển thị MH các danh mục đã tạo, có tick xanh là mã đang thuộc danh mục

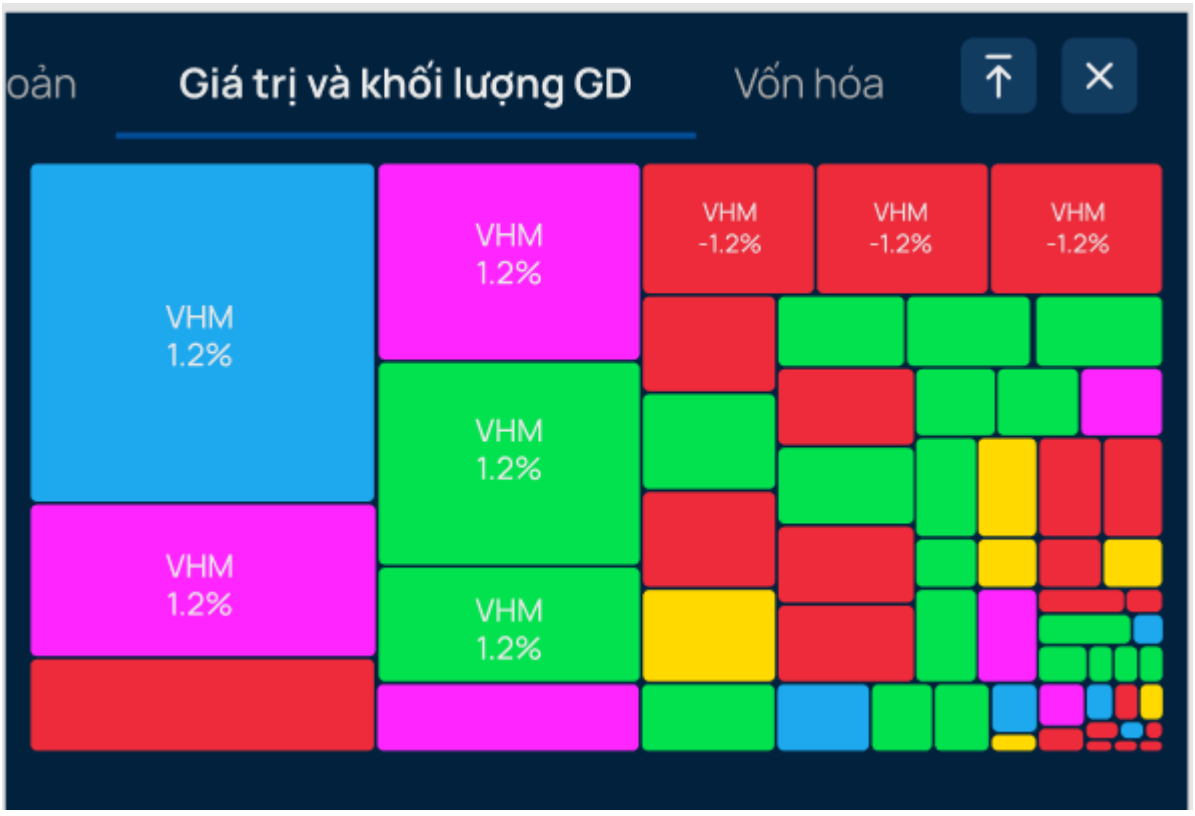
⇨ Bỏ tick khỏi danh mục cần xóa

(3) Người dùng nhấn vào nút Xác nhận

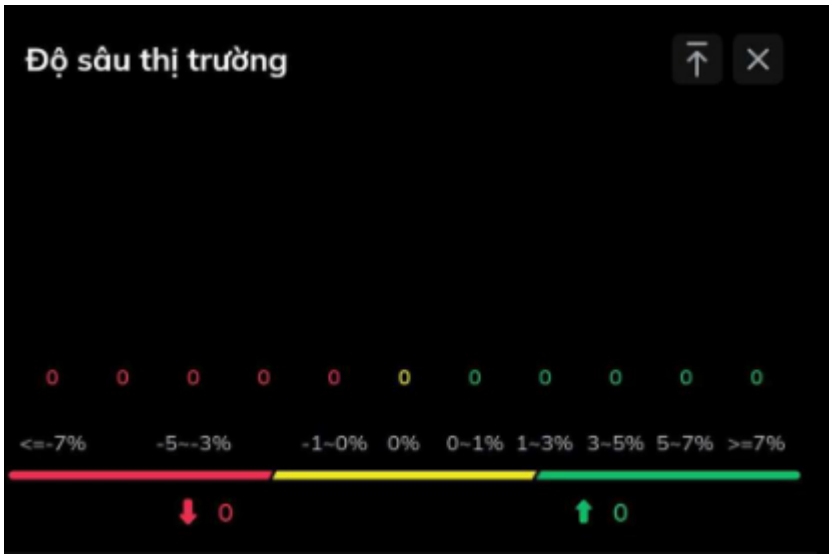
⇨ Mã chứng khoán được xóa khỏi danh mục

3.2. Tổng quan thị trường

- Mục đích: Hiển thị thông tin thị trường:
  - ➢ Tỷ trọng vốn hóa, thống kê chứng khoán tăng giảm
  - ➢ Chỉ số, biểu đồ chỉ số
  - ➢ Top chứng khoán tăng, giảm, top chứng khoán giao dịch hàng đầu
  - ○ Tỷ trọng vốn hóa: Hiển thị các mã có đóng góp ảnh hưởng nhiều đến chỉ số của từng sàn
  - ○ Thống kê CK thay đổi giá: Tăng trần, tăng giá, đúng giá, giảm giá, giảm sàn



- Độ sâu thị trường



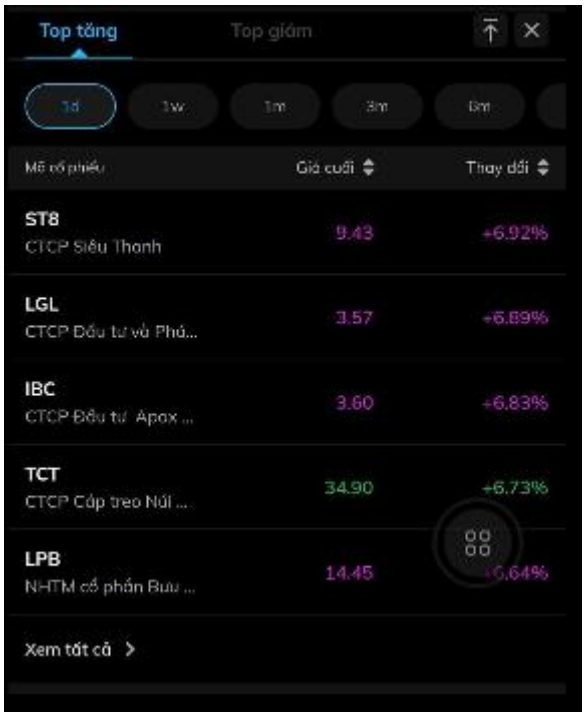
- Độ rộng thị trường

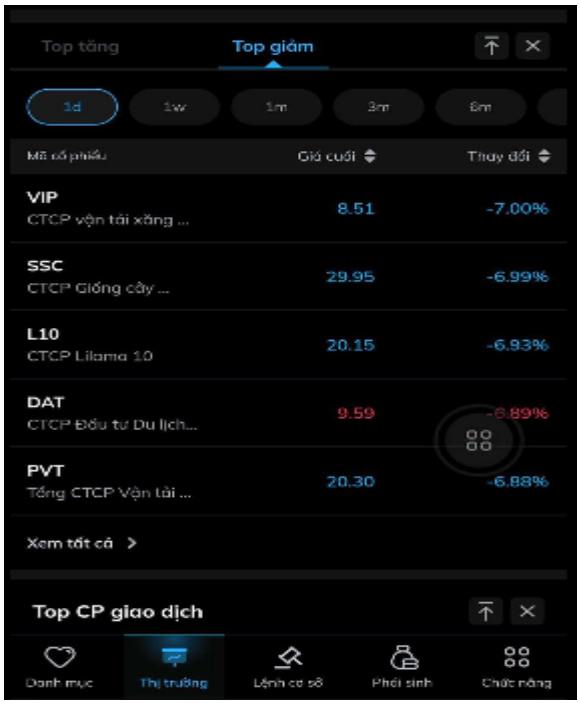

Độ rộng thị trường
Đóng góp vào Index (%)
0.13
0.08
0.03
-0.02
-0.07
-0.12
-0.17
0.11
0.61
1.11
1.61
KLGD/TB KLGD 5 phiên
SAB
BID
VHM
STG
PNJ
NLG
FPT
SBT
VIC
SSI
VND
EIB
MWG
KBC
HVN
PLX
BCM
VJC
DPM
DCM
MBB
GVR
HPG
VNM
GAS
MSN
LPB
SHB
NT2
PVT

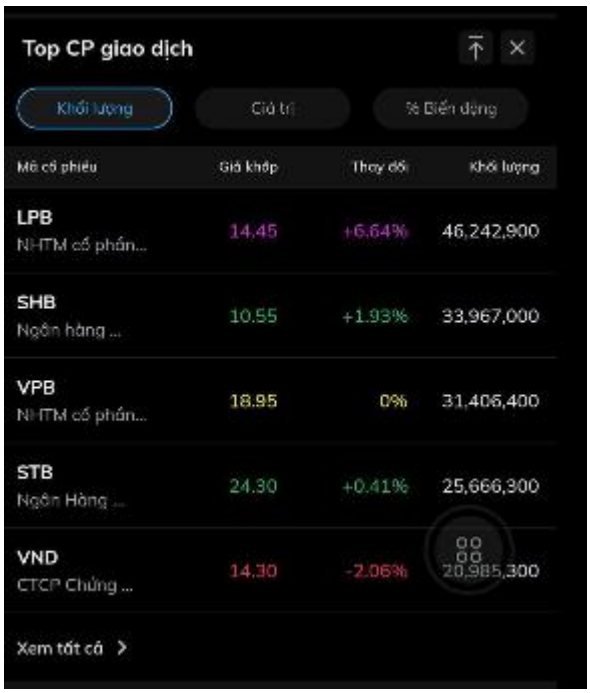
- Netfflow

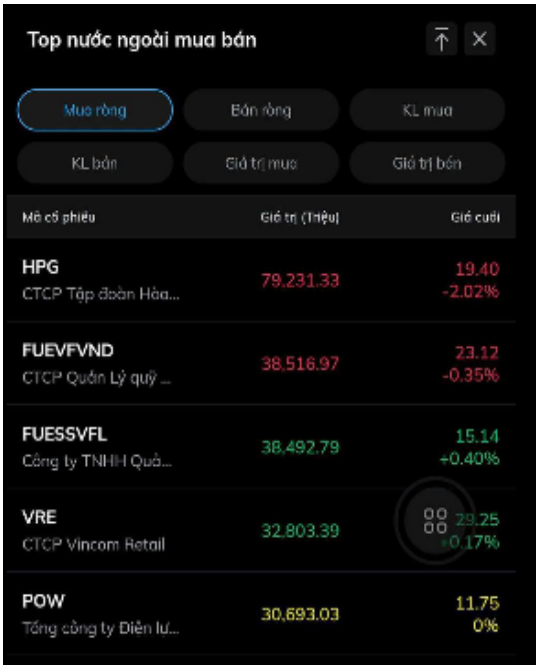


- Top chứng khoán tăng, giảm, top chứng khoán giao dịch hàng đầu

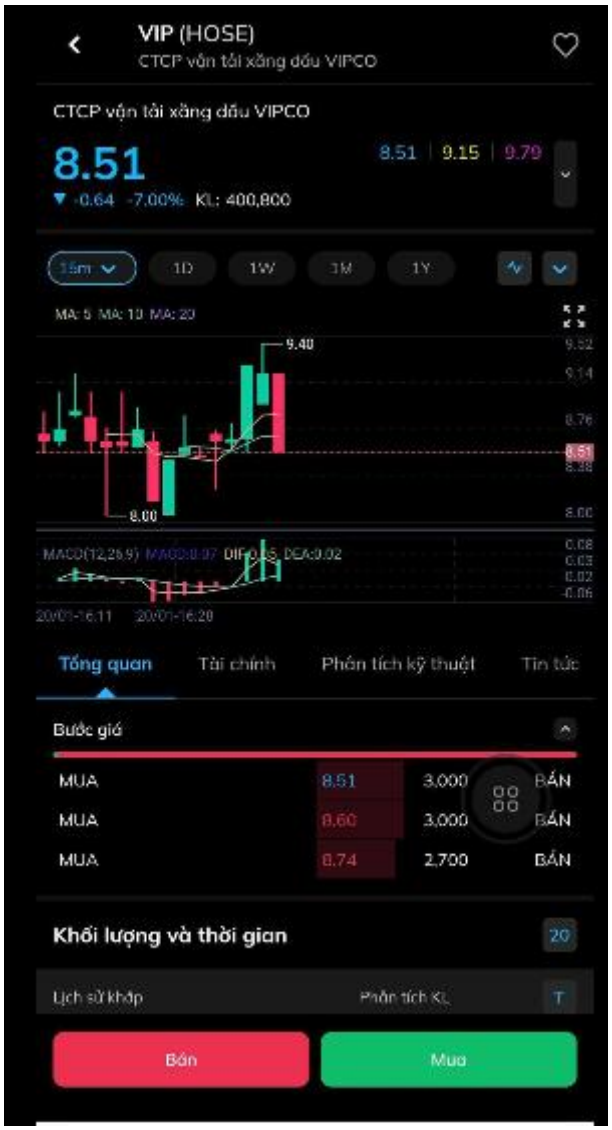


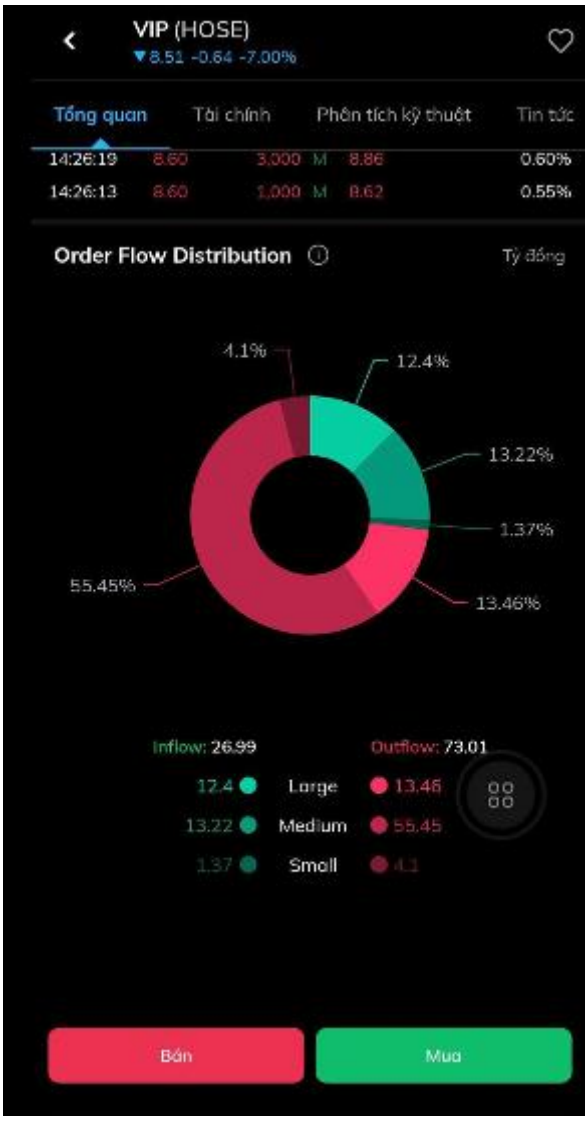






- Chi tiết mã chứng khoán



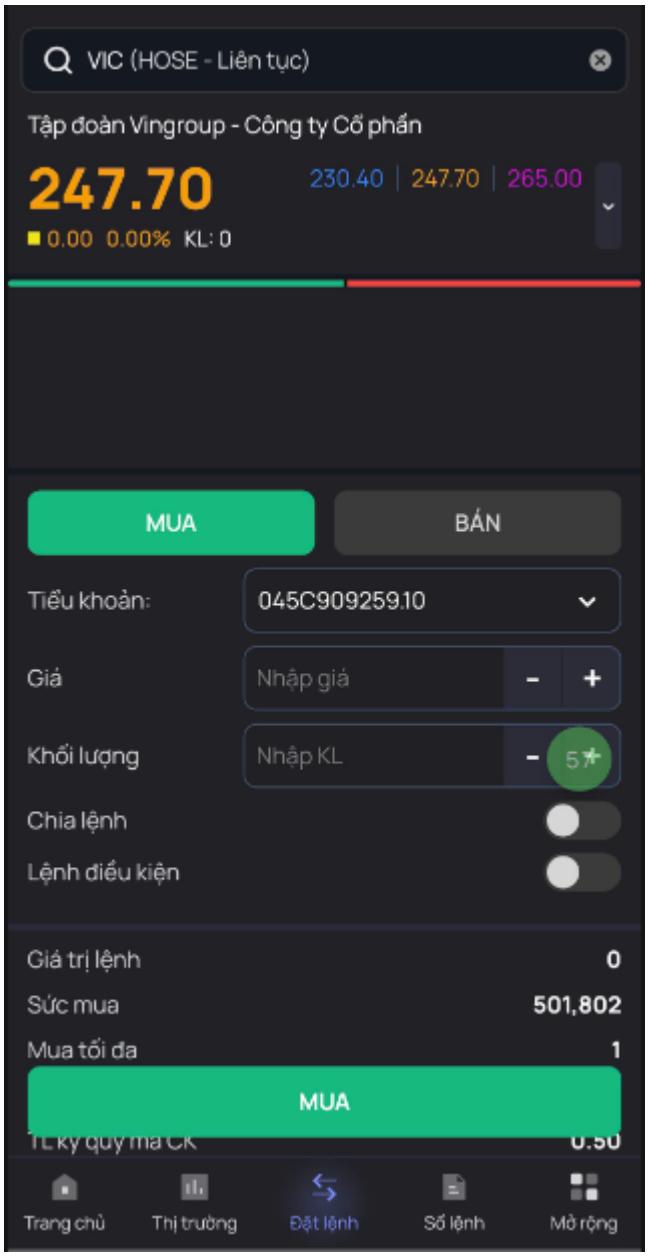


IV. ĐẶT LỆNH

❖ Lưu ý: Đối với thiết bị lần đầu đăng nhập. Sau khi đăng nhập KH cần Đăng ký Smart OTP cho thiết bị để thực hiện giao dịch (Chi tiết tại mục VIII.1)

4.1. Lệnh cơ sở

- Mục đích: Đặt lệnh mua bán chứng khoán niêm yết
- Đường dẫn: Người dùng mở màn hình đặt lệnh bằng cách nhấn vào menu Đặt lệnh, hoặc nhấn vào icon đặt lệnh nhanh



(1) Chọn tiểu khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng. Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: NĐT kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

(2) Các thông tin tổng hợp tài sản & sức mua

- **Sức mua**

- TK thường = Tiền giao dịch + Hạn mức T3 + ƯT tự động + Hạn mức bảo lãnh – Tiền mua trong ngày – Giao dịch giảm tiền chờ duyệt

✓ Tiền GD = (Tiền mặt – Tiền phong tỏa – Nợ phí lưu ký – Nợ phí dịch vụ SMS – Lãi tạm tính)

✓ ƯT tự động: Nếu khách hàng sử dụng dịch vụ Ứng trước tự động và có lệnh bán khớp.

ƯT tự động = ∑(GTGD lệnh bán – Đã ứng trước) * Tỉ lệ ứng trước tự động

✓ Tiền mua trong ngày = GTGD lệnh mua + Phí mua

- TK margin = Tính theo công thức sức mua ở file word gửi cho CTCK

- **TL ký quỹ & Room còn lại:** lấy dữ liệu theo mã chứng khoán vấn tin. Trường hợp nếu là TK thường thì TL ký quỹ = 1 & Room còn lại = 99999999

(3) Nhấn MUA/BÁN để xác định là lệnh mua hay bán

(4) Nhập thông tin lệnh:

a. Nhập mã chứng khoán thực hiện mua/bán hiển thị thông tin giá của mã chứng khoán trần/tham chiếu/sàn.

b. Chọn loại lệnh và nhập giá:

- Chọn lệnh cần đặt: LO, ATO, ATC, MP, MTL….
- Nhập giá:

✓ Chọn loại lệnh LO: Cho phép nhập giá

✓ Chọn loại lệnh ATO, ATC, MP. Mặc định giá theo loại lệnh. Hệ thống sẽ phong tỏa tiền mua theo giá trần

- Hệ thống tự động tính ra khối lượng tối đa.

✓ Đối với lệnh mua: KL tối đa = Sức mua/ Giá (Chưa tính phí GD)

✓ Đối với lệnh bán: KL tối đa = Có thể bán (= KL CK giao dịch – Đã bán trong ngày – Chuyển khoản chờ duyệt)

c. Nhập khối lượng. Hệ thống tính ra Giá trị lệnh

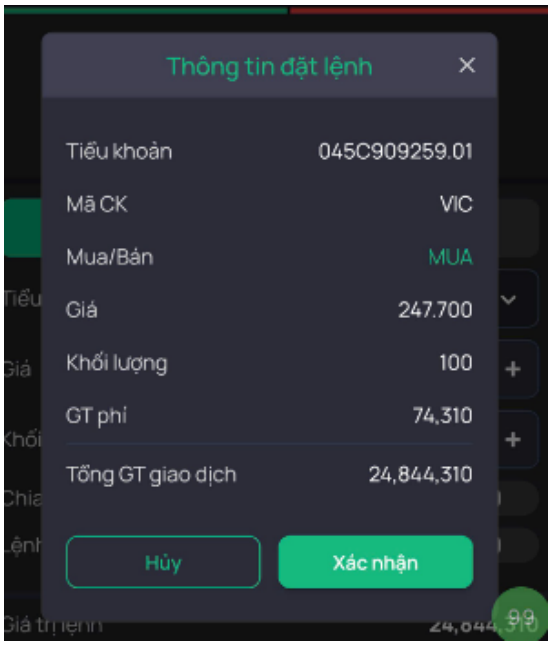
✓ Mua: Giá trị lệnh = KL mua * Giá * (1 + Tỷ lệ phí)

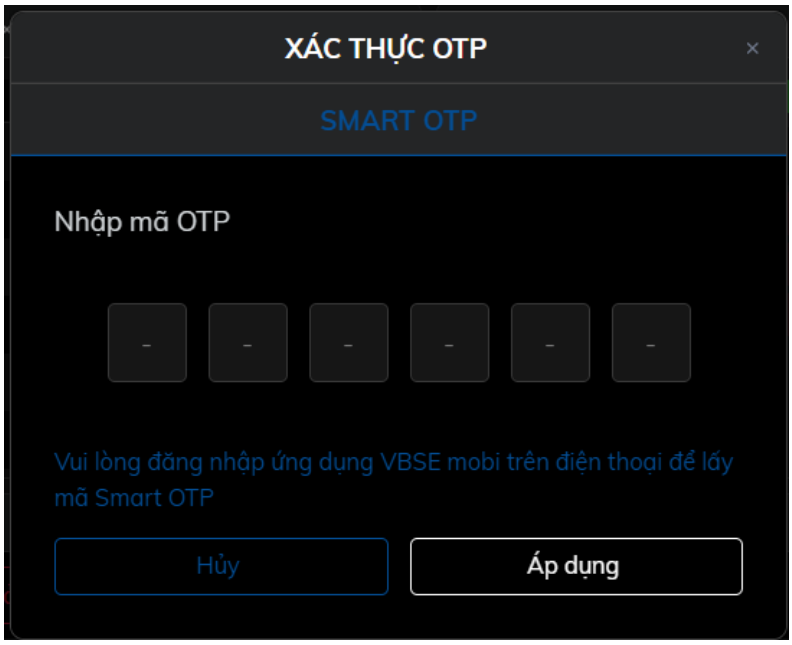
✓ Bán: Giá trị lệnh = KL bán * Giá

d. Nhấn "Đặt lệnh" để thực hiện Nhập lệnh.

(5) Xác nhận lệnh. Sau bước NHẬP LỆNH hệ thống mở màn hình xác nhận lệnh tổng hợp thông tin mua/bán đã nhập

(6) Nhập mã OTP và nhấn áp dụng





4.2. Đặt lệnh điều kiện

4.2.1. Nguyên tắc chung

- Màn hình nhập lệnh
  - ❖ Màn hình giao diện chuẩn bao gồm các thành phần sau:
    - **Tiểu khoản:** Hệ thống tự động điền thông tin số TK của quý khách.
    - **Mã CK:** Nhập vào mã CK quý khách muốn đặt Mua/Bán.

- **Khối lượng:** Nhập vào khối lượng quý khách muốn đặt Mua/Bán.
- **Từ ngày, đến ngày:** Là khoảng thời gian hiệu lực của lệnh khi trạng thái của lệnh là "Đang hiệu lực".

❖ Phương thức khớp: Có 2 phương thức

- **Phát sinh một lần:** Lệnh sẽ được gửi vào SGD một (01) lần duy nhất khi các điều kiện lệnh đặt ra được thỏa mãn.
- **Khớp đủ khối lượng đặt:** Lệnh sẽ được gửi vào SGD nhiều lần khi các điều kiện lệnh đặt ra được thỏa mãn cho đến khi tổng khối lượng của lệnh được khớp toàn bộ hoặc thời gian hiệu lực của lệnh đã hết.

- Quy tắc nhập lệnh
  - **Mã CK:** Lệnh điều kiện được áp dụng cho các mã CK của ba (03) sàn HOSE, HNX, UPCOM.
  - **Khối lượng:** Không được đặt lệnh lô lẻ và lô lớn.
  - **Từ ngày:** Giá trị "từ ngày" phải lớn hơn hoặc bằng ngày hiện tại.
  - **Đến ngày:** Giá trị "đến ngày" phải lớn hơn hoặc bằng giá trị "từ ngày".
  - **Phương thức khớp:** Có 2 phương thức Phát sinh một lần và Khớp đủ khối lượng đặt.
  - **Đặt lệnh:** Kiểm tra sức mua đối với lệnh mua; Kiểm tra chứng khoán đối với lệnh bán; Kiểm tra tính hợp lệ của giá đặt (bước giá, trong biên độ trần – sàn).
- ***Minh họa phương thức: Phát sinh một lần***

VD: Đặt 3 lệnh điều kiện (lệnh 1, lệnh 2 và lệnh 3) với khối lượng như nhau: Khối lượng đặt 300, từ "Ngày 1" đến "Ngày 3"

Trong ngày giao dịch thứ nhất (Ngày 1):

✓ **Lệnh 1:** Các điều kiện của lệnh 1 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 1 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 300. Sau khi lệnh được kích hoạt, trạng thái lệnh chuyển sang 'Đã kết thúc' (bất kể lệnh đã được kích hoạt có KHỚP hay KHÔNG) và KẾT THÚC lệnh.

- ✓ **Lệnh 2:** Các điều kiện của lệnh 2 đặt ra KHÔNG THỎA => Lệnh 2 KHÔNG kích hoạt, trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp.
- ✓ **Lệnh 3:** Các điều kiện của lệnh 3 đặt ra KHÔNG THỎA => Lệnh 3 KHÔNG kích hoạt, trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp.

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
1	1	Có	Có	300	Từ 0 - 300	Đã kết thúc
1	2	Không	Không	N/A	N/A	Đang hiệu lực
1	3	Không	Không	N/A	N/A	Đang hiệu lực

Trong ngày giao dịch thứ hai (Ngày 2):

- ✓ **Lệnh 1:** Lệnh 1 đã ĐƯỢC kích hoạt và KẾT THÚC => Các lệnh này không còn hiệu lực ở ngày thứ hai.
- ✓ **Lệnh 2:** Các điều kiện của lệnh 2 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 2 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 300. Sau khi lệnh được kích hoạt, trạng thái lệnh chuyển sang "Đã kết thúc" (bất kể lệnh đã được kích hoạt có KHỚP hay KHÔNG) và KẾT THÚC lệnh.
- ✓ **Lệnh 3:** Các điều kiện của lệnh 3 đặt ra KHÔNG THỎA => Lệnh 3 KHÔNG kích hoạt, trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp.

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
2	2	Có	Có	300	Từ 0 - 300	Đã kết thúc
2	3	Không	Không	N/A	N/A	Đang hiệu lực

Trong ngày giao dịch thứ ba (Ngày 3):

- ✓ **Lệnh 1,2:** Các lệnh 1,2 đã ĐƯỢC kích hoạt và KẾT THÚC => Các lệnh này không còn hiệu lực ở ngày thứ ba.
- ✓ **Lệnh 3:** Các điều kiện của lệnh 3 đặt ra KHÔNG THỎA => Lệnh 3 KHÔNG kích hoạt. Thời hạn hiệu lực của lệnh ĐÃ HẾT, trạng thái lệnh chuyển sang "Hết hiệu lực" và KẾT THÚC lệnh.

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
3	3	Không	Không	N/A	N/A	Hết hiệu lực

- ***Minh họa phương thức: Khớp đủ khối lượng đặt***

VD: Đặt 3 lệnh điều kiện (lệnh 1, lệnh 2 và lệnh 3) với khối lượng như nhau: Khối lượng đặt 300, từ "Ngày 1" đến "Ngày 3"

Trong ngày giao dịch thứ nhất (Ngày 1):

- ✓ **Lệnh 1:** Các điều kiện của lệnh 1 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 1 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 300. Lệnh 1 sau khi kích hoạt được khớp TOÀN BỘ (300), trạng thái lệnh chuyển sang "Đã kết thúc" và KẾT THÚC lệnh.
- ✓ **Lệnh 2:** Các điều kiện của lệnh 2 đặt ra KHÔNG THỎA => Lệnh 2 KHÔNG kích hoạt, trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp.

- ✓ **Lệnh 3:** Các điều kiện của lệnh 3 đặt ra KHÔNG THỎA => Lệnh 3 KHÔNG kích hoạt, trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp.

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
1	1	Có	Có	300	300	Đã kết thúc
1	2	Không	Không	N/A	N/A	Đang hiệu lực
1	3	Không	Không	N/A	N/A	Đang hiệu lực

Trong ngày giao dịch thứ hai (Ngày 2):

- ✓ **Lệnh 1:** Lệnh 1 đã ĐƯỢC kích hoạt và KẾT THÚC => lệnh này không còn hiệu lực ở ngày thứ hai.
- ✓ **Lệnh 2:** Các điều kiện của lệnh 2 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 2 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 300. Lệnh 2 sau khi kích hoạt KHÔNG khớp, trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp với khối lượng còn hiệu lực là 300.
- ✓ **Lệnh 3:** Các điều kiện của lệnh 3 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 3 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 300. Lệnh 3 sau khi kích hoạt khớp MỘT PHẦN (200), trạng thái lệnh vẫn duy trì 'Đang hiệu lực' và chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp với khối lượng còn hiệu lực là 100.

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
2	2	Có	Có	300	Không khớp	Đang hiệu lực

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
2	3	Có	Có	300	200	Đang hiệu lực

Trong ngày giao dịch thứ ba (Ngày 3):

- ✓ **Lệnh 1:** Lệnh 1 đã ĐƯỢC kích hoạt và KẾT THÚC => lệnh này không còn hiệu lực ở ngày thứ ba.
- ✓ **Lệnh 2:** Các điều kiện của lệnh 2 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 2 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 300. Lệnh 2 sau khi kích hoạt KHÔNG khớp. Thời hạn hiệu lực của lệnh ĐÃ HẾT, trạng thái lệnh chuyển sang 'Hết hiệu lực' và KẾT THÚC lệnh.
- ✓ **Lệnh 3:** Các điều kiện của lệnh 3 đặt ra được THỎA MÃN => Lệnh 3 ĐƯỢC kích hoạt với KL đặt là 100. Lệnh 3 sau khi kích hoạt khớp TOÀN BỘ (100), trạng thái lệnh chuyển sang 'Đã kết thúc' và KẾT THÚC lệnh.

Ngày	Lệnh	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Khối lượng khớp	Trạng thái lệnh
3	2	Có	Có	300	Không khớp	Hết hiệu lực
3	3	Có	Có	100	100	Đã kết thúc

4.2.2. Lệnh trước ngày

- Giới thiệu

- Hình thức đặt lệnh trước phiên giao dịch từ 1 tới nhiều ngày với số lượng & giá đã được xác định
- Hệ thống sẽ tự động check khoảng ngày, điều kiện giá tham chiếu (nếu có) để xác định tính đúng đắn của lệnh
- Trước ngày thực hiện, lệnh đc đưa vào hệ thống chờ của CTCK. Mở cửa thị trường check roles Hợp lệ thì phi lệnh

- Màn hình đặt lệnh:



- Giá đặt: Giá đặt của lệnh
- Điều kiện: Có 2 loại điều kiện

✓ Không có điều kiện: Không cần xét tới điều kiện giá tham chiếu

✓ Điều kiện về giá tham chiếu:

- Giá tham chiếu >= giá đặt: Giá tham chiếu trong ngày phải thỏa mãn điều kiện >= giá đặt (nhập vào)
- Giá tham chiếu <= giá đặt: Giá tham chiếu trong ngày phải thỏa mãn điều kiện <= giá đặt (nhập vào)

- Đặt lệnh:

  Bước 1: Chọn mã CK muốn mua

  Bước 2: Chọn số TK

  Bước 3: Chọn lệnh điều kiện: trước ngày

  Bước 4: Nhập thông tin: Giá, Khối lượng, Phương thức, điều kiện, từ ngày ~ đến ngày

  Bước 5: Nhấn đặt lệnh

  Bước 6: Nhấn xác nhận ở popup xác nhận

  Bước 7: Nhập mã OTP

- Minh họa

  VD: Lệnh 1: Mua 100 CP ABC, giá đặt 10, không điều kiện;

  Lệnh 2: Bán 200 CP ABC, giá đặt 11, điều kiện giá tham chiếu (RP) >= 8;

  Lệnh 3: Mua 300 CP ABC, giá đặt 12, điều kiện giá tham chiếu (RP) <= 10

Lệnh	Giá tham chiếu (RP)	Thỏa điều kiện?	Kích hoạt lệnh?	Khối lượng đặt	Giá đặt
1	10	Không điều kiện	Có	100	10
2	7	Không: RP (=7) < 8	Không	N/A	N/A
2	8	Có: RP (=8) >= 8	Có	200	11
3	12	Không: RP (=12) > 10	Không	N/A	N/A
3	9	Có: RP (=9) <= 10	Có	300	12

✓ *Điều kiện kích hoạt lệnh:*

- **Không:** RP < [giá a] (TH điều kiện giá tham chiếu là ">= [giá a]") hoặc RP > [giá a] (TH điều kiện giá tham chiếu là "<= [giá a]"), lệnh không kích hoạt.
- **Có:** RP < [giá a] (TH điều kiện giá tham chiếu là "<= [giá a]") hoặc RP > [giá a] (TH điều kiện giá tham chiếu là ">= [giá a]") hoặc TH điều kiện giá tham chiếu là "không điều kiện", lệnh kích hoạt.

4.2.3. Lệnh xu hướng

- Giới thiệu

- **Xu hướng mua**: Giúp Nhà đầu tư mua được cổ phiếu rẻ nhất có thể trong trường hợp dự đoán thị trường sẽ giảm nhằm thiểu hóa chi phí cho khách hàng. Nhà đầu tư đưa ra một mức giá kích hoạt (Khoảng dừng là mức cố định hoặc %) BÊN TRÊN giá thị trường. Khi giá cổ phiếu giảm, giá kích hoạt cũng giảm theo tương ứng. Nhưng khi giá cổ phiếu tăng, giá kích hoạt giữ nguyên không thay đổi. Giá thị trường tăng cho đến khi CAO HƠN hoặc BẰNG giá kích hoạt, một lệnh MUA sẽ được kích hoạt vào thị trường.

- **Xu hướng bán:** Lệnh này giúp Nhà đầu tư bảo vệ được lợi nhuận tiềm năng của mình khi xu hướng thị trường lên. Nhà đầu tư đưa ra một mức giá kích hoạt (cố định hoặc %) BÊN DƯỚI giá thị trường. Khi giá cổ phiếu tăng, giá kích hoạt cũng tăng theo tương ứng. Nhưng khi giá cổ phiếu giảm, giá kích hoạt giữ nguyên không thay đổi. Giá thị trường giảm cho đến khi THẤP HƠN hoặc BẰNG giá kích hoạt này, một lệnh BÁN sẽ được kích hoạt vào thị trường

- Các loại giá trong lệnh xu hướng

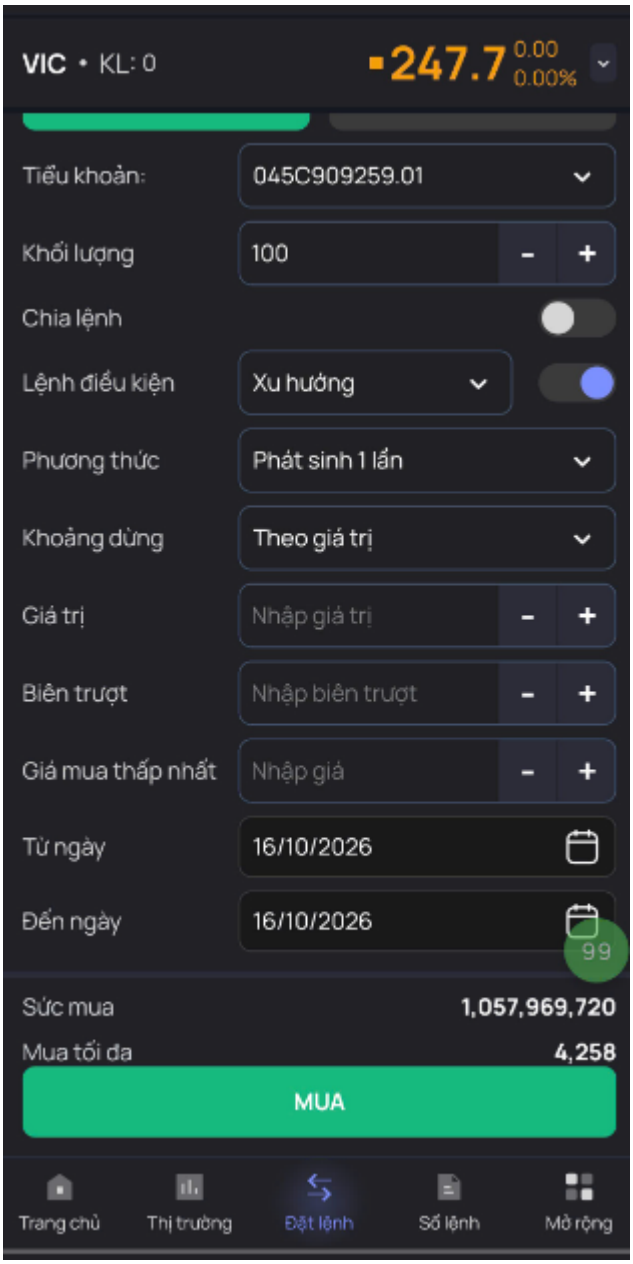
✓ **Giá thị trường (MP - Market Price):** Là giá khớp cuối cùng của cổ phiếu. Đầu ngày khi chưa có giá khớp gần nhất thì giá MP sẽ được xác định là giá tham chiếu.

- ✓ **Giá kích hoạt (TP - Trigger Price):** Là giá được sử dụng để so sánh với giá thị trường của cổ phiếu để xác định điều kiện về giá của lệnh điều kiện có thỏa mãn hay không.
- ✓ **Giá đặt lệnh (OP - Order Price):** Là giá của lệnh thật được phát sinh vào sàn khi thỏa mãn các điều kiện của lệnh xu hướng đặt ra.
- ✓ **Biên trượt (PP - Premium Price):** Xem mô tả bên dưới.
- ✓ **Giá mua thấp nhất / Giá bán cao nhất (AP - Absolute Price):** Xem mô tả bên dưới.

- *Điều kiện kích hoạt lệnh:*

  - ✓ **Lệnh mua xu hướng:** MP >= TP kích hoạt lệnh
  - ✓ **Lệnh bán xu hướng:** MP <= TP kích hoạt lệnh

- Màn hình nhập lệnh



(1) Nhập mã Chứng khoán : hệ thống hiển thị thông tin giá của mã chứng khoán trần/tham chiếu/sàn.

(2) Chọn loại lệnh Mua/ Bán

(3) Nhập số tài khoản đặt lệnh : Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng. Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: NĐT kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

(4) Chọn Lệnh điều kiện = Xu hướng

(5) Chọn Phương thức (Phát sinh 1 lần / Khớp đủ khối lượng)

(6) Chọn khoảng dừng

a. Theo giá trị [giá a]

b. Theo % [b%]

(7) Nhập Biên trượt [giá c]

(8) Nhập Giá mua thấp nhất (Giá bán cao nhất – Lệnh bán) [giá d]

(10)Nhập thời gian hiệu lực: Từ ngày ~ Đến ngày

(11)Nhấn Button Đặt lệnh

- Tham số và điều kiện

✓ **Khoảng dừng (tuyệt đối):** Là mức giá do KH thiết lập cao/thấp hơn một khoảng [giá a] so với giá thị trường.

✓ **Khoảng dừng (phần trăm):** Là mức giá do KH thiết lập cao/thấp hơn một đơn vị % [b%] so với giá thị trường.

✓ Sử dụng khoảng dừng tính giá kích hoạt (TP):

✓ **Đối với lệnh mua:** TP = MP + [giá a] hoặc TP = MP * (1 + [b%])

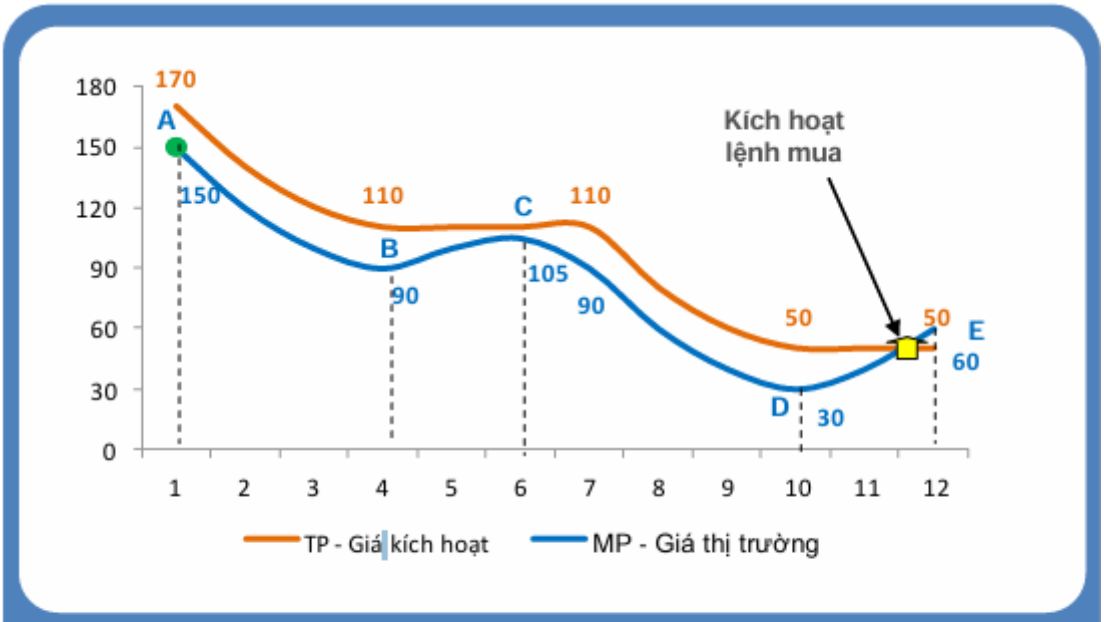
✓ **Đối với lệnh bán:** TP = MP - [giá a] hoặc TP = MP * (1 - [b%])

✓ **Biên trượt (PP):** Khi MP cắt TP (thỏa điều kiện), lệnh thật được đặt vào sàn với giá OP = MP. Tuy nhiên, nếu KH muốn CHẮC CHẮN lệnh của mình được khớp. Khi đó giá chênh lệch được sử dụng như sau:
Đối với lệnh mua: OP = MP + [giá c]
Đối với lệnh bán: OP = MP - [giá c]

✓ **Giá mua thấp nhất / Giá bán cao nhất (AP, tùy chọn):** Là mức giá CỐ ĐỊNH mà khách hàng mong muốn đạt được trong giao dịch.
Giá mua thấp nhất: OP = Max (MP + [giá c], [giá d])
Giá bán cao nhất: OP = Min (MP - [giá c], [giá d])

- Minh họa

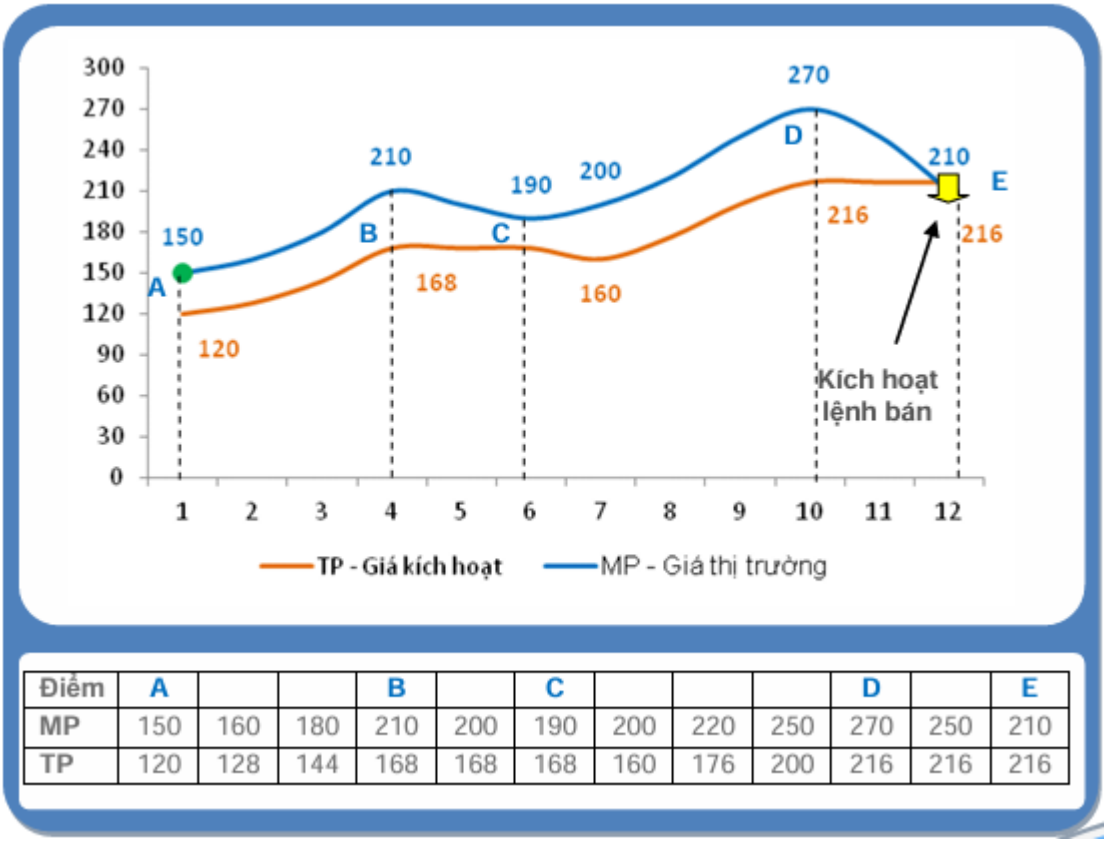
Ví dụ 1 (Lệnh mua xu hướng): Đặt lệnh mua xu hướng với khoảng dừng tuyệt đối là 20. Diễn biến thị trường như đồ thị và bảng sau:



Điểm	A			B		C				D		E
MP	150	120	100	90	100	105	90	60	40	30	40	60
TP	170	140	120	110	110	110	110	80	60	50	50	50

- **Tại A:** Mức $MP_A = 150$ => $TP_A = MP_A$ + khoảng dừng = 150 + 20 = 170
- **Tại B:** Thị trường giảm => MP_B và TP_B giảm tương ứng $TP_B = MP_B + 20 = 90 + 20 = 110$
- **Tại C:** Thị trường tăng => TP_C không đổi = 110. $MP_C < TP_C$: Chưa thỏa điều kiện kích hoạt lệnh.
- **Tại D:** Thị trường giảm => MP_D và TP_D giảm tương ứng $TP_D = MP_D + 20 = 30 + 20 = 50$
- **Tại E:** Thị trường tăng => TP_E không đổi = 50. $MP_E > TP_E$: Thỏa điều kiện kích hoạt lệnh. Lệnh được đặt vào sàn với giá đặt lệnh $\mathbf{OP_E = MP_E = 60}$

Ví dụ 2 (Lệnh bán xu hướng): Đặt lệnh bán xu hướng với khoảng dừng tương đối là 20%. Diễn biến thị trường như bảng sau:



Điểm	A			B		C				D		E
MP	150	160	180	210	200	190	200	220	250	270	250	210
TP	120	128	144	168	168	168	160	176	200	216	216	216

- **Tại A:** Mức $MP_A = 150 \Rightarrow TP_A = MP_A * (1 - \text{khoảng dừng}\%) = 120$
- **Tại B:** Thị trường tăng => MP_B và TP_B tăng tương ứng $TP_B = MP_B * (1 - 20\%) = 168$
- **Tại C:** Thị trường giảm => TP_C không đổi = 168. $MP_C > TP_C$: Chưa thỏa điều kiện kích hoạt lệnh.
- **Tại D:** Thị trường tăng => MP_D và TP_D tăng tương ứng $TP_D = MP_D * (1 - 20\%) = 216$
- **Tại E:** Thị trường giảm => TP_E không đổi = 216. $MP_E <= TP_E$: Thỏa điều kiện kích hoạt lệnh. Lệnh được đặt vào sàn với giá đặt lệnh **$OP_E = MP_E = 210$**

Ví dụ 3: Các tham số về Giá chênh lệch (PP) và Giá cố định (AP) được khách hàng nhập vào (tùy chọn) hệ thống để tính toán Giá đặt lệnh (OP)

Lệnh	Giao dịch	Giá chênh lệch (PP)	Giá cố định (AP)	Giá thị trường (MP)	Giá kích hoạt (TP)	Công thức tính OP	Giá đặt lệnh (OP)
1	Mua	N/A	N/A	12	10	OP=MP	12
2	Bán	N/A	N/A	8	10	OP=MP	8
3	Mua	2	N/A	12	10	OP=MP+PP	14
4	Bán	3	N/A	8	10	OP=MP-PP	5
5	Mua	N/A	15	12	10	Max(AP,MP)	15
6	Bán	N/A	7	8	10	Min(AP,MP)	7
7	Mua	N/A	10	12	10	Max(AP,MP)	12
8	Bán	N/A	15	8	10	Min(AP,MP)	8
9	Mua	1	15	12	10	Max(AP,MP+PP)	15
10	Bán	1	6	8	10	Min(AP,MP-PP)	6
11	Mua	1	10	12	10	Max(AP,MP+PP)	13
12	Bán	1	10	8	10	Min(AP,MP-PP)	7

4.2.4. Lệnh chốt lãi

- Giới thiệu

- Lệnh chốt lãi giúp quý khách bảo vệ lợi nhuận tiềm năng bằng cách xác định một mức lợi nhuận kỳ vọng CỐ ĐỊNH. Khi giá cổ phiếu tăng đến ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng, hệ thống sẽ tự động BÁN ra và hiện thực hóa lợi nhuận của khách hàng. Lệnh chốt lãi chỉ áp dụng với lệnh BÁN
- Mức giá bán được Khách hàng thiết lập cao hơn giá bình quân mua 1 khoảng giá trị tuyệt đối hoặc theo phần trăm nào đó
- *Lệnh chốt lãi chỉ áp dụng đối với lệnh BÁN*

- Màn hình nhập lệnh



(1) Nhập mã chứng khoán: hệ thống hiển thị thông tin giá của mã chứng khoán trần/tham chiếu/sàn.

(2) Chọn loại lệnh Bán

(3) Nhập số tài khoản đặt lệnh : Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng. Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: NĐT kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

(4) Chọn Lệnh điều kiện = Chốt lãi

(5) Chọn Phương thức (Phát sinh 1 lần / Khớp đủ khối lượng)

(6) Nhập Giá BQ [giá a]

(7) Chọn Chênh lệch giá

a. Theo giá trị [giá b]

b. Theo % [c%]

(8) Nhập Biên trượt (PP)

(9) Thời gian hiệu lực: Từ ngày ~ Đến ngày

(10) Nhấn Button đặt lệnh Bán

- Tham số và điều kiện

✓ **Giá mua bình quân (AP - Average Price):** Là mức giá vốn bình quân của cổ phiếu sở hữu, được hệ thống tự động tính toán theo nhật ký quá trình giao dịch

✓ **Giá chênh lệch (Theo giá trị):** Là mức lợi nhuận kỳ vọng so với giá vốn bình quân của cổ phiếu một khoảng CỐ ĐỊNH bằng [giá b]

✓ **Giá chênh lệch (Theo %):** Là mức lợi nhuận kỳ vọng so với giá vốn bình quân của cổ phiếu một khoảng đơn vị % [c%]

✓ **Giá kích hoạt (TP):** Hệ thống tự động điền điều kiện về giá trị TP

- Đối với giá chênh lệch (tuyệt đối): TP = [giá a] + [giá b]
- Đối với giá chênh lệch (phần trăm): TP = [giá a] * (1 + [c%])

✓ **Giá đặt lệnh (OP):** Hệ thống tự động điền điều kiện về giá trị OP:

- OP = TP
- Nếu Biên trượt (PP) > 0: thì OP = TP – PP

- Minh họa

Ví dụ: Đặt lệnh chốt lãi với các tham số trong bảng phía dưới:

Lệnh	Giá bình quân (AP)	Giá chênh lệch Tuyệt đối	Giá chênh lệch Phần trăm	Giá kích hoạt (TP)	Giá thị trường (MP)	Kích hoạt lệnh?	Giá đặt lệnh (OP=TP)
1	10	5		TP=AP+PP=15	12	Không	N/A
2	10	5		TP=AP+PP=15	16	Có	15
3	10		50%	TP=AP*(1+PP%)=15	12	Không	N/A
4	10		50%	TP=AP*(1+PP%)=15	16	Có	15

Điều kiện kích hoạt lệnh:

- **Không:** MP < TP, lệnh không kích hoạt
- **Có:** MP >= TP, lệnh kích hoạt

4.2.5. Lệnh cắt lỗ

- Giới thiệu
  - Lệnh cắt lỗ giúp quý khách quản trị rủi ro đầu tư bằng cách xác định một mức rủi ro kỳ vọng CỐ ĐỊNH. Khi giá cổ phiếu giảm đến ngưỡng rủi ro kỳ vọng, hệ thống sẽ tự động BÁN ra và cắt lỗ khoản đầu tư của khách hàng. Lệnh cắt lỗ chỉ áp dụng với lệnh BÁN
  - Mức giá bán được Khách hàng thiết lập thấp hơn giá bình quân mua 1 khoảng giá trị tuyệt đối hoặc theo phần trăm nào đó
  - *Lệnh cắt lỗ chỉ áp dụng đối với lệnh BÁN*
- Màn hình nhập lệnh



(1) Nhập mã chứng khoán: hệ thống hiển thị thông tin giá của mã chứng khoán trần/tham chiếu/sàn.

(2) Chọn loại lệnh Bán

(3) Nhập số tài khoản đặt lệnh : Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng. Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: NĐT kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

(4) Chọn Lệnh điều kiện = Cắt lỗ

(5) Chọn Phương thức (Phát sinh 1 lần / Khớp đủ khối lượng)

(6) Nhập Giá BQ

(7) Chọn Chênh lệch giá (Theo giá trị/ Theo %)

(8) Nhập Giá trị

(9) Nhập Biên trượt

(10) Nhập đến ngày

(11) Nhấn Button đặt lệnh Bán

- Tham số và điều kiện

✓ **Giá mua bình quân (AP - Average Price):** Mô tả tương tự mục 2.4

✓ **Giá chênh lệch (Theo giá trị):** Là mức rủi ro kỳ vọng so với giá vốn bình quân của cổ phiếu một khoảng CỐ ĐỊNH bằng [giá b]

✓ **Giá chênh lệch (theo %):** Là mức rủi ro kỳ vọng so với giá vốn bình quân của cổ phiếu một khoảng đơn vị % [c%]

✓ **Giá kích hoạt (TP):** Hệ thống tự động điền điều kiện về giá trị TP

- Đối với giá chênh lệch (tuyệt đối): TP = [giá a] - [giá b]
- Đối với giá chênh lệch (phần trăm): TP = [giá a] * (1 - [c%])

✓ **Giá đặt lệnh (OP):** Hệ thống tự động điền điều kiện về giá trị OP:

- OP = TP
- Nếu Biên trượt (PP) > 0: thì OP = TP – PP

- Minh họa

Ví dụ: Đặt lệnh cắt lỗ với các tham số trong bảng phía dưới:

Lệnh	Giá bình quân (AP)	Giá chênh lệch Tuyệt đối	Giá chênh lệch Phần trăm	Giá kích hoạt (TP)	Giá thị trường (MP)	Kích hoạt lệnh?	Giá đặt lệnh (OP=TP)
1	10	5		TP=AP-PP=5	6	Không	N/A
2	10	5		TP=AP-PP=5	4	Có	5
3	10		50%	TP=AP*(1-PP%)=5	6	Không	N/A
4	10		50%	TP=AP*(1-PP%)=5	4	Có	5

Điều kiện kích hoạt lệnh:

- **Không:** MP > TP, lệnh không kích hoạt
- **Có:** MP <= TP, lệnh kích hoạt

4.2.6. Lệnh tranh mua, tranh bán

- Giới thiệu

  - Lệnh Tranh Mua/Tranh Bán là lệnh điều kiện **ưu tiên khớp nhanh nhất có thể**, sẵn sàng chấp nhận bất kỳ mức giá nào trong biên độ cho phép.

  - Điều này tương đương KH sẵn sàng Mua ở các mức giá ATO/trần/ATC và sẵn sàng Bán ở các mức giá ATO/sàn/ATC. Lệnh này thích hợp với những cổ phiếu niêm yết trên HSX.

  - Khác với lệnh thường (một lần đặt, hủy nếu không khớp), lệnh Tranh Mua/Tranh Bán có khả năng **tự động chuyển đổi loại lệnh qua 3 giai đoạn trong ngày** và **tự kích hoạt lại vào ngày hôm sau** nếu chưa khớp đủ — cho đến khi hết thời hạn hiệu lực

- Màn hình nhập lệnh



(1) Nhập mã chứng khoán: hệ thống hiển thị thông tin giá của mã chứng khoán trần/tham chiếu/sàn.

(2) Chọn loại lệnh Mua/ Bán

(3) Nhập số tài khoản đặt lệnh : Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng. Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: NĐT kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

(4) Chọn Lệnh điều kiện = Tranh mua/ bán

(5) Nhập Khối lượng

(6) Phương thức: Mặc định = khớp đủ khối lượng

(7) Thời gian hiệu lực: Từ ngày ~ Đến ngày

(8) Nhấn button Đặt lệnh

- Cơ chế chuyển đổi lệnh theo phiên giao dịch

✓ Tại ngày hiệu lực, hệ thống sẽ đẩy toàn bộ khối lượng đặt mua vào sàn với giá ATO (không áp dụng ATO với mã sàn HNX/UpCOM)

✓ Nếu kết thúc phiên mở cửa ATO, lệnh ATO không khớp hoặc khớp một phần thì phần còn lại sẽ tự động chuyển sang lệnh mua giá trần/ bán giá sàn.

✓ Nếu kết thúc phiên khớp lệnh liên tục, lệnh không khớp hoặc khớp một phần thì phần còn lại sẽ tự động chuyển sang lệnh mua/bán giá ATC ((không áp dụng ATO với mã sàn HNX/UpCOM)

✓ Nếu kết thúc ngày, trong khoảng thời gian lệnh vẫn còn hiệu lực, lệnh chưa khớp hết sẽ được kích hoạt lại vào ngày giao dịch tiếp theo và khớp cho đến khi khớp đủ khối lượng đặt.

- Minh họa:

✓ **Ví dụ minh họa đầy đủ — Lệnh Tranh Mua VHM**

NĐT muốn mua **1.000 cổ phiếu VHM (Vinhomes)** trên HOSE, đặt lệnh Tranh Mua với hiệu lực từ **10/06/2026 đến 12/06/2026**.

Ngày 1 — 10/06/2026

Phiên	Diễn biến	KL khớp	KL còn lại
ATO (9:00)	Giá mở cửa 43.500đ — cầu lớn, chỉ khớp được 300 CP	300	700
Liên tục (9:15–14:30)	Chuyển LO 46.600đ (giá trần) — khớp thêm 200 CP	200	500
ATC (14:30)	Chuyển ATC giá đóng cửa 44.200đ — khớp thêm 100 CP	100	400
Kết thúc ngày	Còn dư 400 CP, vẫn trong hiệu lực → giữ lại sang T+1	—	400

Ngày 2 — 11/06/2026

Phiên	Diễn biến	KL khớp	KL còn lại
ATO (9:00)	Giá mở cửa 44.000đ — khớp được 400 CP còn lại	400	0
Kết quả	**Lệnh hoàn tất — đủ 1.000 CP** sau 2 ngày giao dịch	—	0

Tổng giá vốn bình quân = (300×43.500 + 200×46.600 + 100×44.200 + 400×44.000) ÷ 1.000 = **44.270 đ/CP**

✓ **Ví dụ minh họa — Lệnh Tranh Bán CEO**

Theo màn hình ảnh: NĐT đặt **Tranh Bán 200 CP CEO (HNX)**, phương thức **Khớp đủ KL**, hiệu lực 10/06–30/06/2026.

Vì CEO niêm yết trên **HNX** (chỉ có phiên liên tục, không có ATO/ATC), lệnh sẽ hoạt động như sau:

Ngày	Cơ chế	Giá đặt	Kết quả
Mỗi ngày giao dịch	LO giá sàn	13.40đ (giá sàn hôm đó)	Chờ khớp trong phiên liên tục
Nếu không khớp hết	Hủy phần dư cuối phiên	—	Kích hoạt lại ngày hôm sau
Đến 30/06/2026	Hết hiệu lực	—	Hủy phần còn lại

Giá sàn theo màn hình là **13.40đ**, giá TC **14.80đ**, giá trần **16.20đ**. NĐT chấp nhận bán ở mức giá thấp nhất có thể để đảm bảo thoát được hàng.

4.3. Sổ lệnh

- Đường dẫn: Menu Sổ lệnh/ Tab Cơ sở
- Mục đích: Hiển thị tất cả các lệnh cơ sở KH đã đặt trên tab SỔ LỆNH

- Hiển thị danh sách lệnh mà KH đã đặt
- Bộ lọc:

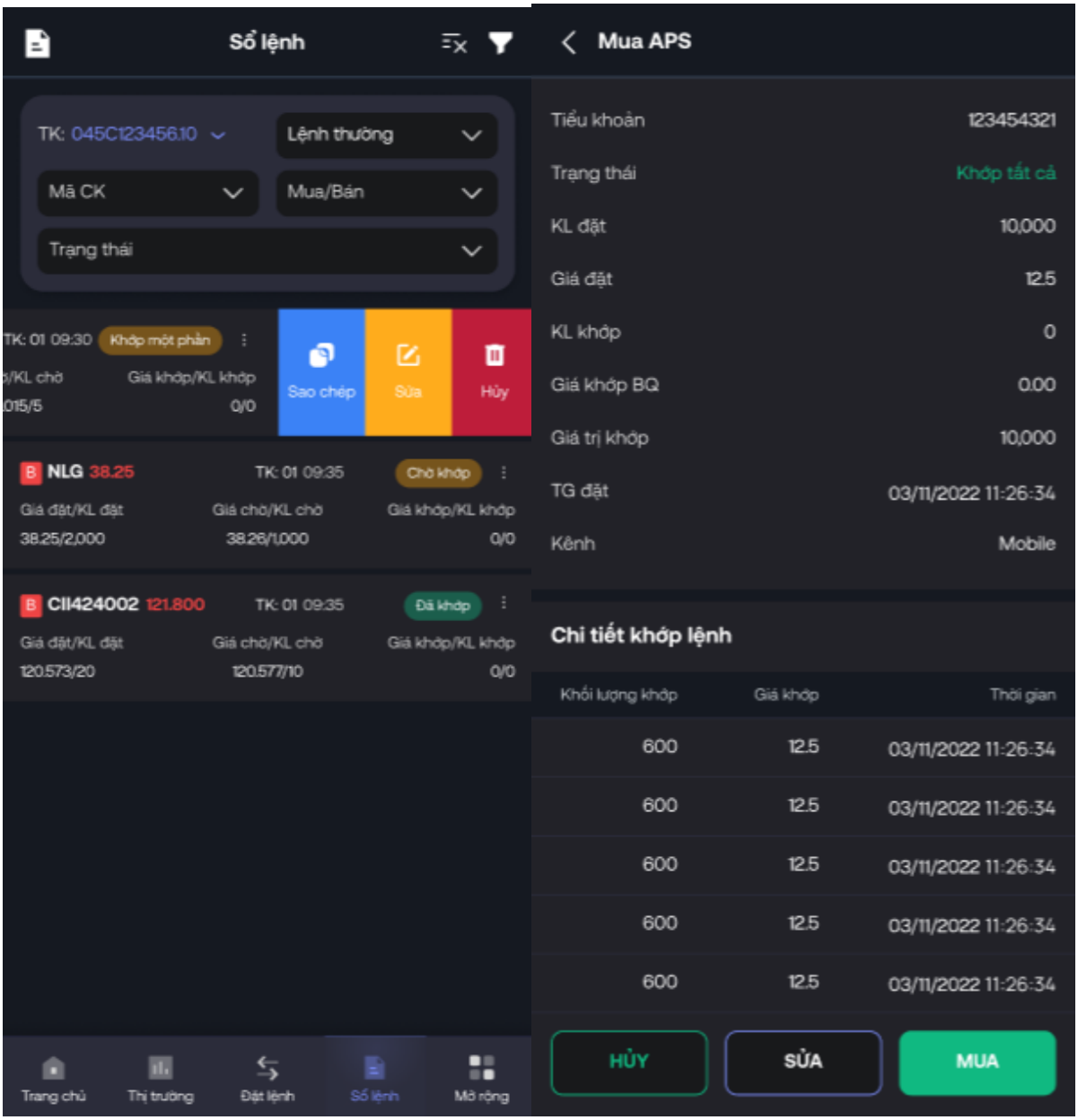
  + Loại lệnh: Thường/Điều kiện/Trước giờ

  + Mã CK

  + Loại lệnh Mua/Bán

  + Trạng thái

    - Từ chối
    - Chờ gửi
    - Chờ khớp
    - Khớp 1 phần
    - Khớp hết
    - Hủy 1 phần
    - Hủy hết
    - Sở từ chối



Sổ lệnh và chi tiết khớp lệnh

- Chức năng:

  + Copy lệnh: Copy thông tin lệnh đã đặt và fill thông tin vào màn hình đặt lệnh

  + Sửa lệnh: Cho phép KH sửa lệnh theo quy định của sàn giao dịch

    - Chọn lệnh cần sửa => Hiển thị màn hình Chi tiết lệnh
    - Thực hiện sửa giá/khối lượng
    - Nhấn nút Xác nhận lệnh để gửi thông tin sửa lệnh

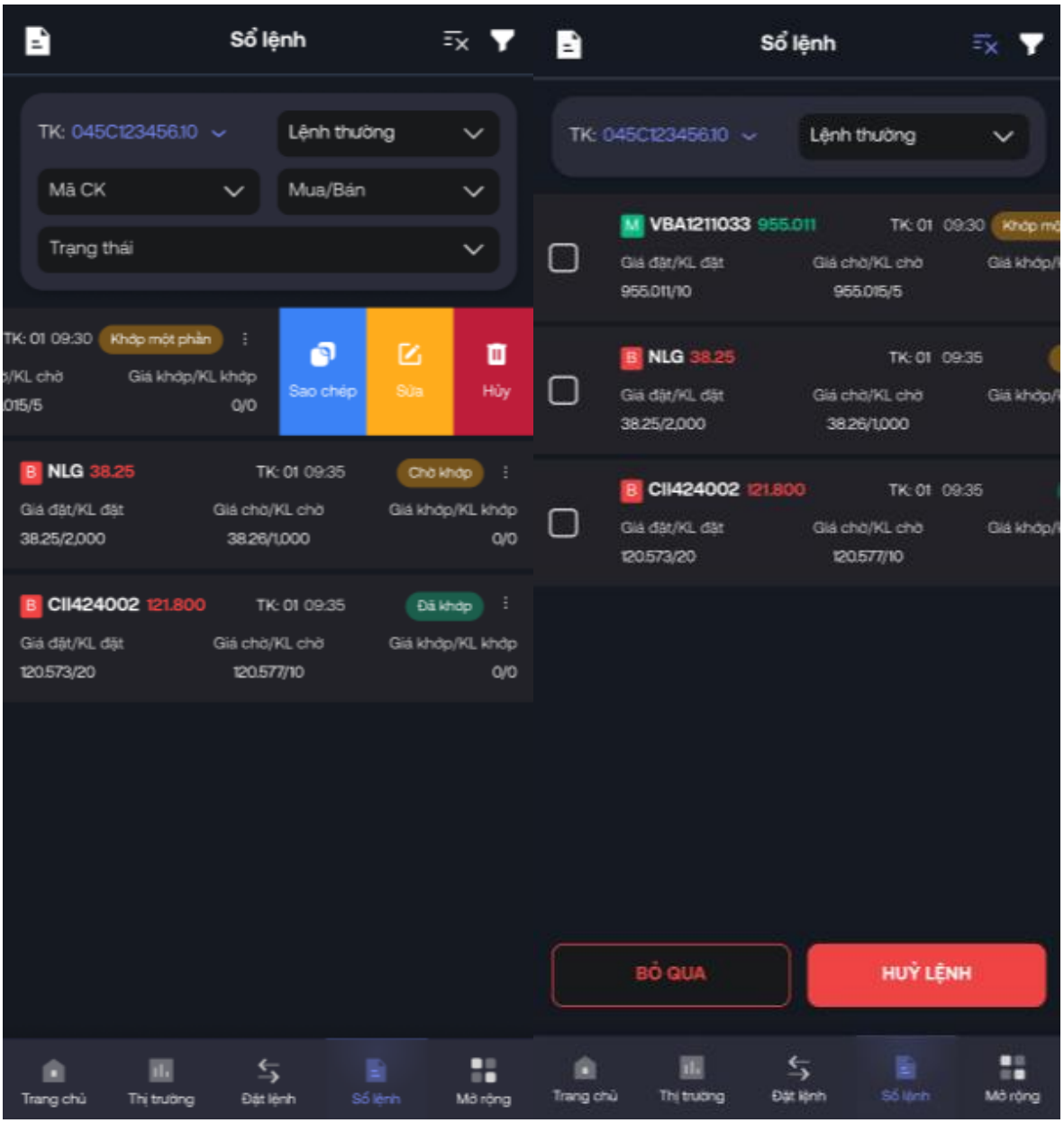
- Thực hiện sửa lệnh thành công và lệnh được cập nhật thông tin mới sau khi sửa

+ Hủy lệnh: Cho phép KH hủy lệnh theo quy định của sàn giao dịch

- Chọn lệnh cần hủy => Mở popup xác nhận "Có chắc chắn muốn hủy lệnh không"
- Hủy xác nhận: Đóng popup và không hủy lệnh
- Xác nhận: Gửi lệnh hủy lên sở thành công

+ Hủy nhiều lệnh: Cho phép KH hủy nhiều lệnh

- Tích vào checkbox chọn những lệnh cần hủy => Mở popup xác nhận "Có chắc chắn muốn hủy lệnh không"
- Hủy xác nhận: Đóng popup và không hủy lệnh
- Xác nhận: Gửi lệnh hủy lên sở thành công

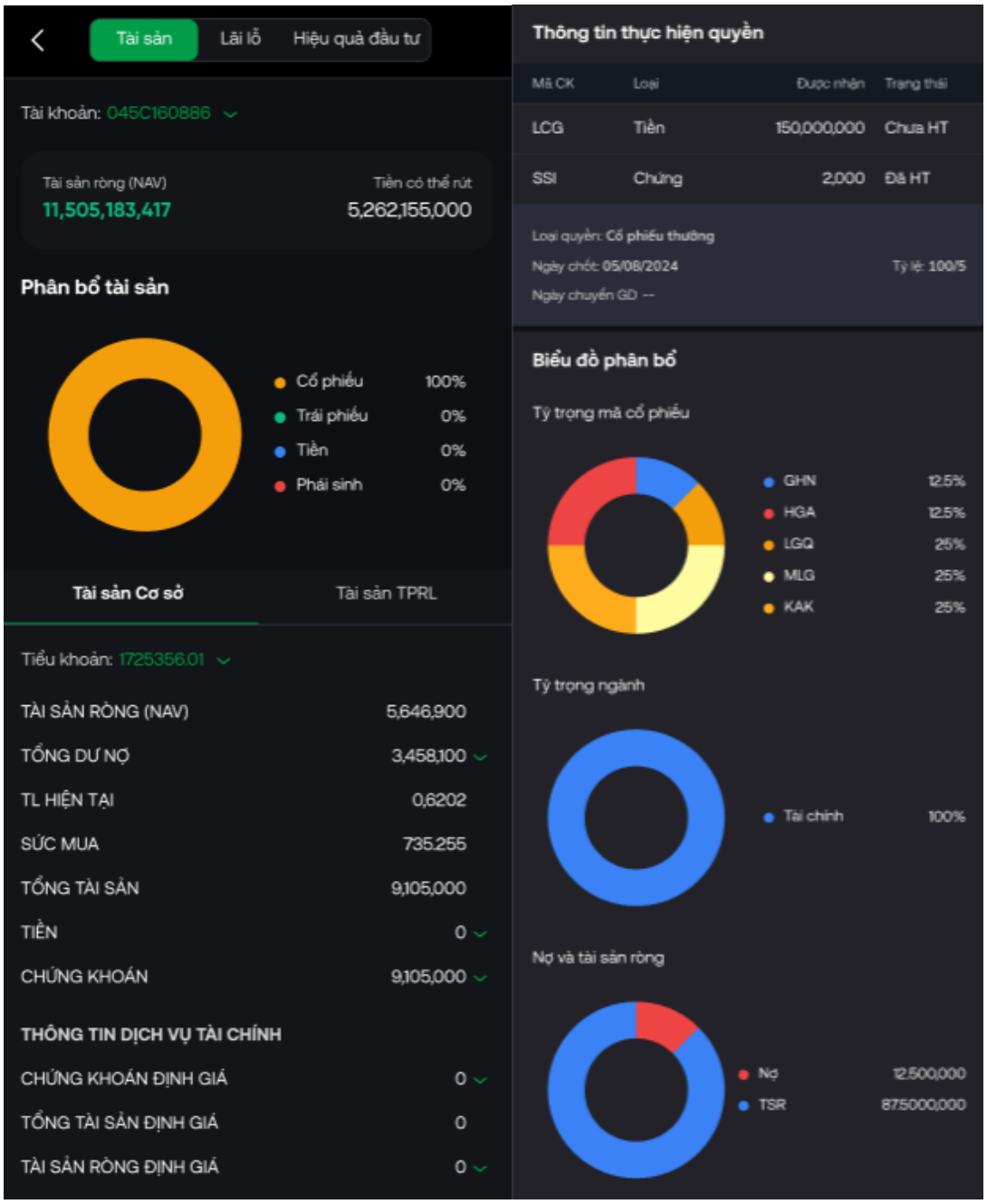


Copy lệnh, sửa lệnh và hủy nhiều lệnh

V. TÀI SẢN

5.1. Tài sản cơ sở

- Mục đích: Hiển thị thông tin tài sản của khách hàng
- Đường dẫn: APP/Tài sản/Tab Tài sản/Tab Tài sản cơ sở



- Thông tin tài sản cơ sở gồm:

- Tổng tài sản
- Tổng GT đầu tư
- Lãi lỗ tạm tính
- Tài sản ròng (NAV)
- Tổng GT hiện tại
- Tiền có thể rút
- Tiền
    - Tiền = Tổng số dư + Tiền bán chờ về + tiền cổ tức chờ về

  - Số dư
  - Tiền bán chờ về (T0, T1, T2)
  - Tiền cổ tức chờ về
  - Tiền có thể rút
- Tổng dư nợ
  - Cần giải ngân
  - Nợ vay margin: Tổng nợ gốc Margin
  - Nợ vay cầm cố, bảo chứng: Tổng nợ hợp đồng cầm cố
  - Nợ khác (bao gồm các loại nợ chậm thanh toán: Nợ phí lưu ký, nợ phí SMS, nợ phí giao dịch PS,...)
  - Tổng lãi phải trả: bao gồm margin + HĐ nợ
  - Phí tạm tính (bao gồm phí lưu ký tạm tính trong kỳ, phí sms tạm tính trong kỳ)
- Chứng khoán
  - Chứng khoán = Giá trị CK hiện có + Giá trị CK chờ về + Giá trị quyền chờ về
  - Giá trị CK hiện có: Giá trị CK hiện có bao gồm các loại 10, 15, 20, 25
  - Giá trị CK chờ về (bao gồm giá trị CK mua chờ về T2,T1 và mua trong ngày đã khớp + chờ khớp)
  - Giá trị quyền chờ về: Giá trị CK cổ tức chờ thanh toán quyền 2, 3, 4
- Tổng tài sản: Tổng tài sản tiểu khoản
- Tài sản ròng: Tài sản thực = Tổng tài sản – Tổng nợ

- Thông tin tài khoản DVTC
- Chứng khoán định giá:
  - Giá trị CK hiện có: Giá trị CK hiện có bao gồm các loại 10, 15, 20, 25 x TL định giá danh mục margin
  - Giá trị CK chờ về: Giá trị CK mua chờ về x TL định giá danh mục margin
- Tổng tài sản định giá: Tổng tài sản margin
- Tổng tài sản ròng định giá:
  - Vay tối đa theo tài sản
  - Tỷ lệ hiện tại
  - Trạng thái tài khoản
  - Tiền mặt cần bổ sung
  - Giá trị CK cần bổ sung
  - Giá trị CK cấn bán

- Thông tin quyền
- Mã CK
- Loại
- Được nhận
- Trạng thái

- Phân bổ danh mục (đối với thông tin tài sản của tiểu khoản)



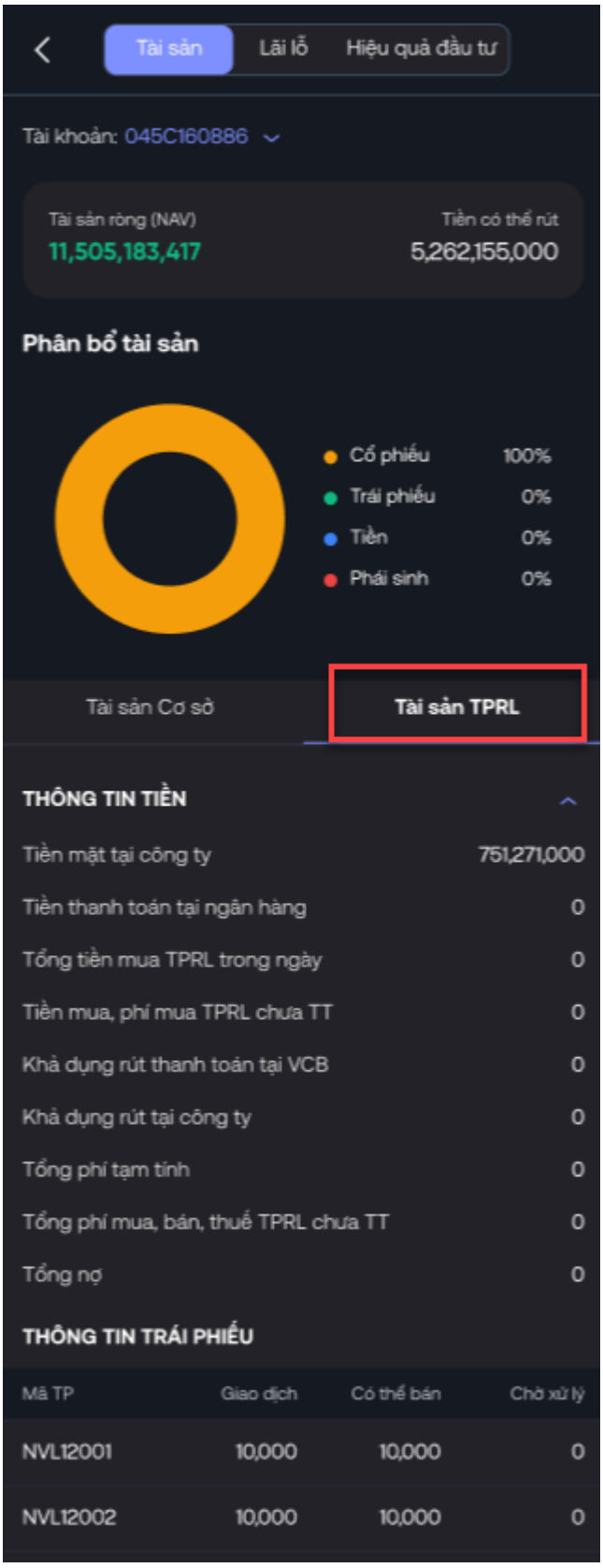
5.2. Tài sản TPRL

- Mục đích: Hiển thị thông tin tài sản TPRL của khách hàng
- Đường dẫn: Menu Tài sản/ Tab Tài sản/ Tab Tài sản TPRL

- Hiển thị thông tin tiền mặt:
  - Tiền mặt tại công ty: Số dư tiền mặt TK .60
  - Tiền thanh toán tại ngân hàng: Số dư tiền mặt TK .61
  - Tổng tiền mua TPRL trong ngày: Tổng tiền mua TPRL
  - Tiền mua, phí mua TPRL chưa thanh toán: Khả dụng có thể nộp thanh toán (tiền trên .60)
  - Khả dụng rút thanh toán tại VCB: Khả dụng rút tại VCB (tiền trên .61)
  - Khả dụng rút tại công ty
  - Tổng phí tạm tính
  - Tổng phí mua, bán, thuế TPRL chưa thanh toán: Giá tiền mua chưa thanh toán

- Tổng nợ

- Hiển thị danh sách các mã CK hiện có
- Hiển thị danh sách các mã CK có thực hiện quyền

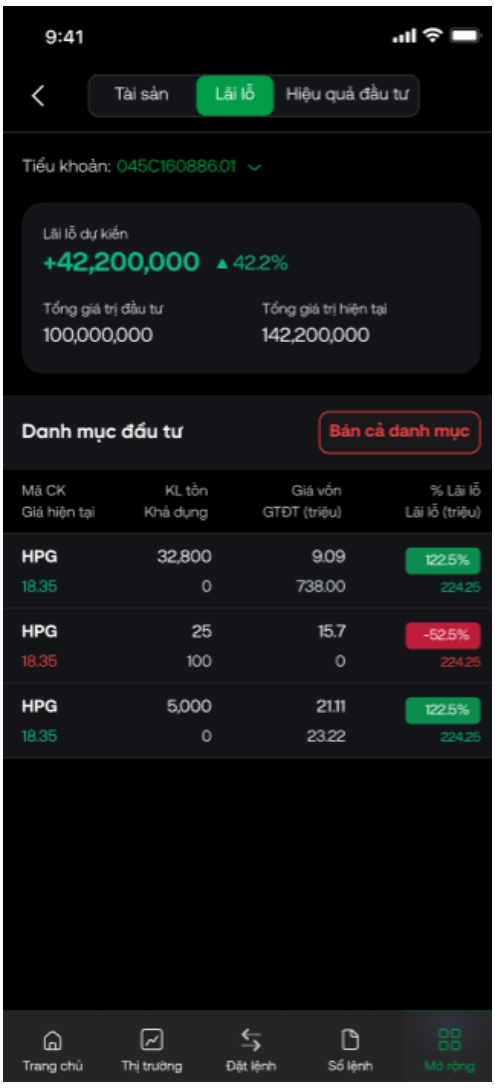

Tài sản
Lãi lỗ
Hiệu quả đầu tư
Tài khoản: 045C160886
Tài sản ròng (NAV)
11,505,183,417
Tiền có thể rút
5,262,155,000
Phân bổ tài sản
Cổ phiếu 100%
Trái phiếu 0%
Tiền 0%
Phái sinh 0%
Tài sản Cơ sở
Tài sản TPRL
THÔNG TIN TIỀN
Tiền mặt tại công ty 751,271,000
Tiền thanh toán tại ngân hàng 0
Tổng tiền mua TPRL trong ngày 0
Tiền mua, phí mua TPRL chưa TT 0
Khả dụng rút thanh toán tại VCB 0
Khả dụng rút tại công ty 0
Tổng phí tạm tính 0
Tổng phí mua, bán, thuế TPRL chưa TT 0
Tổng nợ 0
THÔNG TIN TRÁI PHIẾU
Mã TP Giao dịch Có thể bán Chờ xử lý
NVL12001 10,000 10,000 0
NVL12002 10,000 10,000 0

5.3. Lãi lỗ Cơ sở

- Mục đích: Hiển thị danh mục chứng khoán của khách hàng đầu tư, theo dõi lãi lỗ trên giá vốn và giá hiện tại của chứng khoán
- Đường dẫn: Người dùng vào menu Tài sản / Tab Lãi lỗ/ Tab Cơ sở

(1) Danh mục đầu tư cho phép KH xem chi tiết của từng mã: giá trị đầu tư, giá thị trường, lãi/lỗ, thông tin quyền,…

(2) Cho phép bán tất cả danh mục hiện đang có



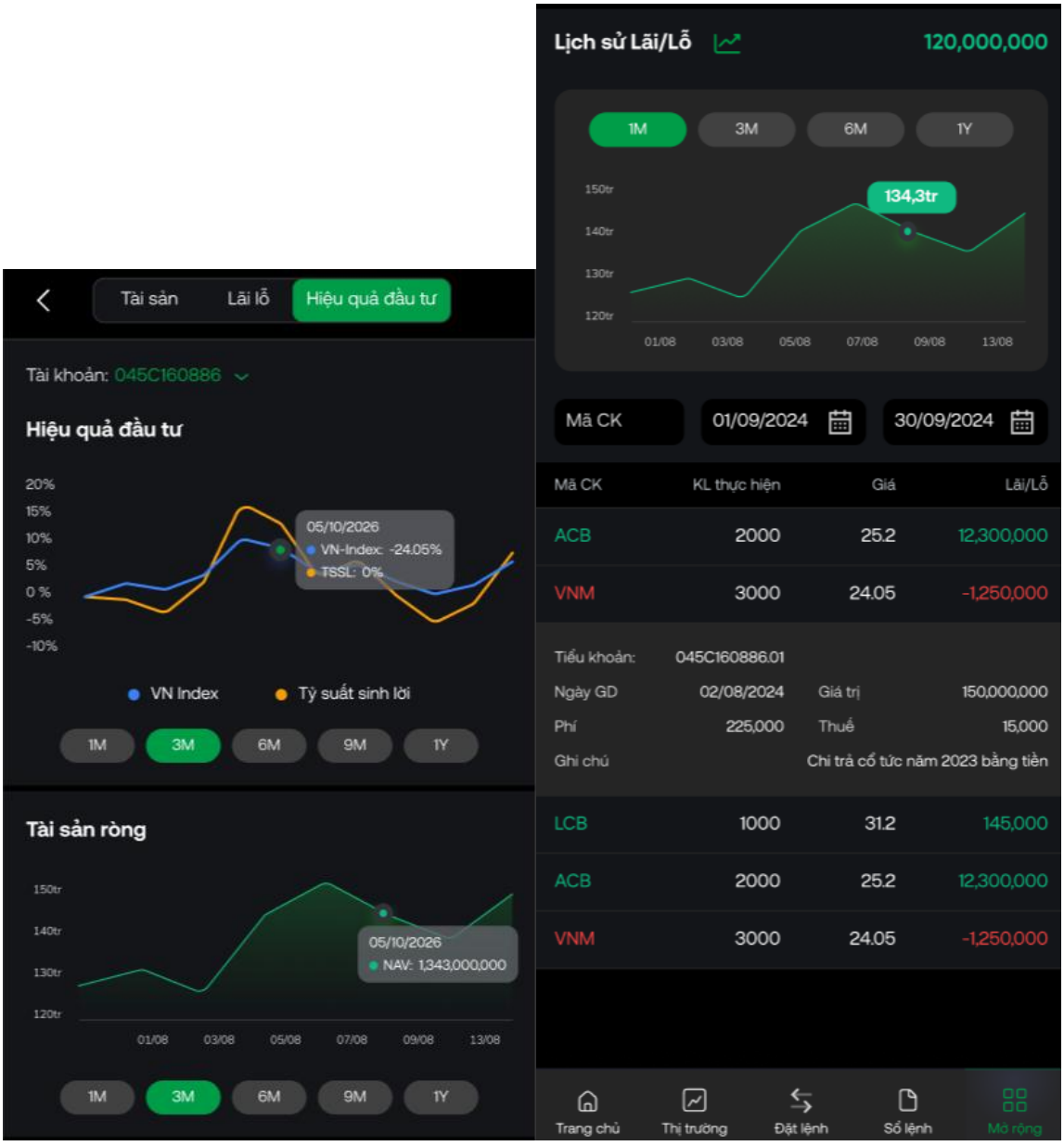


5.4. Hiệu quả đầu tư Cơ sở

- Mục đích: Theo dõi quá trình đầu tư, tài sản ròng, lãi/lỗ

- Đường dẫn: Người dùng vào menu Tài sản / Tab Hiệu quả đầu tư/ Tab Cở sở

- Theo dõi hiệu quả đầu tư của danh mục hiện có của KH theo 1M, 3M, 6M, 9M, 1Y
- Theo dõi biến động của tổng tài sản theo 1M, 3M, 6M, 9M, 1Y
- Theo dõi lịch sử lãi/lỗ của các mã đã đầu tư



VI. DỊCH VỤ CƠ BẢN

6.1. Chuyển tiền

6.1.1. Chuyển tiền ngân hàng

- Mục đích: Chuyển tiền từ tài khoản công ty chứng khoán sang tài khoản ngân hàng
- Đường dẫn: Menu Dịch vụ cơ bản/Chuyển tiền/ Chọn loại Chuyển khoản ngân hàng
  - Các bước thực hiện:

    (1) Nhập thông tin số tài khoản chuyển tiền: Hệ thống hiển thị các thông tin của TK chuyển và số dư có thể chuyển khoản

    (2) Nhập thông tin số tài khoản nhận tiền: Hệ thống hiển thị các thông tin của TK nhận

    (3) Nhập số tiền chuyển, nội dung chuyển tiền

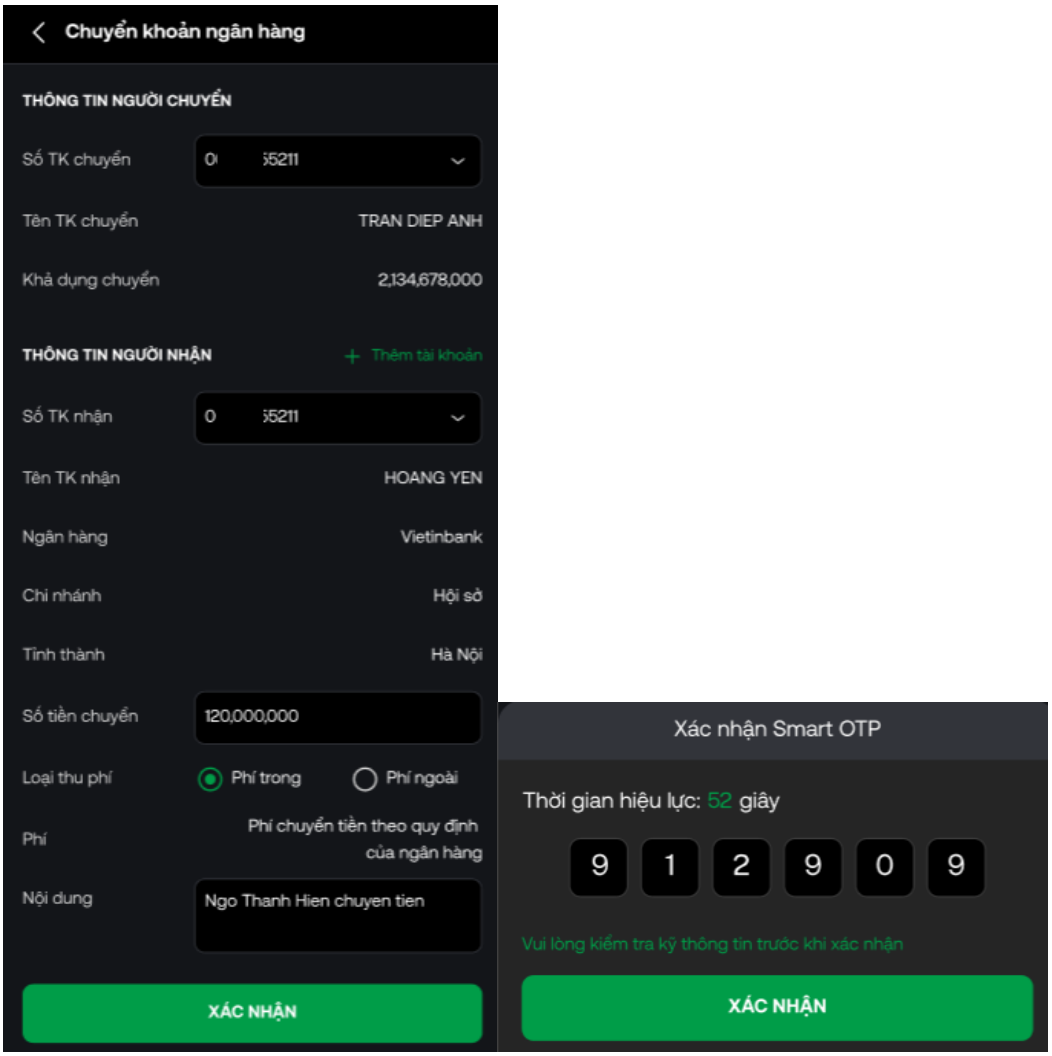
    (4) Nhấn Tạo yêu cầu chuyển sang form xác nhận chuyển tiền

    (5) Nhấn xác nhận => Xác nhận yêu cầu

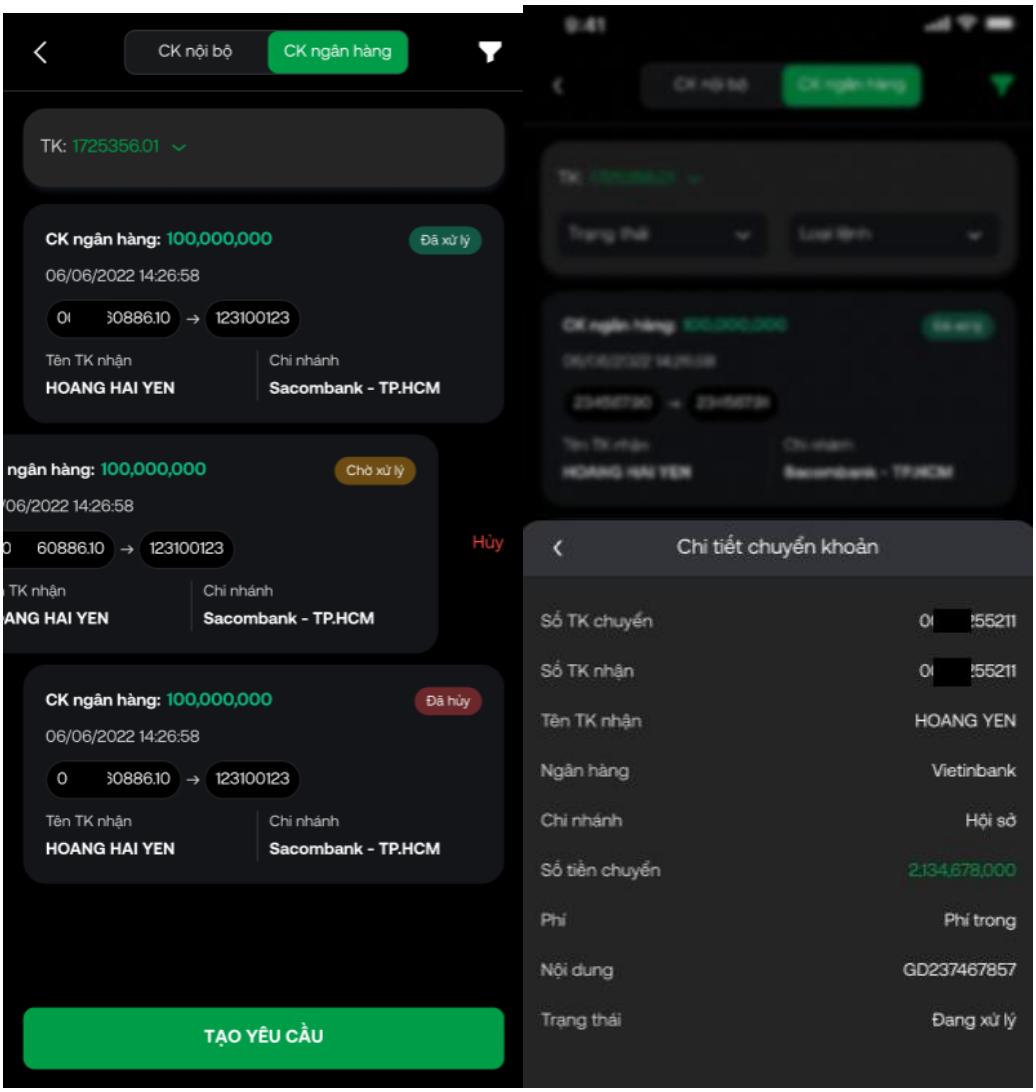
    (6) Yêu cầu nhập OTP phương thức xác thực cấp 2 của dịch vụ chuyển tiền

    + Nhập sai OTP => Thông báo giao dịch chuyển tiền không thành công

    + Nhập đúng OTP => Thông báo giao dịch chuyển tiền thành công



Tạo YC chuyển tiền và xác thực OTP



Lịch sử CK ngân hàng và chi tiết GD chuyển khoản

6.1.2. Chuyển tiền nội bộ

- Mục đích: Khách hàng có thể chuyển tiền giữa các tài khoản cash, margin
- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Chuyển tiền/Chuyển tiền nội bộ
  - Các bước thực hiện:

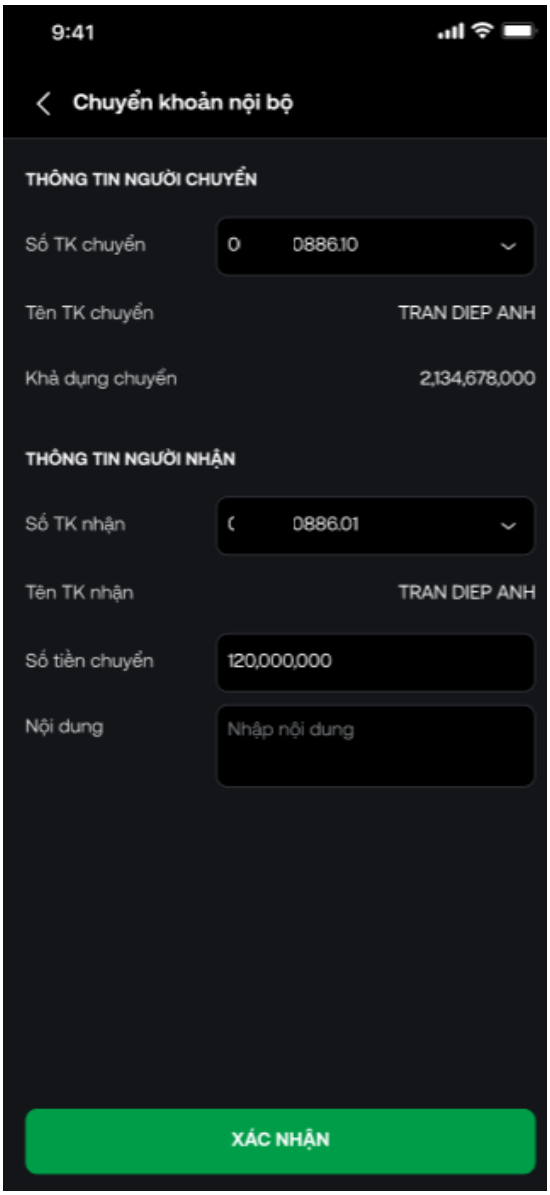
    (1) Chọn: Tài khoản chuyển

    (2) Chọn số tài khoản nhận

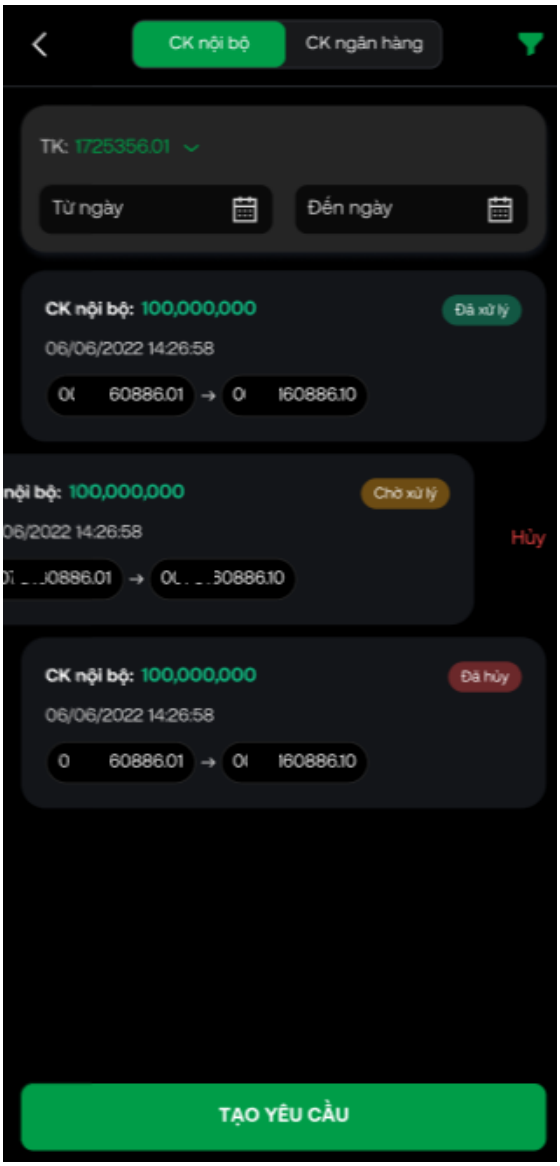
    (3) Nhập thông tin chuyển tiền: Số tiền chuyển, Nội dung

    (4) Nhấn nút Tạo yêu cầu chuyển sang form xác nhận

(5) Nhấn xác nhận => xác nhận yêu cầu chuyển tiền => Chuyển tiền nội bộ thành công



Tạo YC chuyển tiền nội bộ

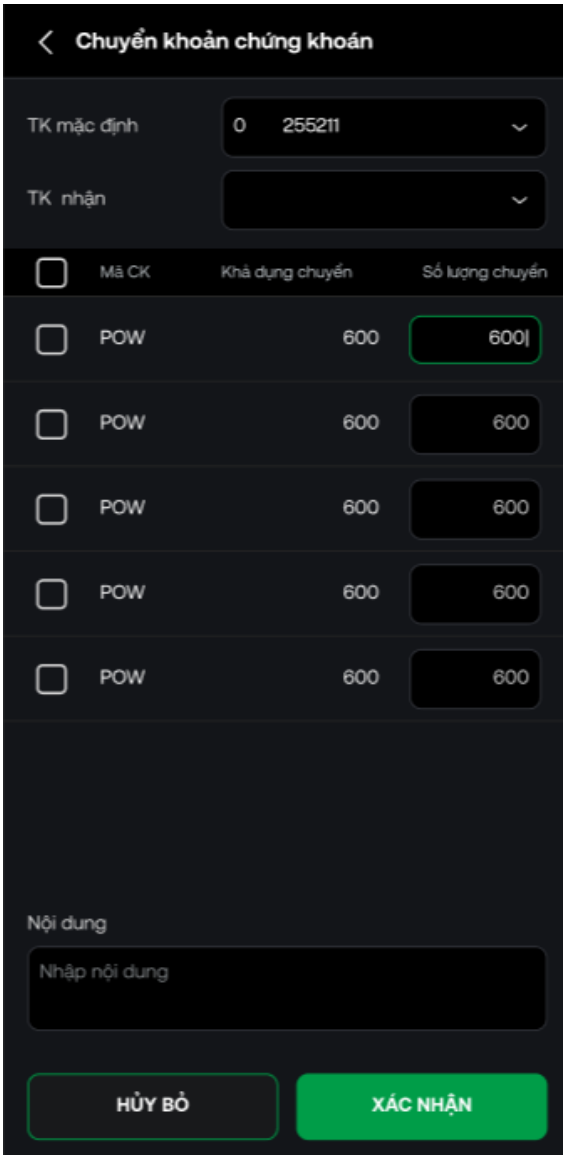


Lịch sử CK nội bộ

6.2. Chuyển chứng khoán

- Mục đích: Khách hàng có thể chuyển khoản chứng khoán giữa các tiểu khoản
- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Chuyển CK

6.2.1. Tạo yêu cầu chuyển khoản chứng khoán



- Thao tác:

(1) Chọn tài khoản chuyển và tài khoản nhận trong danh sách tài khoản

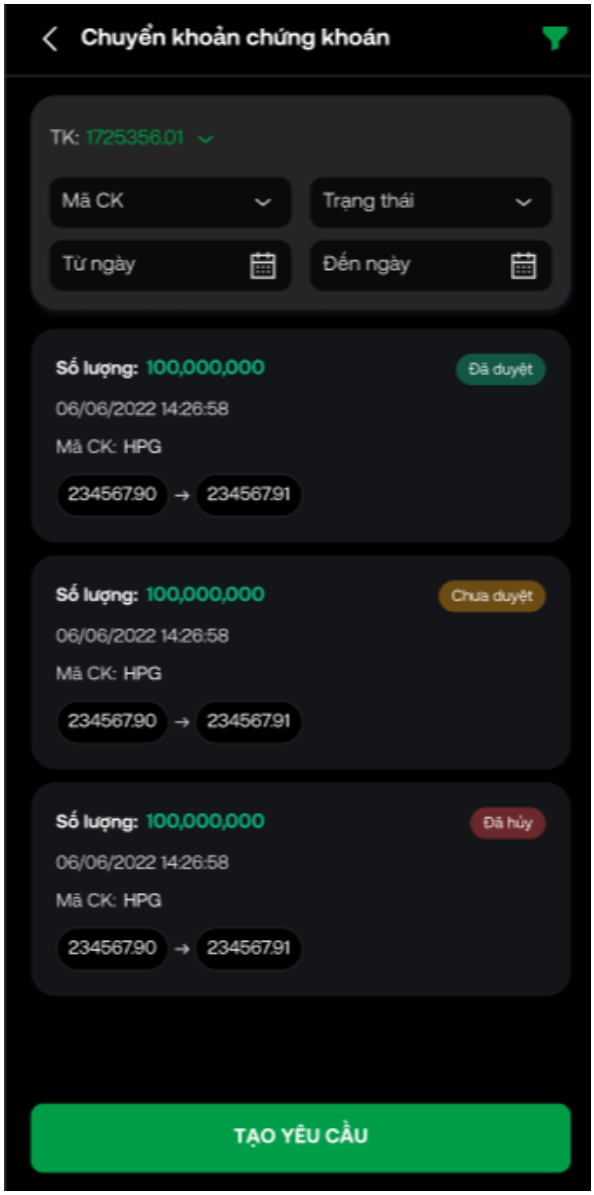
(2) Mã chứng khoán trong danh sách sở hữu của tài khoản chuyển cần chuyển

(3) Nhập số lượng giao dịch chuyển: yêu cầu số lượng chuyển không lớn hơn số dư giao dịch khả dụng

(4) Nhấn 'Xác nhận' => hiển thị thông báo ' Chuyển khoản thành công'

6.2.2. Lịch sử chuyển khoản chứng khoán

- Hiển thị danh sách những giao dịch chuyển khoản chứng khoán giữa các tiểu khoản
- Bộ lọc gồm:
    + Từ ngày - đến ngày
    + TK chuyển



6.3. Ứng trước

- Mục đích: Khách hàng có thể ứng trước tiền bán

- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Ứng trước
- Các bước thực hiện:

(1) Nhấn "Tạo yêu cầu"

(2) Nhập thông tin ứng tiền

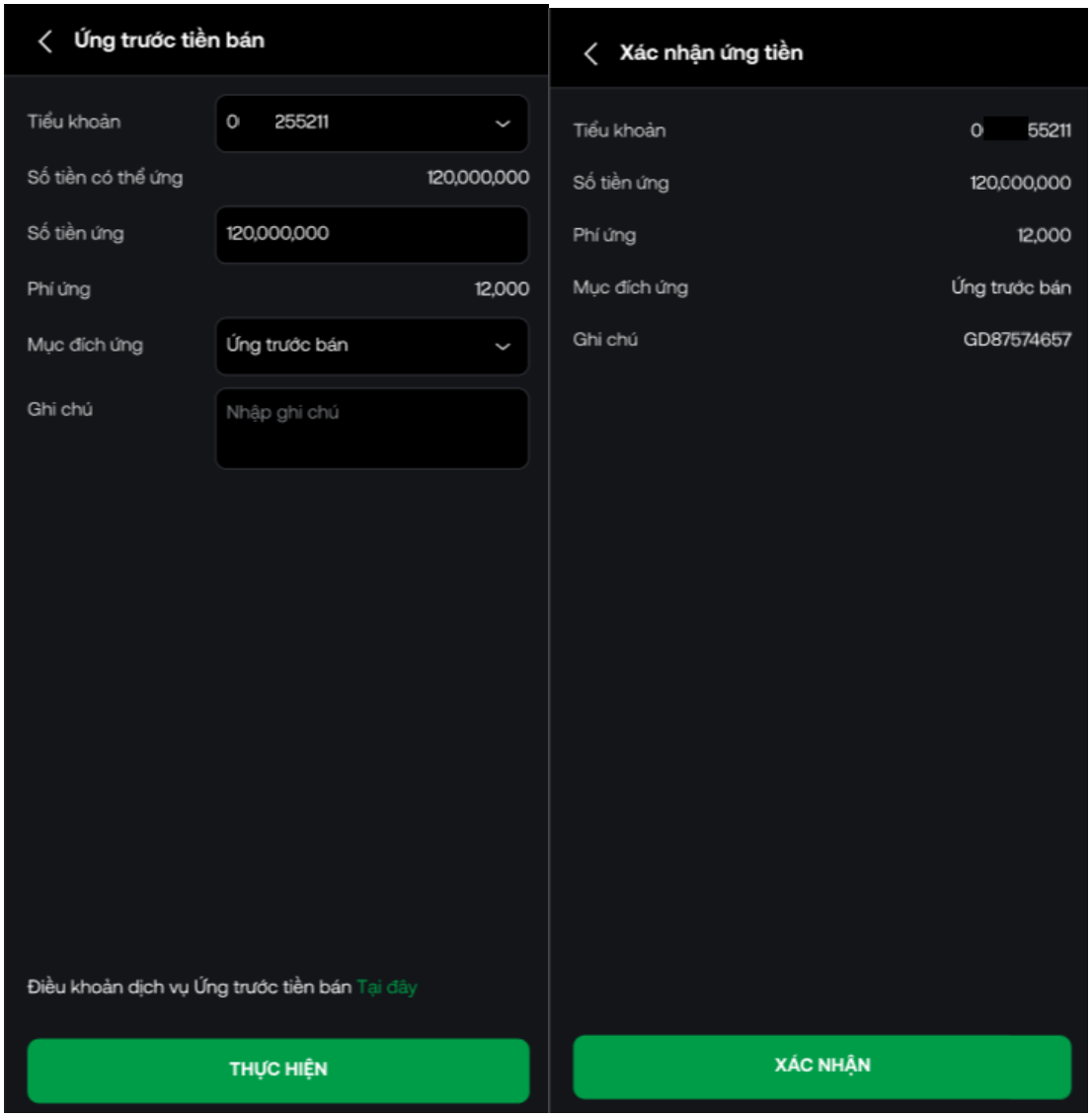
(3) Nhấn nút Tạo yêu cầu sang form xác nhận

(4) Nhấn nút 'Xác nhận'

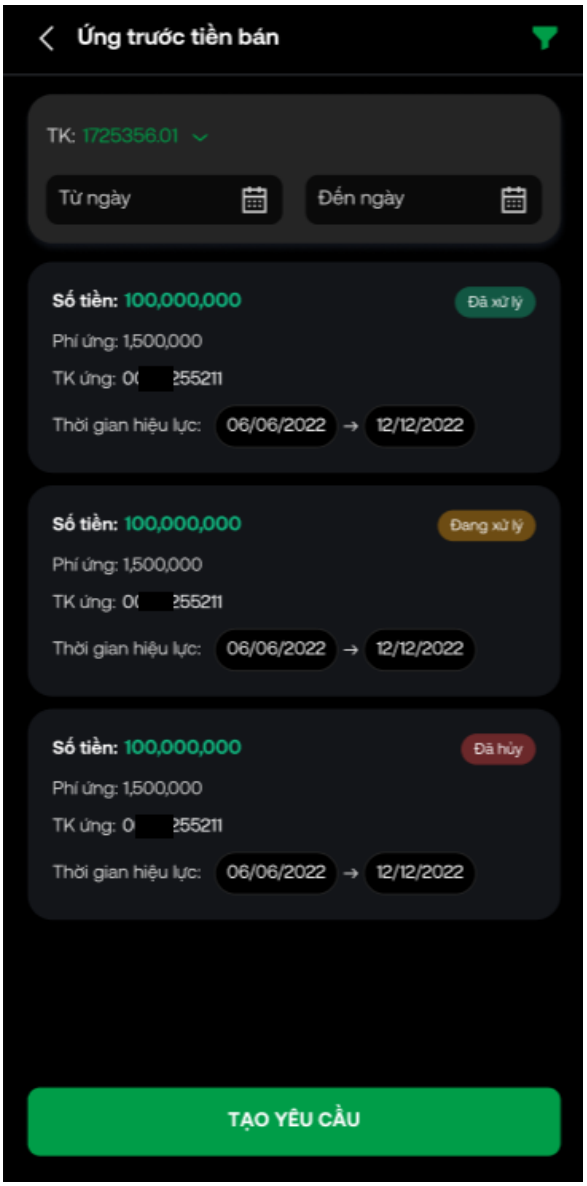
(5) Nhập OTP xác thực (OTP của nghiệp vụ ứng trước)

+ Nhập sai OTP => Thông báo giao dịch chuyển tiền không thành công

+ Nhập đúng OTP => Thông báo giao dịch chuyển tiền thành công



Tạo YC ứng tiền



Lịch sử ứng trước tiền bán

6.4. Mua PHT

- Mục đích: Khách hàng có thể đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm
- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Mua PHT
  - Các bước thực hiện đăng ký/hủy đăng ký:

    (1) Chọn vào mã chứng khoán được mua phát hành thêm

    (2) Chọn Thao tác:

    + Đăng ký mua

+ Hủy đăng ký mua

+ Chuyển nhượng (chuyển nhượng quyền mua sang các TK cùng công ty và khác công ty)

+ Chuyển nhượng nội bộ (chuyển nhượng quyền mua sang các tiểu khoản khác trong cùng 1 tài khoản)

(3) Nhập Số lượng, Ghi chú

(4) Nhấn button thực hiện => Mở màn hình xác nhận đăng ký/hủy đăng ký quyền mua với các thông tin chi tiết đăng ký/hủy đăng ký

(5) Nhấn button Tạo yêu cầu => Yêu cầu OTP xác thực (OTP của nghiệp vụ Mua PHT)

+ Nhập sai OTP => Thông báo đăng ký/hủy đăng ký mua không thành công

+ Nhập đúng OTP => Thông báo đăng ký/hủy đăng ký mua thành công

- Lịch sử đăng ký/hủy đăng ký mua PHT

- Hiển thị danh sách đã mua/hủy mua PHT
- Bộ lọc hỗ trợ:

  + Loại Đăng ký/Hủy đăng ký và Chuyển nhượng/Chuyển quyền nội bộ

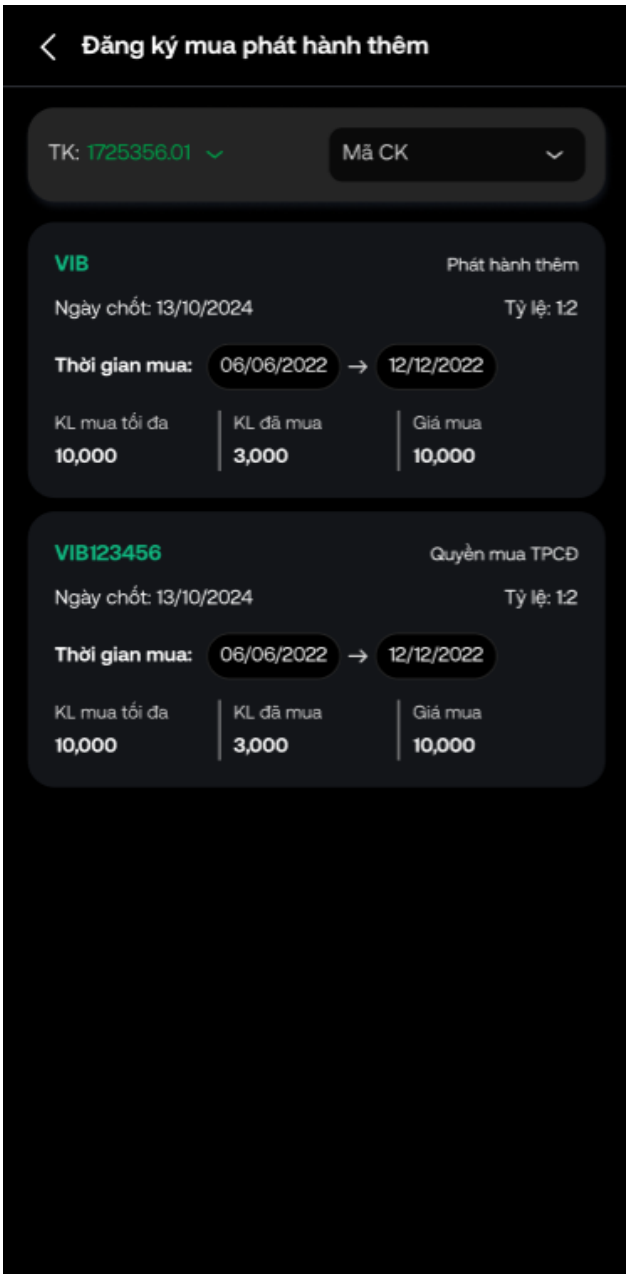
  + Loại Đăng ký PHT/Quyền mua TPCĐ

  + Mã CK

  + Thời gian từ ngày – đến ngày đăng ký
- Cho phép hủy giao dịch đăng ký/hủy đăng ký mua PHT ở trạng thái = Chờ duyệt

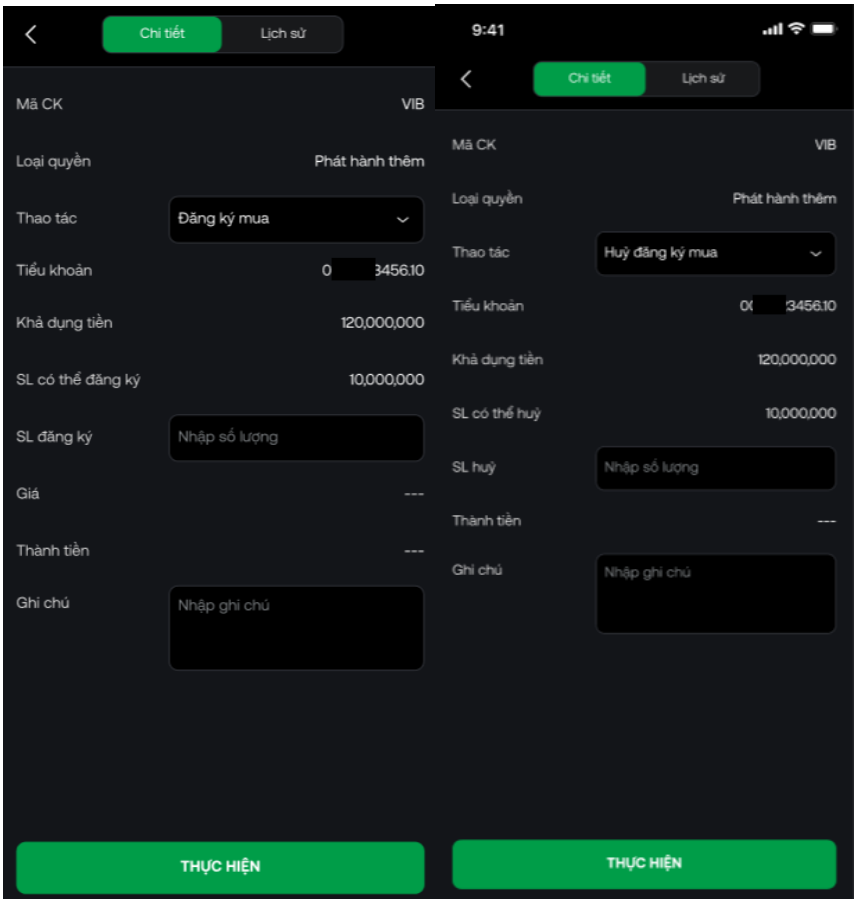
  + Vuốt sang trái nhấn vào button Hủy GD

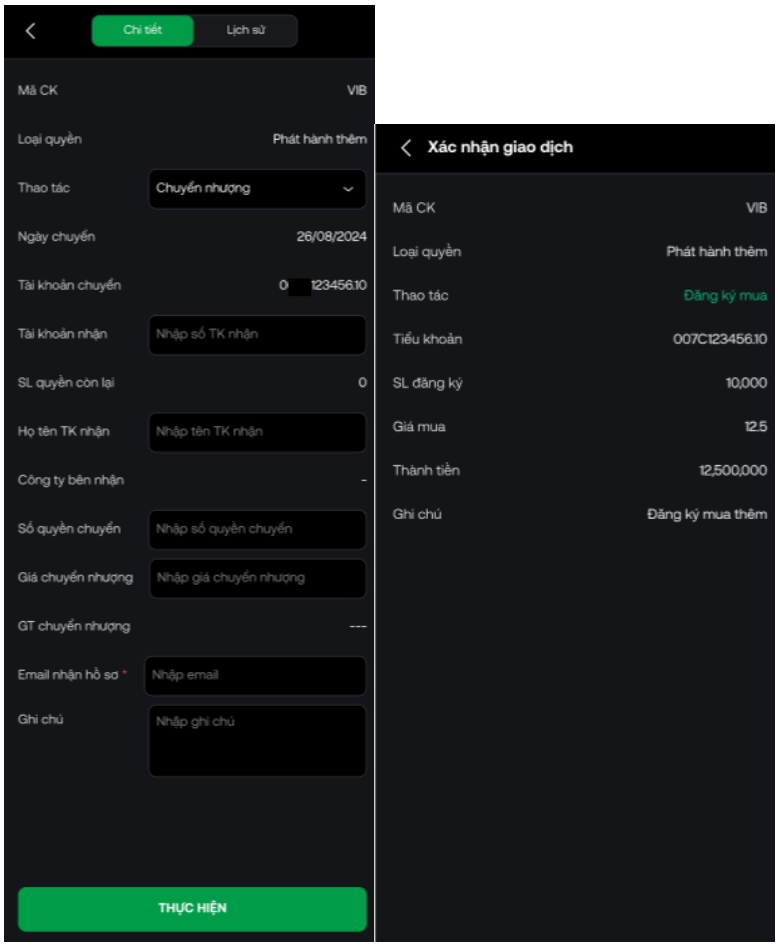
  + Mở popup Xác nhận hủy GD => Nhấn Xác nhận => Hủy GD thành công và cập nhật trạng thái = Đã hủy



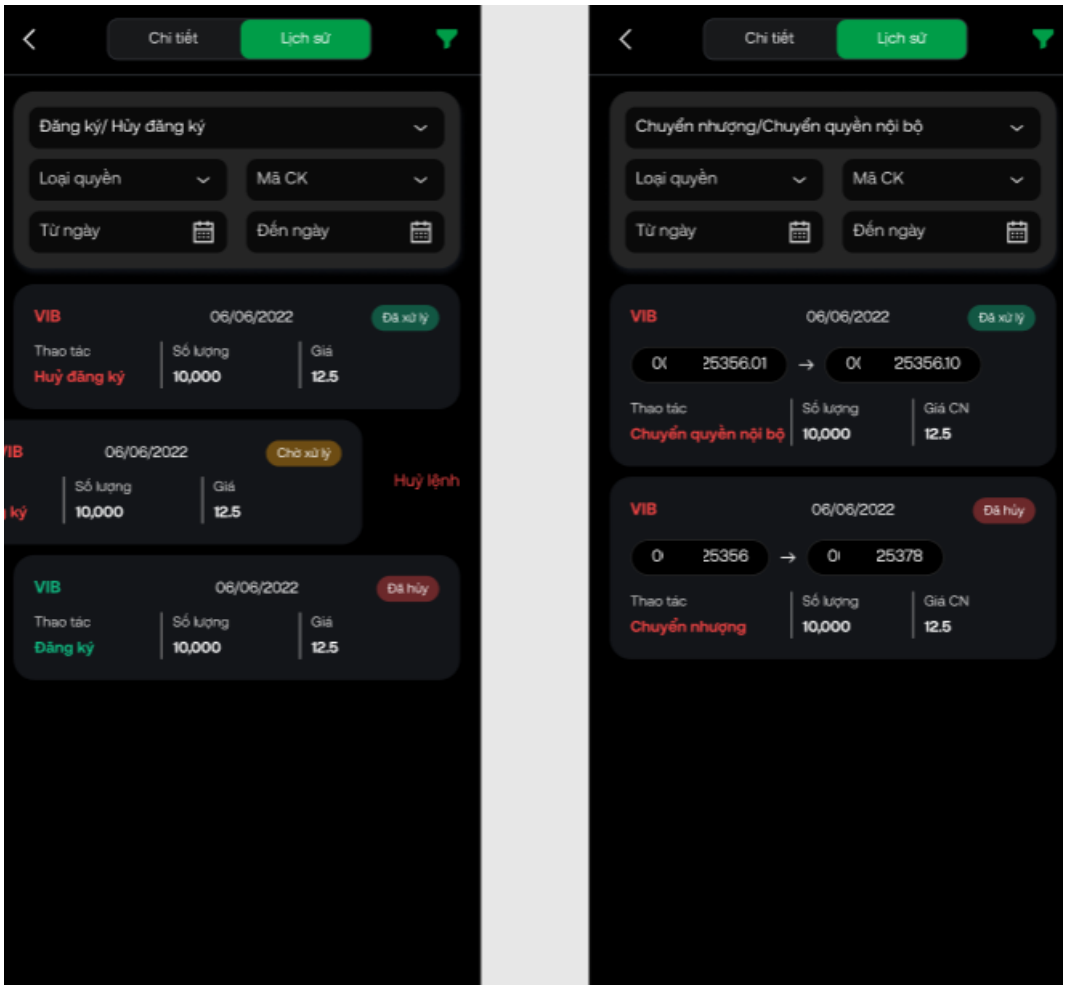
Danh sách mã CK được phép đăng ký mua PHT

Confidential





Đăng ký mua PHT, hủy đăng ký mua PHT, chuyển nhượng quyền mua



Lịch sử Đăng ký/Hủy mua PHT, chuyển nhượng quyền mua

6.5. Đăng ký Trái phiếu chuyển đổi

- Mục đích: Khách hàng có thể đăng ký chuyển đổi từ cổ phiếu sang trái phiếu
- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Đăng ký TPCĐ
  - Các bước thực hiện:

    (1) Chọn Tiểu khoản, Mã CK được phép đăng ký chuyển đổi

    (2) Chọn Thao tác:

    + Đăng ký

    + Hủy đăng ký

    (3) Chọn loại chuyển đổi:

    + Cổ phiếu

+ Tiền

(4) Nhập Số lượng, Ghi chú

(5) Nhấn button thực hiện => Mở màn hình xác nhận đăng ký/hủy đăng ký chuyển đổi với các thông tin chi tiết của mã CK chuyển đổi

(6) Nhấn button Tạo yêu cầu => Yêu cầu OTP xác thực (OTP của nghiệp vụ Mua PHT)

+ Nhập sai OTP => Thông báo đăng ký/hủy đăng ký chuyển đổi không thành công

+ Nhập đúng OTP => Thông báo đăng ký/hủy đăng ký chuyển đổi thành công

- Lịch sử đăng ký/hủy đăng ký trái phiếu chuyển đổi

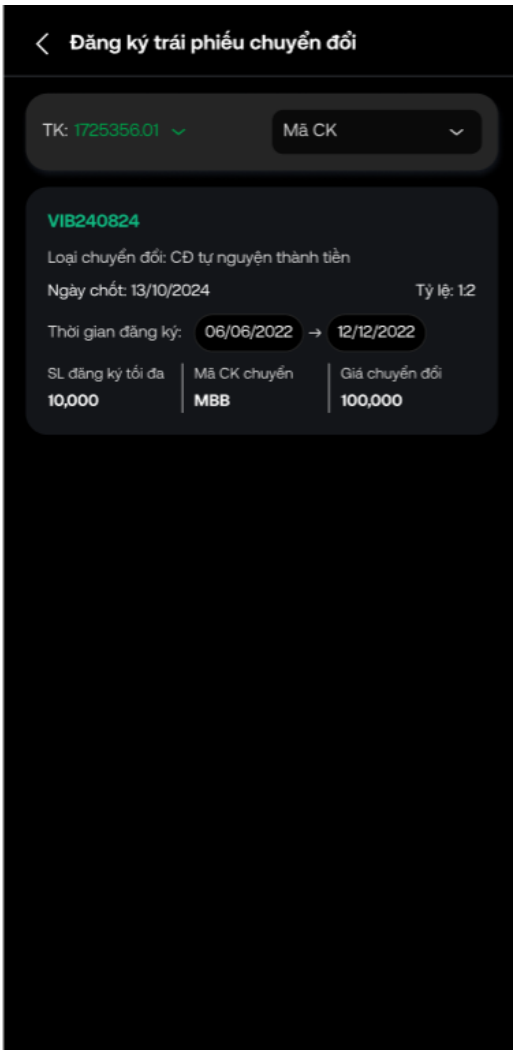
- Hiển thị danh sách đã đăng ký/hủy đăng ký trái phiếu chuyển đổi
- Bộ lọc hỗ trợ:

  + Mã CK

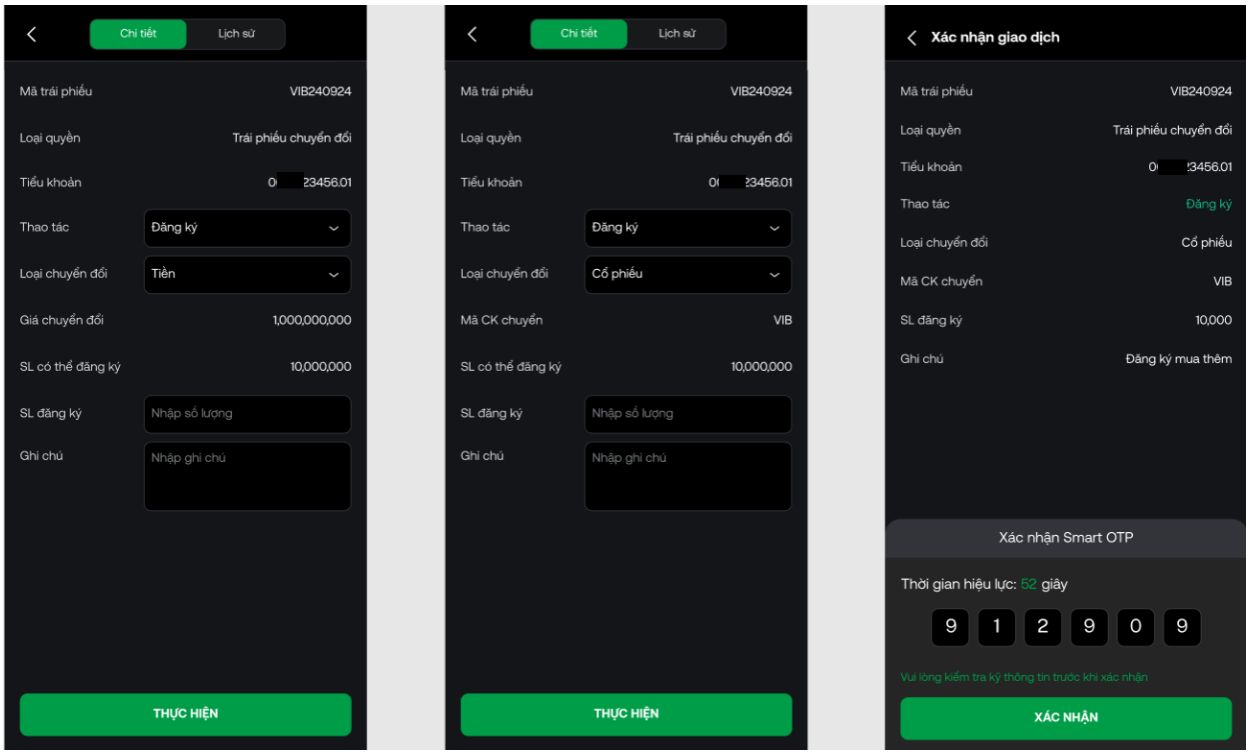
  + Thời gian từ ngày – đến ngày đăng ký
- Cho phép hủy giao dịch đăng ký/hủy đăng ký TPCĐ ở trạng thái = Chờ duyệt

  + Vuốt sang trái nhấn vào button Hủy GD

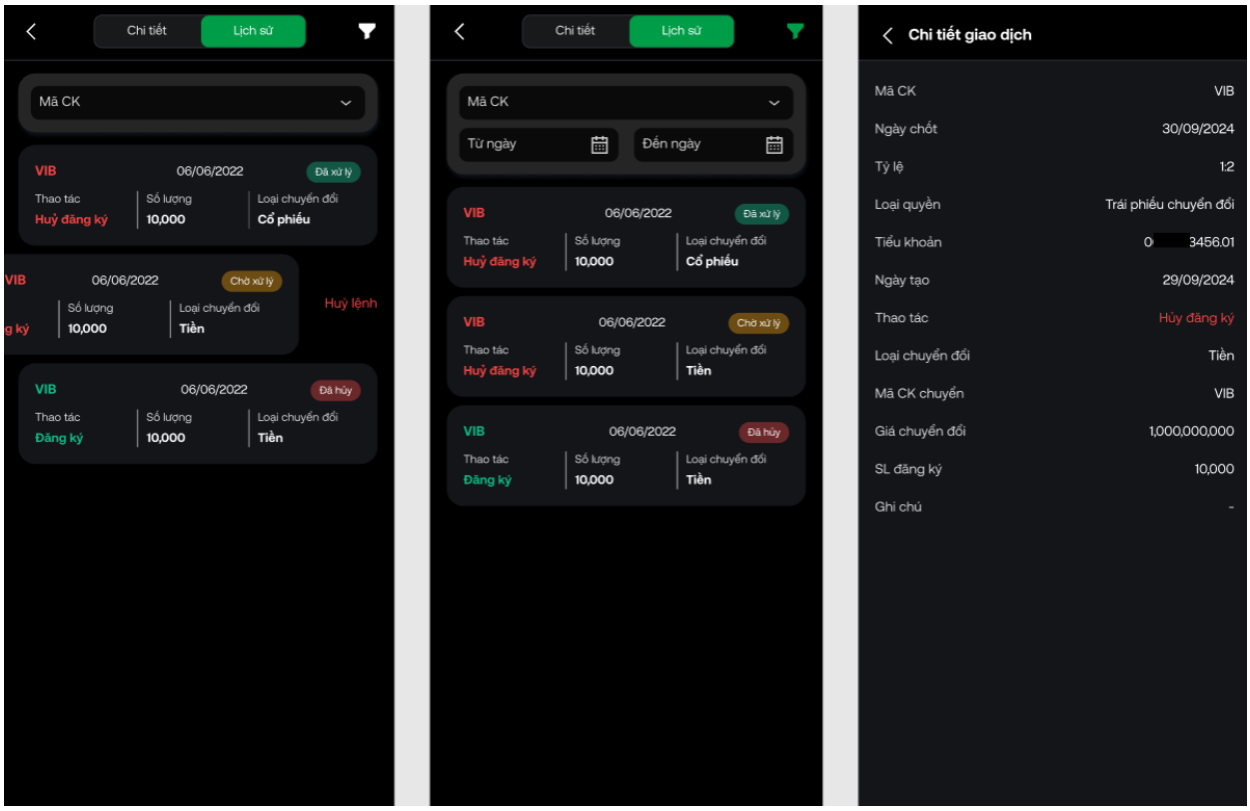
  + Mở popup Xác nhận hủy GD => Nhấn Xác nhận => Hủy GD thành công và cập nhật trạng thái = Đã hủy



DS mã CK được đăng ký TPCĐ



Đăng ký chuyển đổi sang tiền/cổ phiếu và xác nhận OTP



Lịch sử đăng ký TPCĐ và chi tiết từng GD

6.6. Công nợ Margin

- Mục đích: Khách hàng có thể chuyển gia hạn hoặc thanh toán khoản nợ Margin
- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Công nợ Margin

6.6.1. Gia hạn khoản vay

- Các bước thực hiện Gia hạn món vay:

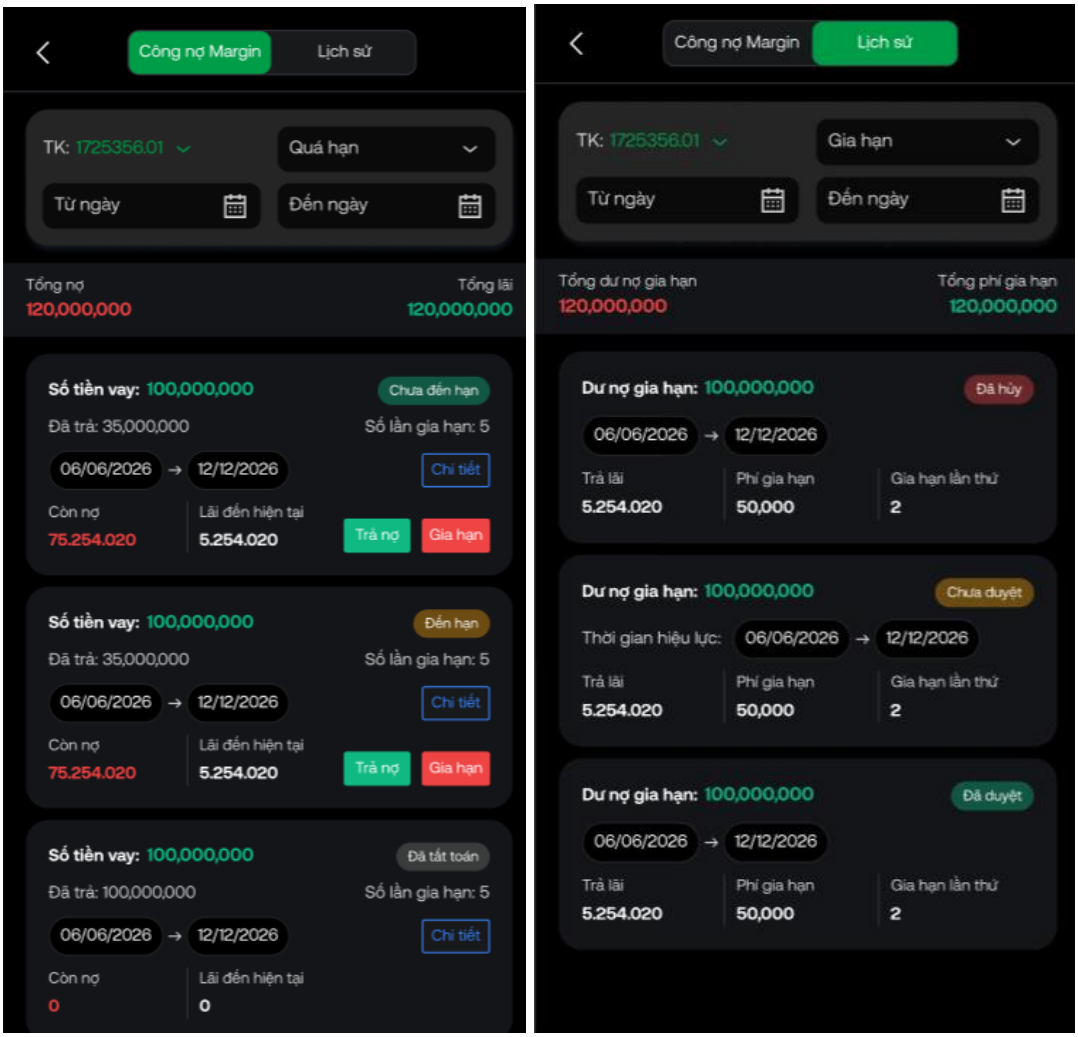
(1) Chọn giao dịch có trạng thái Công nợ = Sắp đến hạn. Trượt sang bên phải => Chọn vào button Gia hạn bên phải khoản vay

(2) Nhận button Gia hạn => Mở form xác nhận gia hạn

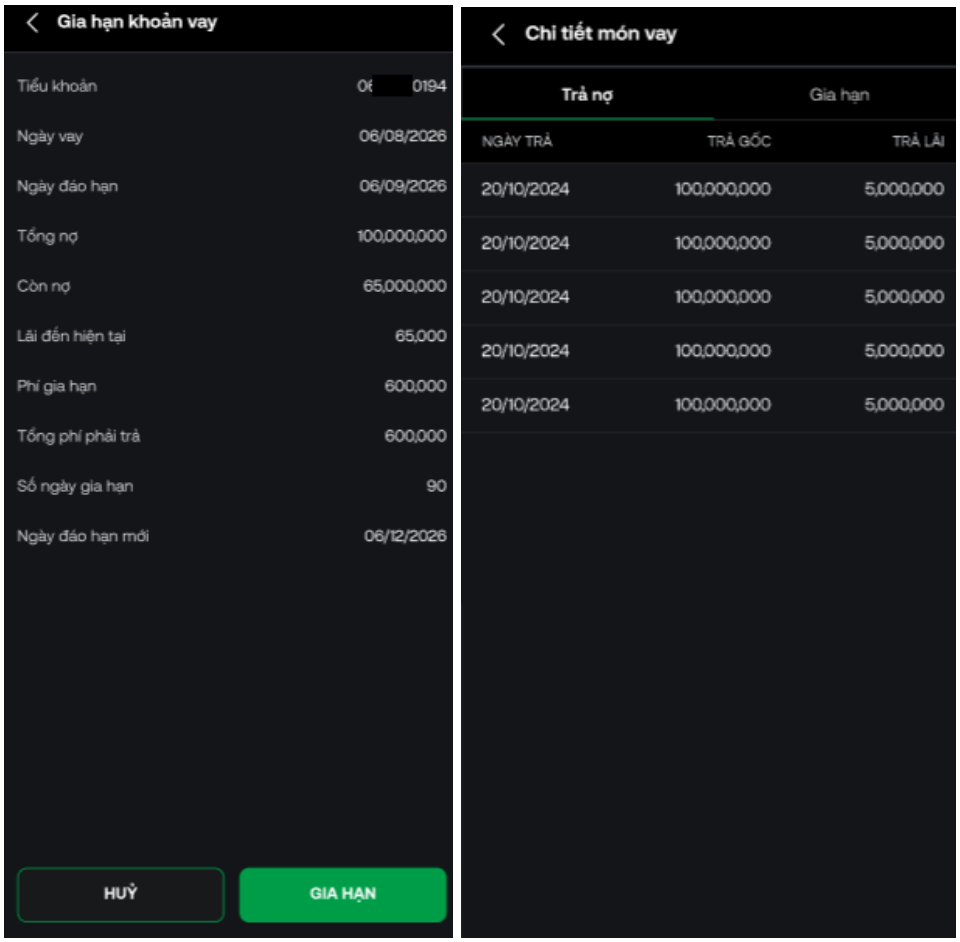
(3) Nhấn Xác nhận => Yêu cầu OTP xác thực (OTP của nghiệp vụ Margin)

+ Nhập sai OTP => Thông báo gia hạn không thành công

+ Nhập đúng OTP => Thông báo gia hạn thành công



Danh sách công nợ margin và lịch sử gia hạn/trả nợ



Gia hạn món vay và chi tiết món vay

6.6.2 Thanh toán khoản vay

- Mục đích: Khách hàng có thể thanh toán khoản
  - Đường dẫn: KH mở chức năng này tại đường dẫn Dịch vụ cơ bản/Công nợ Margin/Thanh toán

(3) Các bước thực hiện:

(1) Chọn giao dịch có trạng thái Công nợ = Sắp đến hạn. Trượt sang bên phải

(2) Chọn vào button Thanh toán bên phải khoản vay => Mở form Thanh toán khoản vay

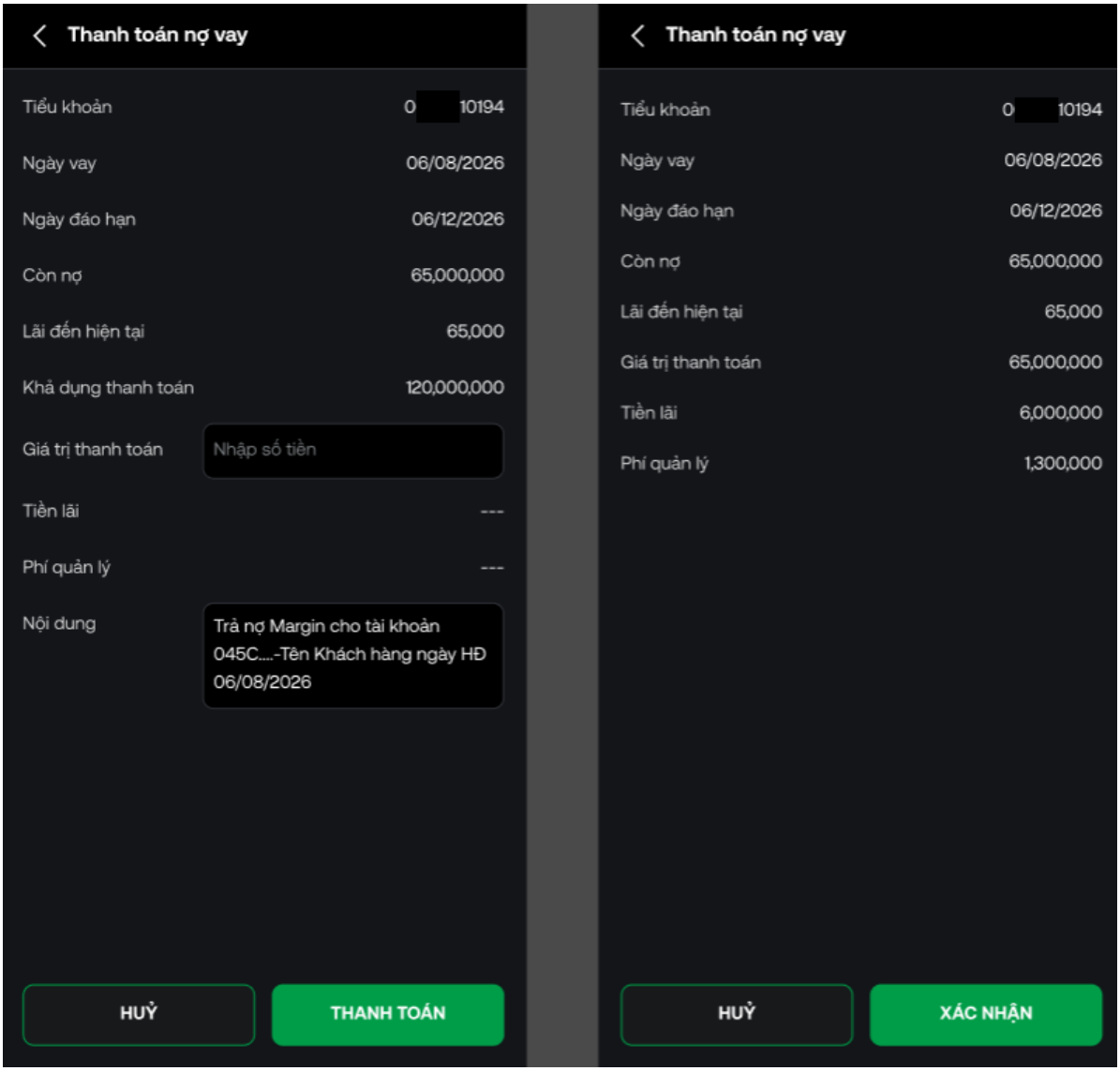
(3) Nhập Giá trị thanh toán

(4) Nhấn button Thanh toán => Mở màn hình xác nhận thông tin

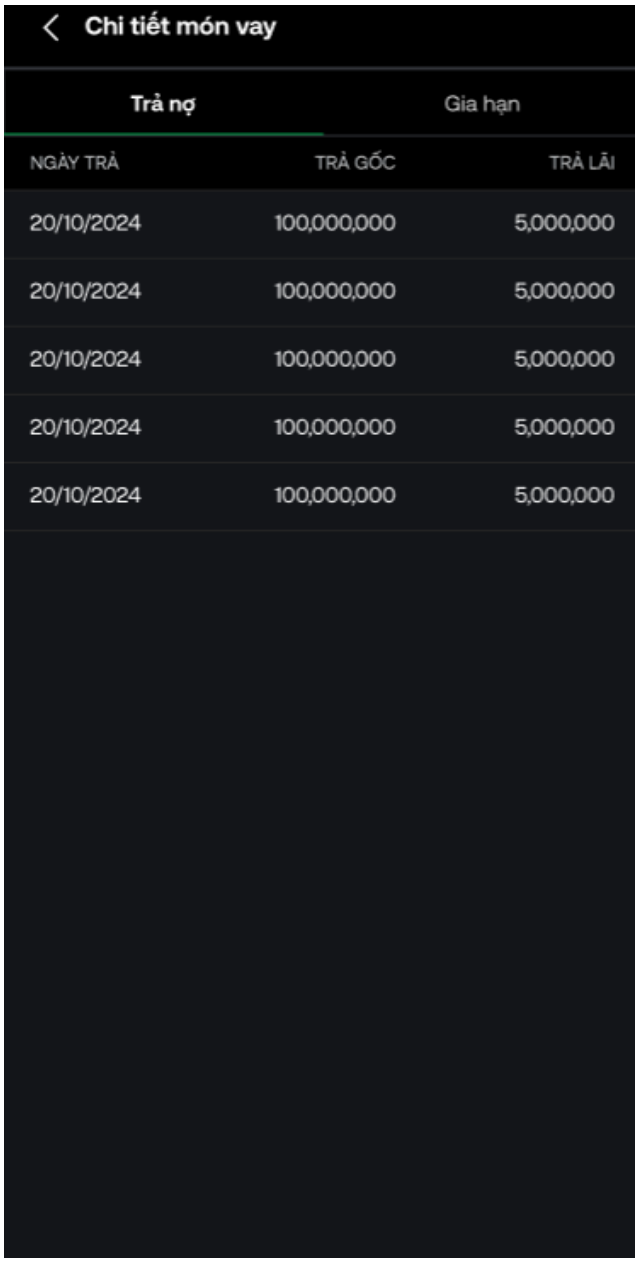
(5) Nhấn Xác nhận => Yêu cầu OTP xác thực (OTP của nghiệp vụ Margin)

+ Nhập sai OTP => Thông báo thanh toán khoản vay không thành công

+ Nhập đúng OTP => Thông báo thanh toán khoản vay thành công



Thanh toán nợ vay



Lịch sử thanh toán nợ

6.7. Lịch sử lệnh

- Mục đích: Quản lý danh sách lịch sử đặt lệnh của khách hàng
- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản /Lịch sử lệnh
- Bộ lọc gồm:

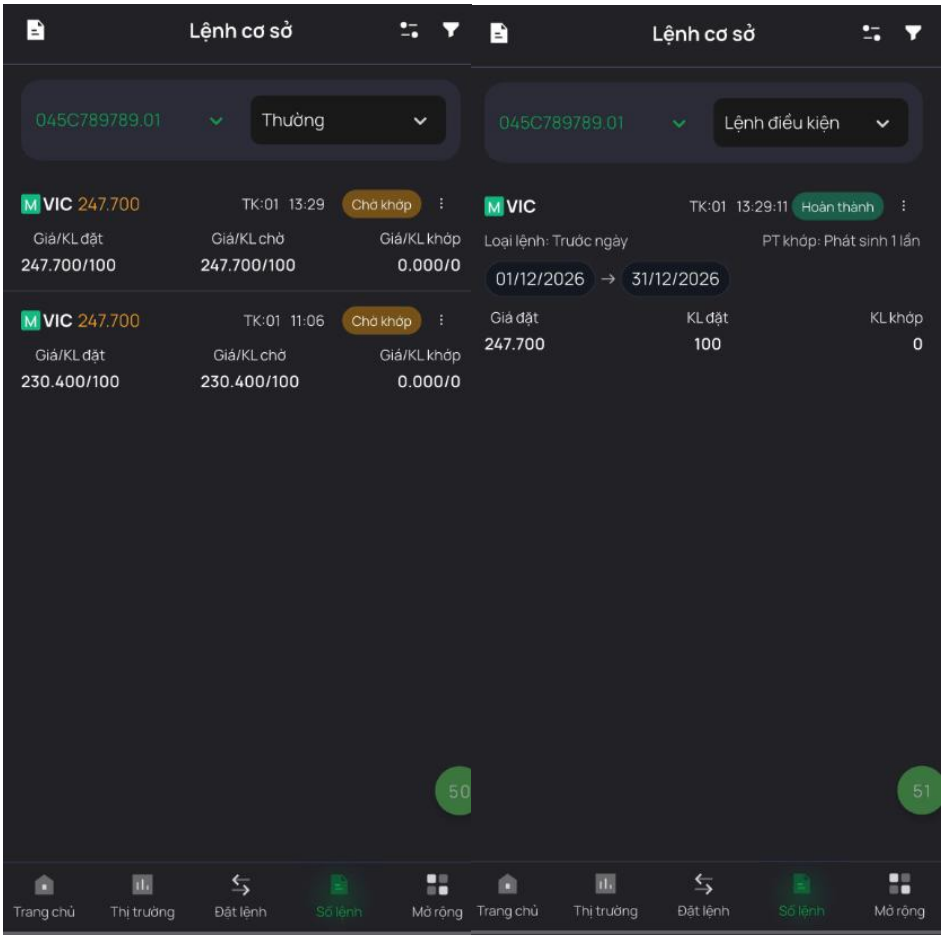
  + Từ ngày ….đến ngày

  + Tài khoản

+ Loại giao dịch

+ Trạng thái

+ Loại lệnh



Lịch sử lệnh cơ sở thường + lệnh điều kiện

6.8. Xác nhận lệnh Online

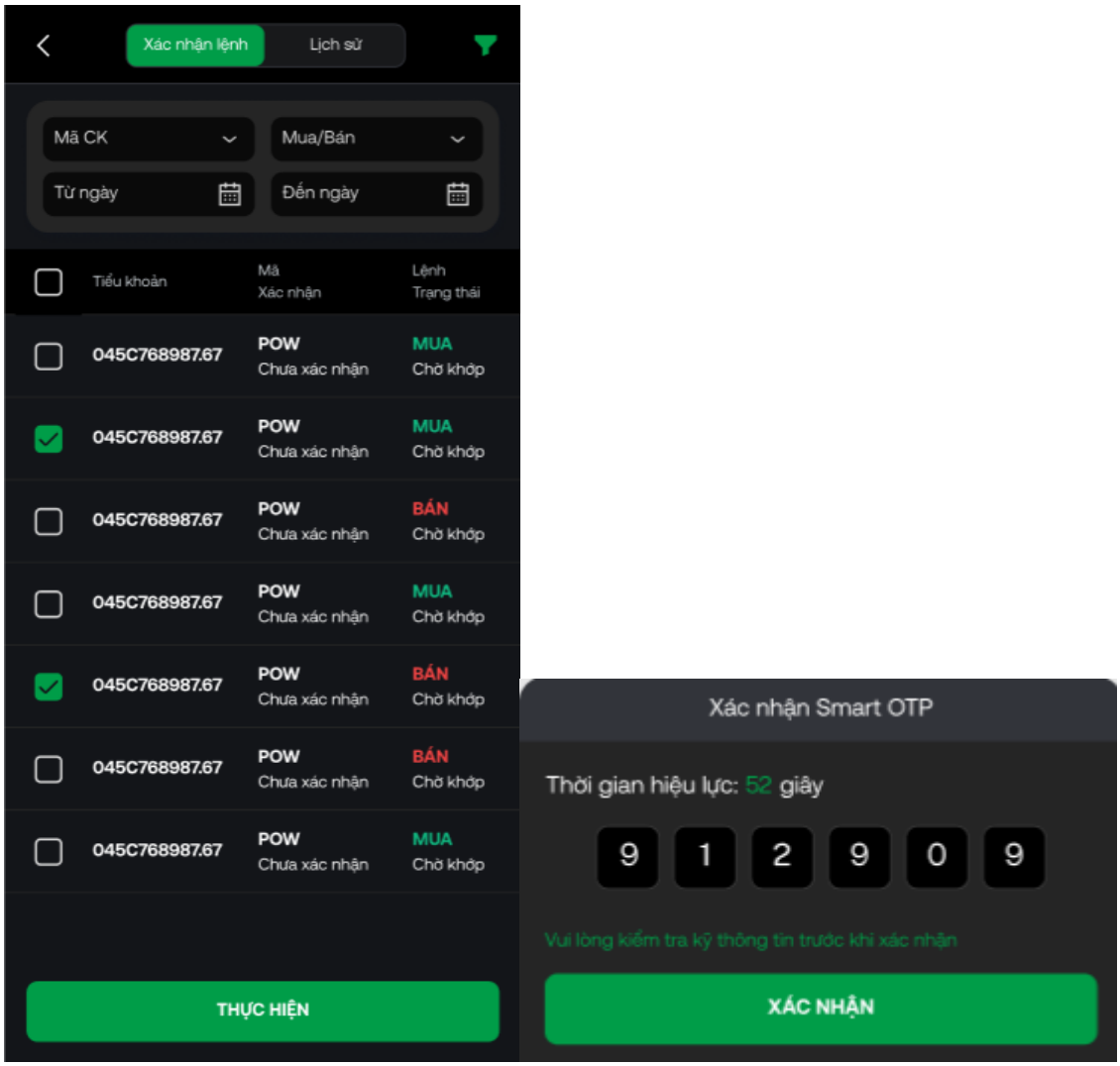
- Mục đích: Khách hàng vào xác nhận lệnh mà broker đã đặt
- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/Xác nhận lệnh Online

➢ Các bước thực hiện:

(1) Tích vào checkbox bên cạnh những lệnh cần xác nhận

(2) Nhấn button Thực hiện=> Mở popup nhập OTP

(3) Nhập đúng mã OTP => Nhấn nút ‘Xác thực’ => Xác nhận lệnh thành công



Danh sách lệnh chưa xác nhận

6.9. Thỏa thuận cùng công ty

- Mục đích: Cho phép KH đặt lệnh thỏa thuận trong cùng công ty
- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/Thỏa thuận cùng công ty

➢ Danh sách lệnh thỏa thuận cùng công ty

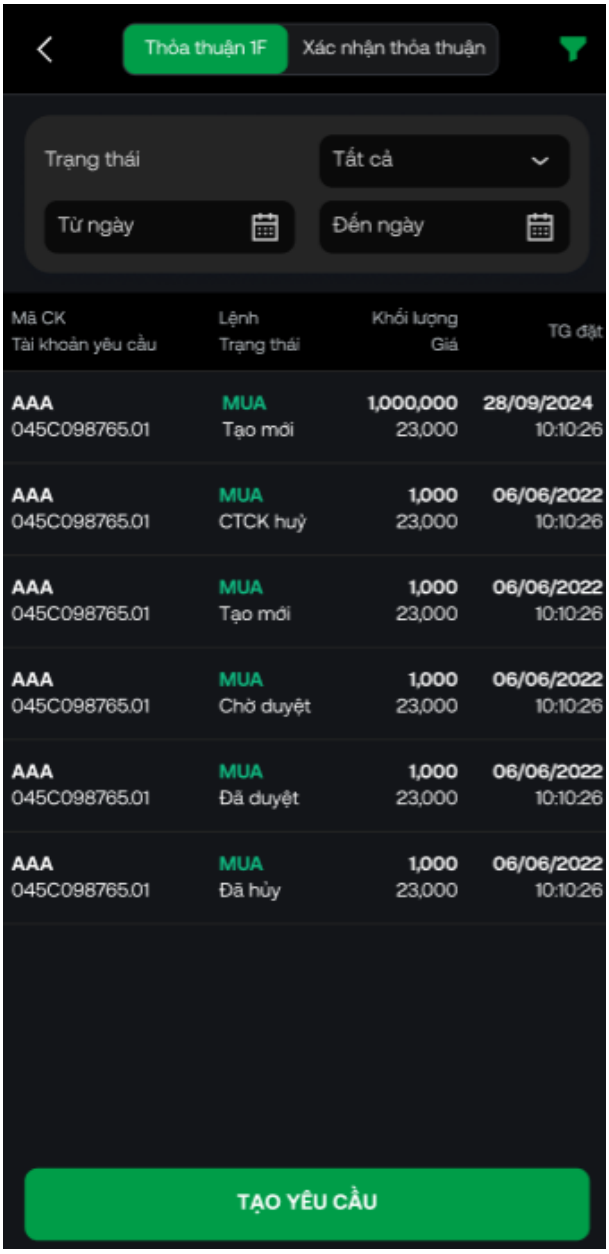
- Hiển thị danh sách lệnh thỏa thuận mà KH đã đặt
- Bộ lọc hỗ trợ

  + Trạng thái

    - Tạo mới
    - Chờ duyệt
    - Đã xử lý

- Đã hủy
- CTCK hủy

+ Từ ngày – Đến ngày



DS lệnh thỏa thuận

➢ Tạo yêu cầu thỏa thuận

(1) Nhấn chọn Tạo yêu cầu => Mở màn hình Tạo yêu cầu thỏa thuận cùng công ty

(2) Nhập vào Mã chứng khoán

Sau khi nhập vào Mã chứng khoán phần mềm sẽ hiển thị các thông tin tương ứng của mã:

- Sàn – Phiên
- Giá khớp hiện tại/Tăng giảm của mã
- Giá Trần/Sàn/Tham chiếu
- Bảng giá 3 giá mua/bán tốt nhất

(3) Chọn:

- Tài khoản
- Loại lệnh MUA/BÁN
- Nhà đầu tư: Trong nước/Nước ngoài

(4) Nhập/chọn:

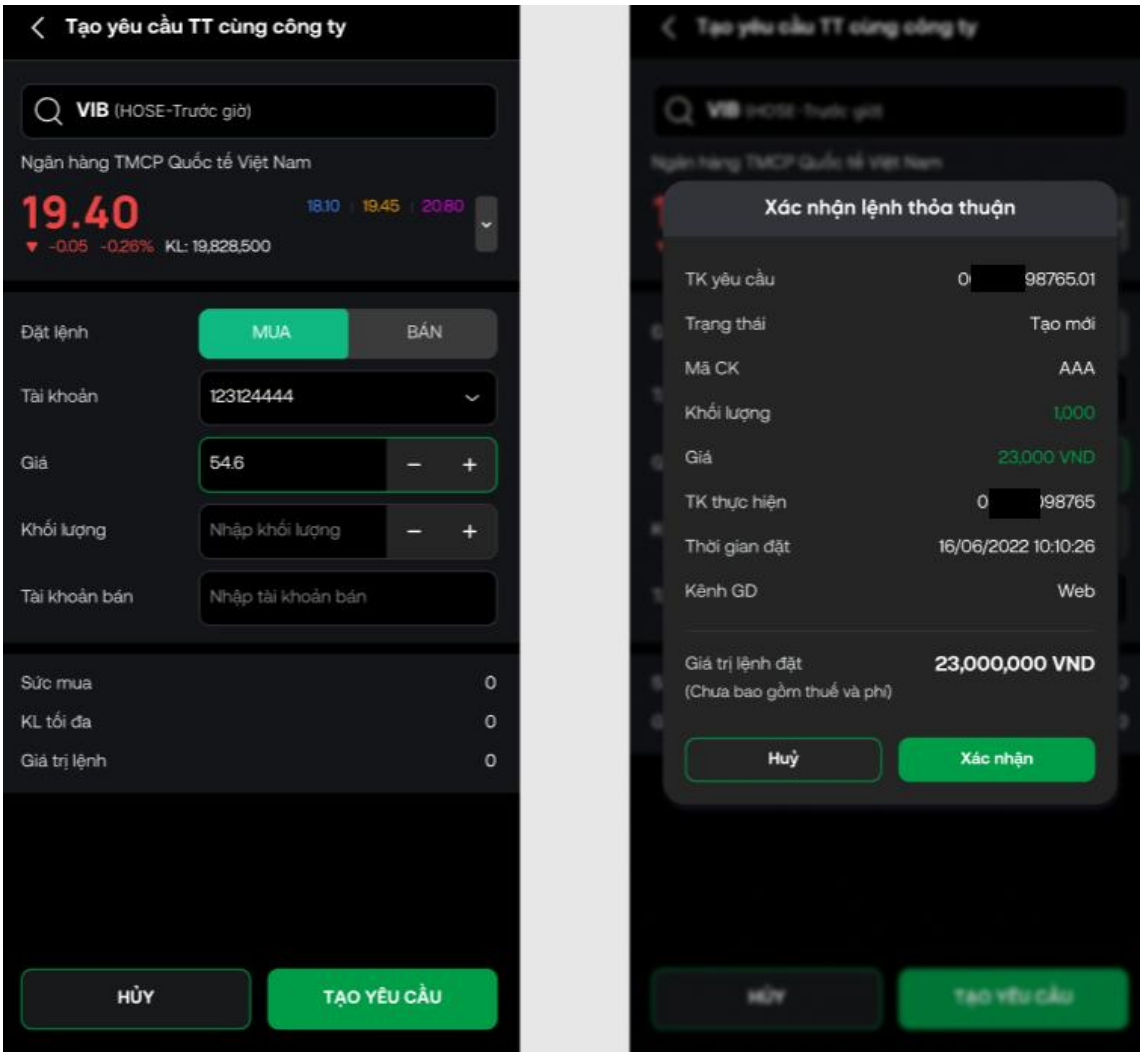
- Giá (đơn vị là nghìn đồng) – hệ thống mặc định hiện giá đang khớp
- Khối lượng
- Tài khoản thỏa thuận Mua/Bán

(5) Nhấn nút "Tạo yêu cầu"

- Nếu thông tin không hợp lệ => Báo lỗi tương ứng
- Nếu Thông tin hợp lệ => Hiển thị màn hình Xác nhận lệnh => Tại màn hình xác nhận => Người dùng kiểm tra lại thông tin đặt lệnh và nhấn nút Hủy/Tạo mới

(6)

- Hủy: Quay lại màn hình Thỏa thuận 1F
- Tạo mới: Yêu cầu nhập OTP nghiệp vụ Đặt lệnh
  + Sai OTP: Đặt lệnh không thành công
  + Đúng OTP: Đặt lệnh thỏa thuận thành công



Tạp YC thỏa thuận

➢ Xác nhận 1F

- Hiển thị danh sách lệnh thỏa thuận được đặt tới tài khoản KH với các thông tin:

  + Mã CK

  + TK thỏa thuận

  + Trạng thái lệnh

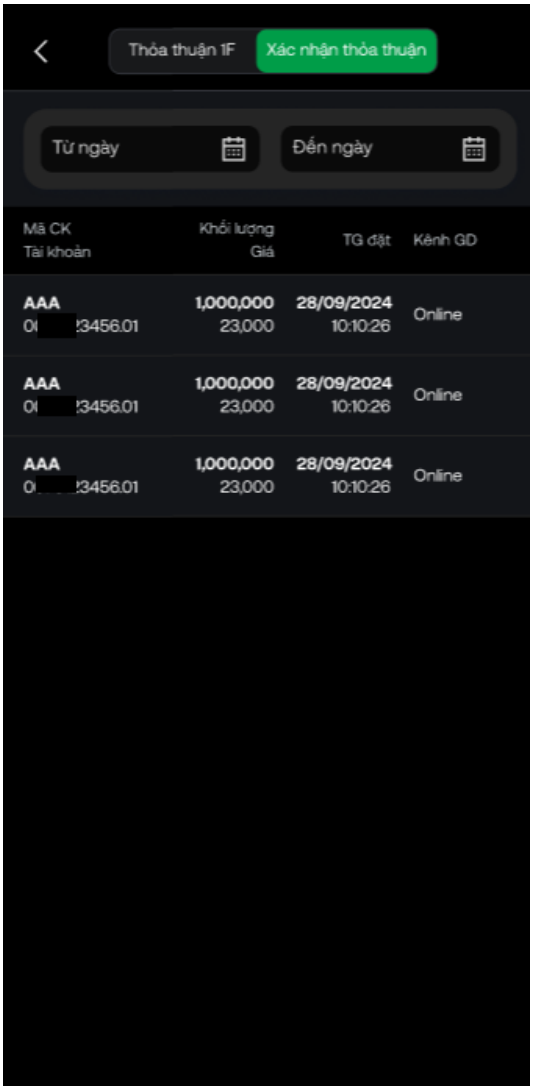
  + KL, Giá

  + Thời gian đặt

- Thực hiện Xác nhận/Hủy Xác nhận

+ Hủy xác nhận lệnh: Chọn button hủy xác nhận => Hiển thị popup "Có chắc chắn muốn hủy xác nhận không" => Chọn xác nhận => Thực hiện hủy xác nhận thỏa thuận cùng công ty

+ Xác nhận lệnh: Chọn button xác nhận => Hiển thị popup => Xác nhận thỏa thuận cùng công ty thành công và lệnh sẽ được đẩy vào sàn



6.10. Thỏa thuận khác công ty

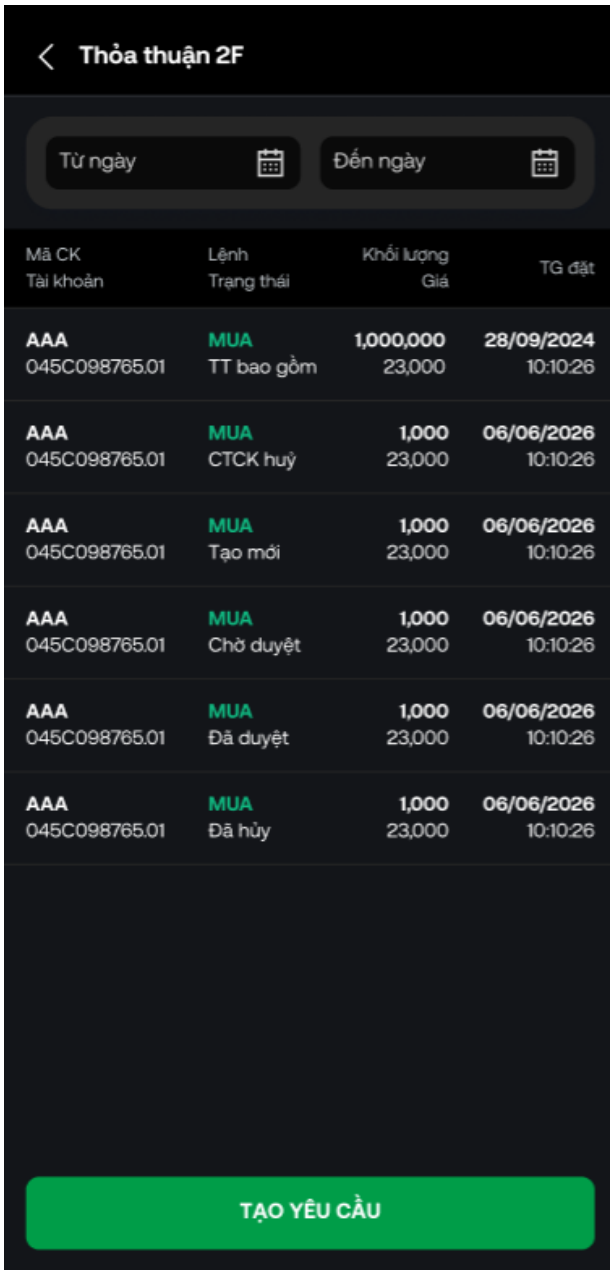
- Mục đích: Cho phép KH đặt lệnh thỏa thuận ngoài công ty
- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/Thỏa thuận khác công ty

➢ Danh sách lệnh thỏa thuận ngoài công ty

- Hiển thị danh sách lệnh thỏa thuận

- Bộ lọc hỗ trợ

  + Từ ngày – Đến ngày



➢ Tạo yêu cầu thỏa thuận

(1) Nhấn chọn Tạo yêu cầu => Mở màn hình Tạo yêu cầu thỏa thuận khác công ty

(2) Nhập vào Mã chứng khoán

Sau khi nhập vào Mã chứng khoán phần mềm sẽ hiển thị các thông tin tương ứng của mã:

- Sàn – Phiên
- Giá khớp hiện tại/Tăng giảm của mã
- Giá Trần/Sàn/Tham chiếu
- Bảng giá 3 giá mua/bán tốt nhất

(3) Chọn:

- Tài khoản
- Loại lệnh MUA/BÁN
- Nhà đầu tư: Trong nước/Nước ngoài

(4) Nhập/chọn:

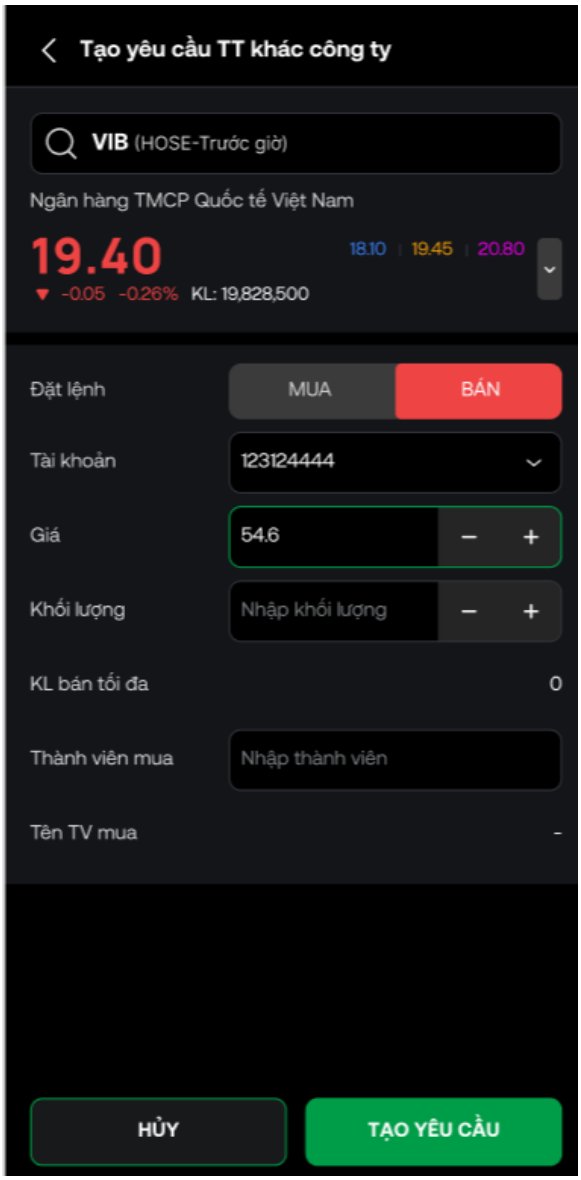
- Giá (đơn vị là nghìn đồng) – hệ thống mặc định hiện giá đang khớp
- Khối lượng
- Thành viên thỏa thuận Mua/Bán (Nhập mã CTCK VD: 007, 002,..)

(5) Nhấn nút "Tạo yêu cầu"

- Nếu thông tin không hợp lệ => Báo lỗi tương ứng
- Nếu Thông tin hợp lệ => Hiển thị màn hình Xác nhận lệnh => Tại màn hình xác nhận => Người dùng kiểm tra lại thông tin đặt lệnh và nhấn nút Hủy/Tạo mới

(6)

- Hủy: Quay lại màn hình Thỏa thuận 1F
- Tạo mới: Yêu cầu nhập OTP nghiệp vụ Đặt lệnh
  + Sai OTP: Đặt lệnh không thành công
  + Đúng OTP: Đặt lệnh thỏa thuận thành công



6.11. Sao kê

- Mục đích: Hiển thị danh sách các giao dịch tiền, chứng khoán đã thực hiện
- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/Sao kê

➢ Sao kê tiền

- Hiển thị chi tiết danh sách các giao dịch phát sinh tăng/giảm tiền
- Chọn tiểu khoản: danh sách tiểu khoản
- Nghiệp vụ:

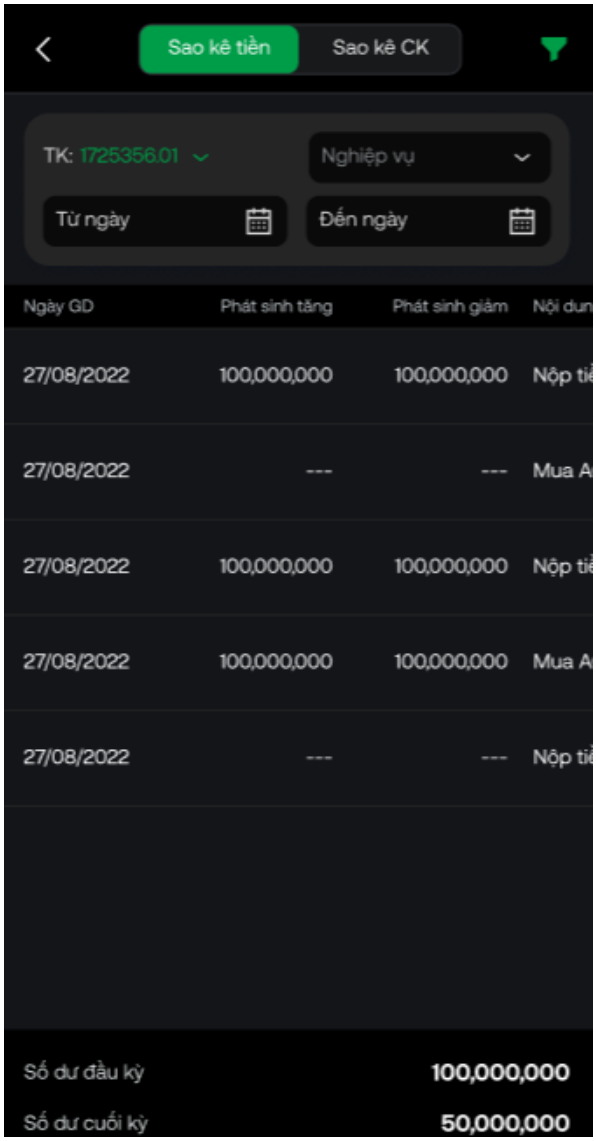
  + Nộp tiền

  + Rút tiền

+ GD chứng khoán

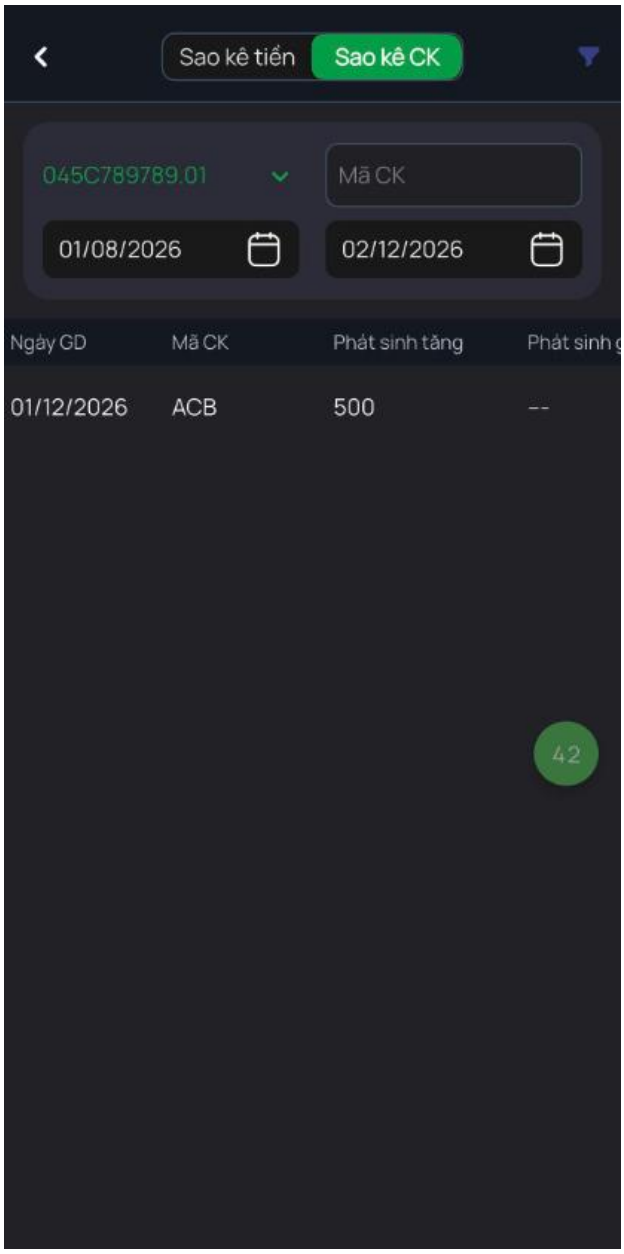
+ GD khác

- Thời gian: từ ngày – đến ngày



➢ Sao kê chứng khoán

- Hiển thị chi tiết danh sách các giao dịch phát sinh tăng/giảm chứng
- Chọn tiểu khoản: danh sách tiểu khoản
- Mã CK
- Thời gian: từ ngày – đến ngày



6.12. Đăng ký chương trình

- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Đăng ký chương trình
- Mục đích: Khách hàng có thể đăng ký các chương trình ưu đãi của CTCK như phí GD, margin

▪ Hiển thị danh sách chương trình KH có thể đăng ký

- Hiển thị thông tin chương trình

  + Tên chương trình

  + Thông tin chương trình

- Chọn checkbox đồng ý điều khoản khi đăng ký chương trình
- Nhấn Đăng ký

  + Nếu Chương trình chỉ áp dụng phí GD => Luôn cho phép KH đăng ký

  + Nếu Chương trình áp dụng cả lãi suất margin

    - Nếu chưa đăng ký mở TK margin => Hiển thị popup: "Quý khách chưa có TK margin. Vui lòng mở TK để đăng ký chương trình" và có button Đăng ký để KH mở TK margin
    - Nếu chưa đã mở TK margin => Cho phép đăng ký chương trình

  + Nếu KH đã đăng ký 1 chương trình bất kỳ trước đó rồi => Hiển thị thông báo: "Tài khoản {tài khoản} hiện đang đăng ký chương trình {tên chương trình}. Vui lòng Hủy đăng ký chương trình hiện tại trước khi Đăng ký chương trình mới.

  + Nếu KH không ở trong chương trình nào => Cho phép đăng ký => Yêu cầu nhập OTP

    - Sai OTP => Thông báo sai OTP và đăng ký không thành công
    - Đúng OTP => Đăng ký chương trình thành công ở trạng thái = Chờ duyệt



- Lịch sử đăng ký chương trình
  - Hiển thị chương trình hiệu lực mà KH đã đăng ký
    + Tên chương trình
    + Trạng thái chương trình
    + Thời gian hiệu lực chương trình
  - Bộ lọc
    + Trạng thái
      - Chờ xử lý
      - Đang xử lý
      - Đã duyệt
      - Đã xóa
      - Yêu cầu hủy
      - Hủy chờ duyệt
      - Hết hiệu lực

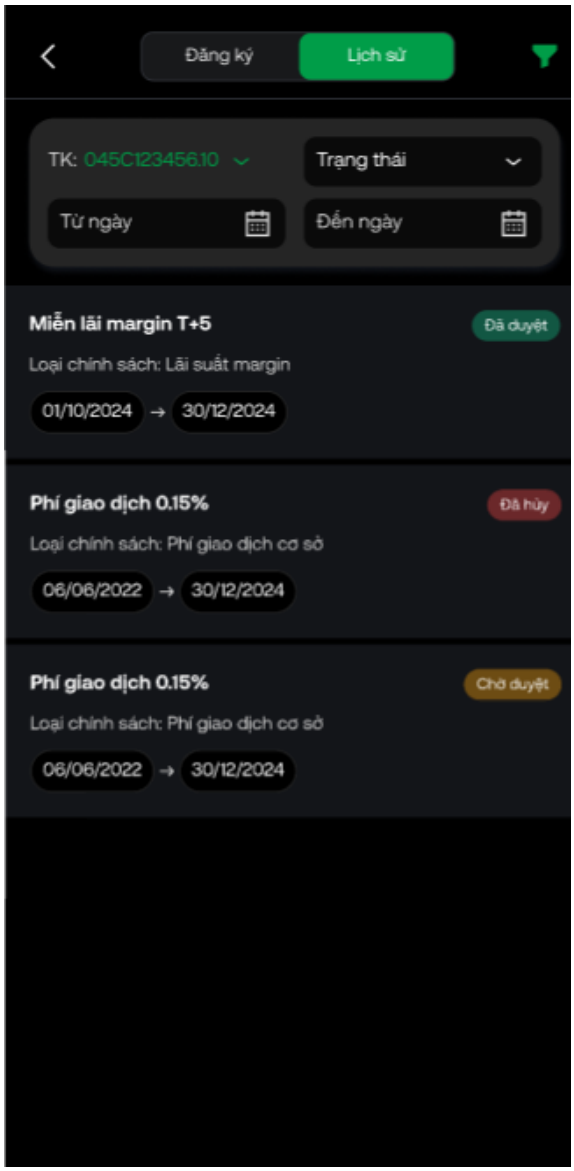
- Đã hủy

+ Thời gian: từ ngày – đến ngày

- Lịch sử đăng ký/hủy đăng ký chương trình

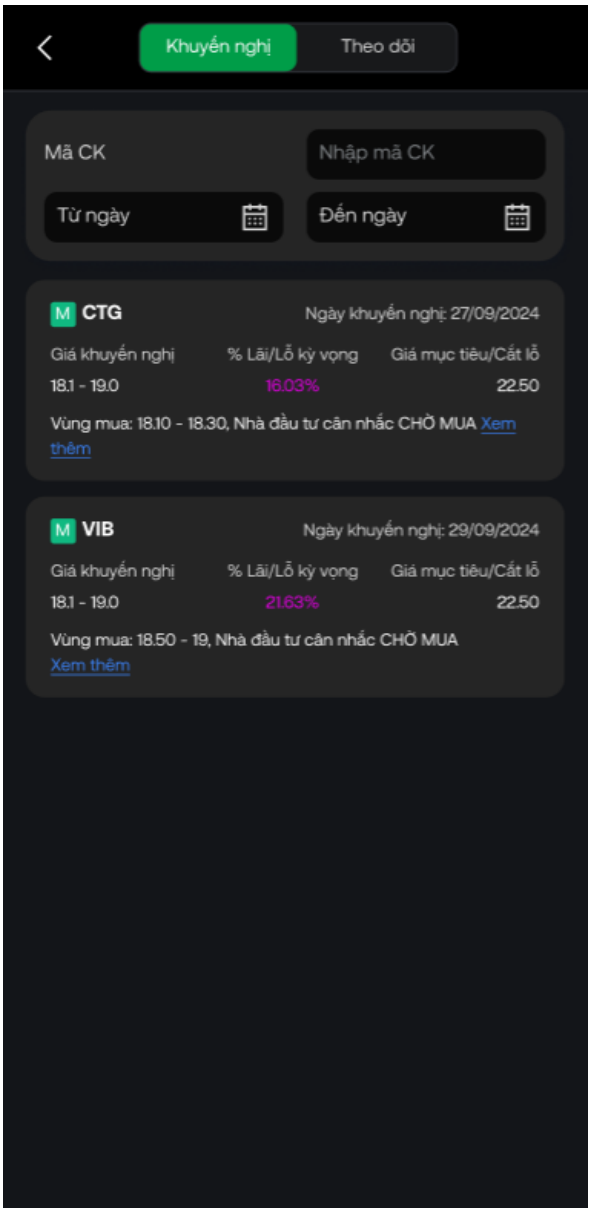
+ Chương trình đang ở trạng thái = Chờ duyệt => Cho phép hủy chương trình => Nhấn Hủy => Mở popup xác nhận có muốn hủy chương trình không => Chọn Xác nhận => Hủy đăng ký chương trình thành công và cập nhật trạng thái chương trình = Đã hủy

+ Hủy chương trình hiệu lực => Chọn Hủy chương trình => Mở popup xác nhận có muốn hủy chương trình không => Chọn Xác nhận => Hủy đăng ký chương trình thành công và ở trạng thái = Yêu cầu hủy

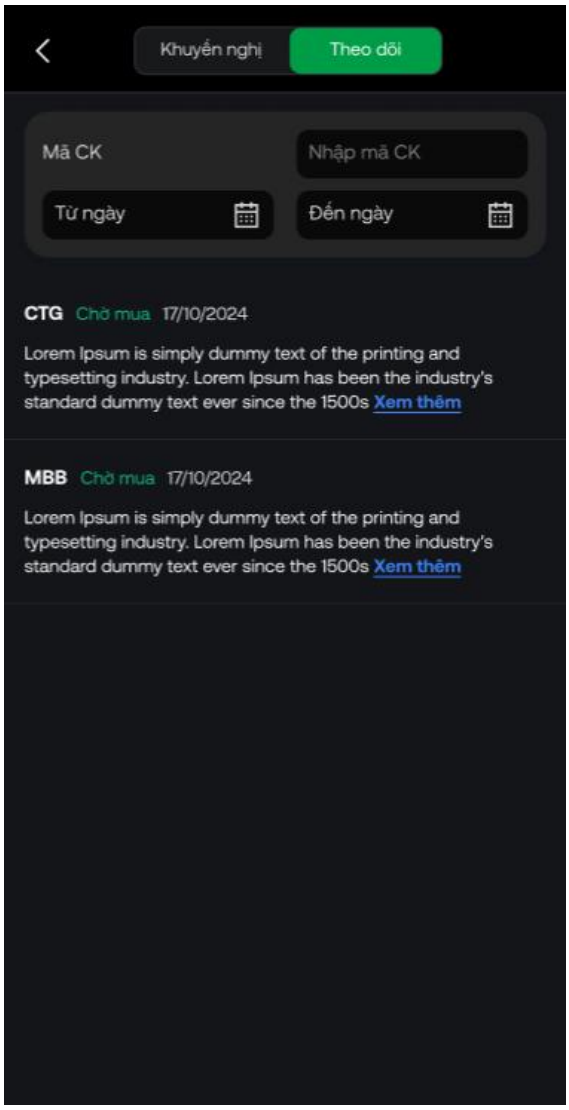


6.13. Khuyến nghị

- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Khuyến nghị
- Mục đích: Khách hàng có thể theo dõi các khuyến nghị mua/bán CK tốt
- Hiển thị danh sách khuyến nghị mua/bán
  - Thông tin khuyến nghị như: giá mục tiêu, lãi kỳ vọng
  - KN bán => Chọn Bán => View thông tin mã CK khuyến nghị bán
  - KN mua => Chọn Mua => View thông tin mã CK khuyến nghị bán



- Hiển thị danh sách khuyến nghị theo dõi

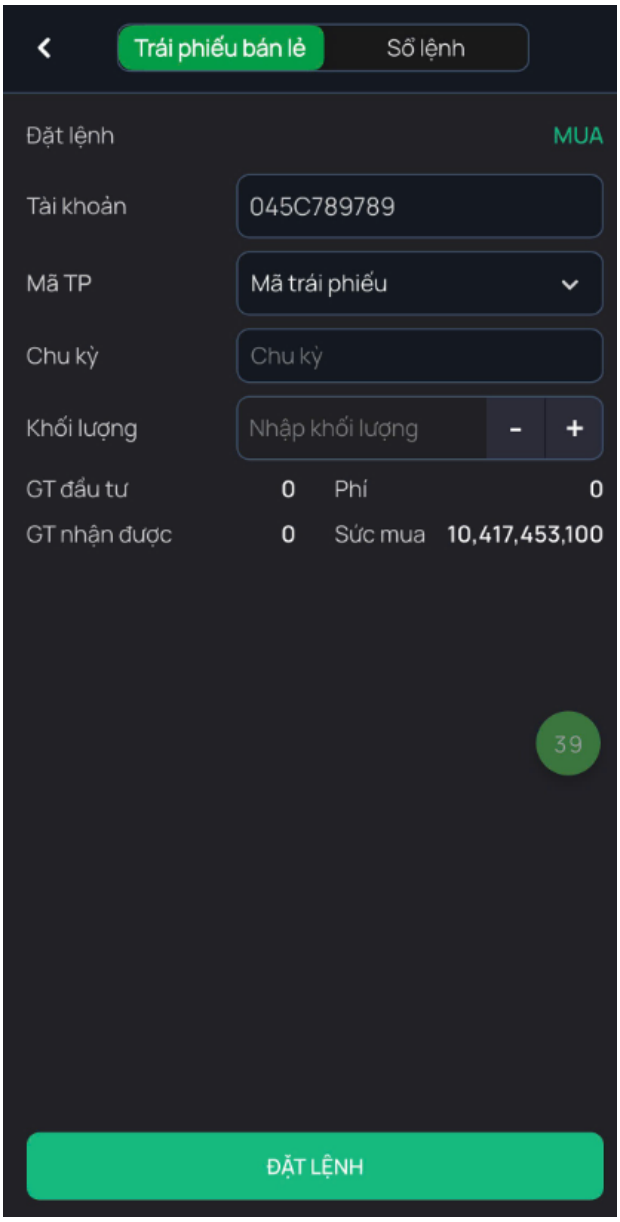


6.14. Trái phiếu bán lẻ

- Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Trái phiếu bán lẻ
- Mục đích: Khách hàng có thể theo dõi và mua Trái phiếu của CTCK
- Tab Trái phiếu bán lẻ
  - Hiển thị danh sách mã Trái phiếu KH có thể Mua
  - Chọn Trái phiếu cần mua => Hiển thị thông tin chi tiết của Trái phiếu
    + Tổ chức phát hành trái phiếu
    + Thông tin về trái phiếu như mã TP, Chu kỳ
  - Nhấn nút Mua => Mở màn hình Đăng ký giao dịch trái phiếu
    + Chọn tiểu khoản mua

+ Nhập/chọn:
    - Số TK ngân hàng
    - Ngân hàng
    - SL đăng ký mua
    - Ghi chú

- Màn hình Đăng ký giao dịch trái phiếu Chọn Mua => Đăng ký mua Trái phiếu thành công ở trạng thái = Chờ duyệt



Màn đặt lệnh trái phiếu bán lẻ

- Tab Sổ lệnh

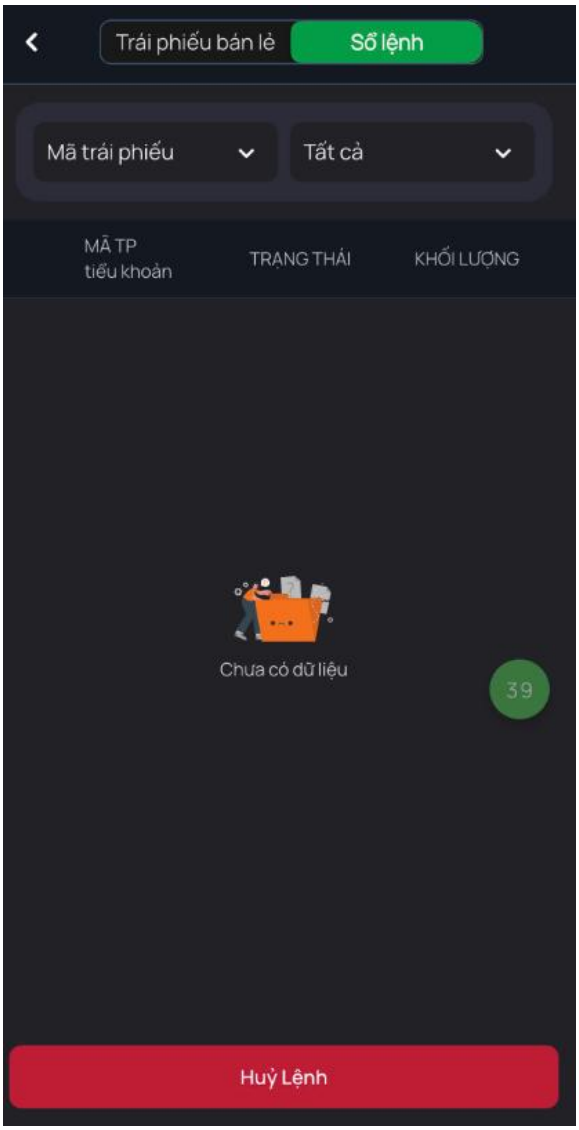
  - Hiển thị danh sách đăng ký mua/hủy mua trái phiếu

  - Cho phép Sửa/Hủy với những Giao dịch có trạng thái = Chờ duyệt. Thực hiện vuốt màn hình sang trái

    + Nhấn chọn button Sửa:

      - Mở màn hình Cập nhật giao dịch trái phiếu và cho phép sửa các thông tin: số TKNH, ngân hàng, SL đăng ký mua, ghi chú
      - Thực hiện sửa => Nhấn chọn Cập nhật => Cập nhật thành công thông tin vừa thay đổi

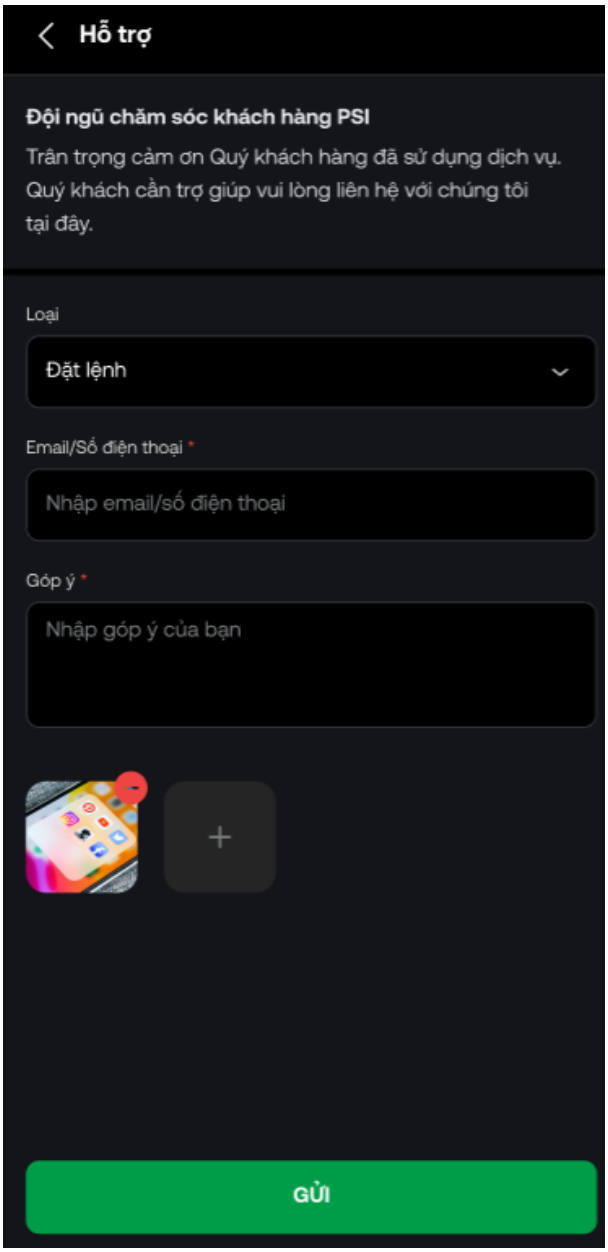
    + Nhấn chọn button Hủy => Mở popup xác nhận có muốn hủy đăng ký mua trái phiếu không => Chọn Xác nhận => Hủy đăng ký mua thành công và cập nhật trạng thái = Đã hủy



Lịch sử đăng ký và chi tiết giao dịch

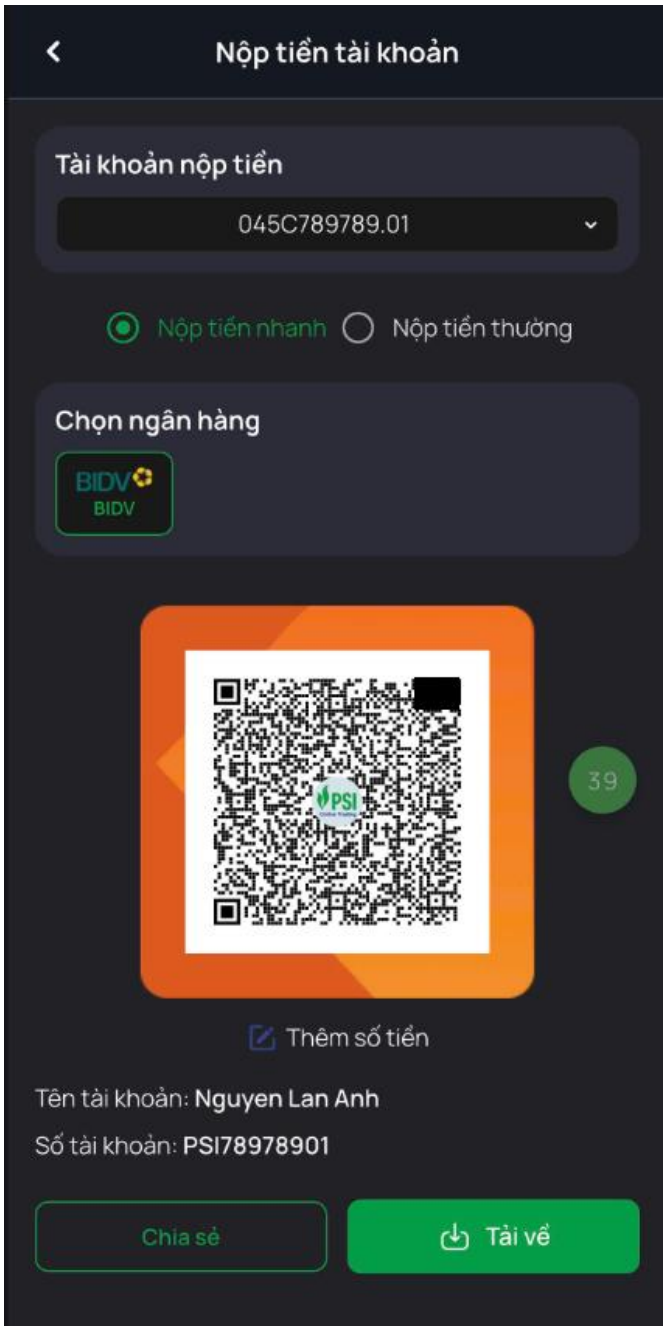
6.15. Hỏi đáp

- Mục đích: Gửi phản hồi cho CTCK để hỗ trợ xử lý lỗi, đóng góp ý kiến, khiếu nại dịch vụ …
- Đường dẫn: Tiện ích/Hỏi đáp



6.16. Nộp tiền

- Mục đích: Thực hiện nộp tiền từ ngân hàng vào TK chứng khoán. KH có thể thực hiện nộp tiền theo như hướng dẫn có có hỗ trợ 1 số NH
- Đường dẫn: Tiện ích/Nộp tiền



VII. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

7.1. Cập nhật thông tin tài khoản

- Mục đích: Hiển thị thông tin cá nhân của khách hàng,
- Đường dẫn: Tại màn hình Trang chủ nhấn vào thông tin khách hàng ở số tài khoản

7.1.1. Tab Thông tin tài khoản

- Hiển thị thông tin tài khoản của nhà đầu tư như: Số TK, Họ tên, thông tin CCCD
- Thông tin liên lạc như: SĐT, Email, Địa chỉ
- Thông tin Ủy quyền
- Thông tin NVCS, NVGT

7.1.1.1. Cập nhật thông tin liên lạc

- Các bước thực hiện

(1) Nhấn vào icon Sửa tại "Thông tin liên lạc" => Mở màn hình Thay đổi thông tin liên lạc => Tại màn hình này hiển thị thông tin SĐT/Email/Địa chỉ hiện tại của KH và cho phép KH chỉnh sửa thông tin.

(2) Thực hiện cập nhật SĐT/ Email/ Địa chỉ

(3) Nhấn Xác nhận

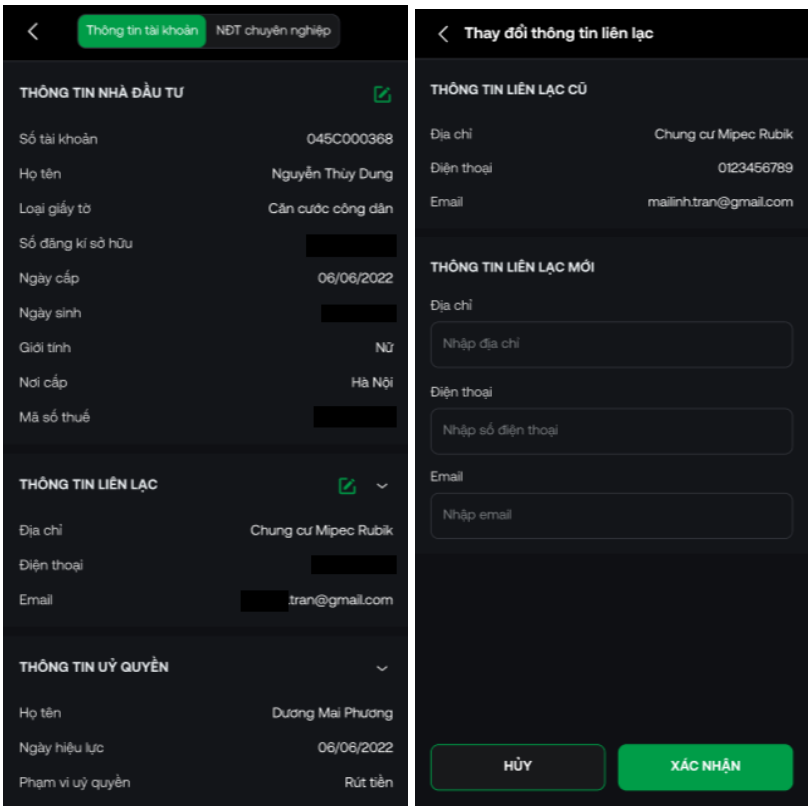
- TH tài khoản chưa thực hiện EKYC
  - Yêu cầu KH thực hiện EKYC theo như hướng dẫn của app
  - Nếu thực hiện EKYC thành công => Mở màn hình nhập OTP (sử dụng OTP miễn phí loại 32)
    + Nhập đúng OTP => Cập nhật thông tin định danh thành công và thay đổi thông tin thành công ở trạng thái Chờ duyệt.
    + Nhập sai OTP => Thay đổi thông tin không thành công
  - Nếu thực hiện EKYC không thành công => Out luồng xác thực EKYC và thông báo lỗi xác thực định danh không thành công và cập nhật thông tin không thành công
- TH tài khoản đã thực hiện EKYC
  - Yêu cầu KH thực hiện Xác thực khuôn mặt theo như hướng dẫn của app
  - Xác thực khuôn mặt thành công => Mở màn hình nhập OTP (sử dụng OTP miễn phí loại 32)

+ Nhập đúng OTP => Thay đổi thông tin thành công ở trạng thái Chờ duyệt.

+ Nhập sai OTP => Thay đổi thông tin không thành công

- Xác thực khuôn mặt không thành công => Out luồng xác thực và thông báo lỗi khuôn mặt không thành công và cập nhật thông tin không thành công

- TH cập nhật SĐT không trùng với SĐT của TK đang mở ở hệ thống
  - Không show cảnh báo trùng SĐT và tiếp check thông tin định danh để đi theo luồng đã EKYC hay chưa EKYC (2 luồng này đã mô tả bên trên)
  - Nếu cập nhật thành công thì sẽ được đăng ký luôn dịch vụ Contact Center với các dịch vụ tương ứng như tab Trading online ở form 4511
- TH cập nhật SĐT trùng với SĐT của TK đang mở ở hệ thống
  - Mở popup cảnh báo đã trùng SĐT với TK đang mở trong core nếu tiếp tục sử dụng thì sẽ không đăng ký dịch vụ Contact Center
  - Chọn Hủy => Đóng popup cảnh báo
  - Chọn Xác nhận => Tiếp check thông tin định danh để đi theo luồng đã EKYC hay chưa EKYC (2 luồng này đã mô tả bên trên)
  - Nếu cập nhật thành công thì dịch vụ Contact Center sẽ không được kích hoạt và các dịch vụ CC cũng sẽ không được đăng ký



Cập nhật SĐT/ Email/ Địa chỉ

Note: Luồng EKYC và ký HĐ Econtract theo xem mục VII. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN/Mục 7.4 và 7.5

7.1.1.2. Cập nhật NVCS

- Các bước thực hiện

(1) Nhấn vào icon Sửa tại "Nhân viên chăm sóc" => Mở màn hình Thay đổi nhân viên chăm sóc => Tại màn hình này hiển thị thông tin NVCS hiện tại của KH và cho phép KH chỉnh sửa thông tin

(2) Nhập mã NVCS mới

- Nếu không tồn tại NVCS trong hệ thống => Thông báo lỗi không tồn tại NVCS
- Nếu có tồn tại NVCS trong hệ thống => Hiển thị thông tin NVCS mới và họ tên NVCS

(3) Nhấn Tạo yêu cầu => Yêu cầu xác thực OTP

- Nhập đúng OTP => Thay đổi NVCS thành công ở trạng thái Chờ duyệt.
- Nhập sai OTP => Thay đổi NVCS không thành công và thông báo lỗi tương ứng lên màn hình

7.1.2.3. Cập nhật NVGT

- Các bước thực hiện

(1) Nhấn vào icon Sửa tại "Người giới thiệu" => Mở màn hình Thay đổi Người giới thiệu => Tại màn hình này hiển thị thông tin NVGT hiện tại của KH và cho phép KH chỉnh sửa thông tin

(2) Nhập mã Người giới thiệu mới

- Nếu không tồn tại NVGT trong hệ thống => Thông báo lỗi không tồn tại NVGT
- Nếu có tồn tại NVGT trong hệ thống => Hiển thị thông tin NVCS mới và họ tên NVGT

(3) Nhấn Tạo yêu cầu => Yêu cầu xác thực OTP

- Nhập đúng OTP => Thay đổi NVGT thành công ở trạng thái Chờ duyệt.
- Nhập sai OTP => Thay đổi NVGT không thành công và thông báo lỗi tương ứng lên màn hình

7.1.2. Tab Thông tin NĐT chuyên nghiệp

- Nếu chưa phải là NĐT chuyên nghiệp => Hiển thị thông báo: "Quý khách không phải là NĐT chuyên nghiệp" và không cho vào màn hình Thông tin NĐT chuyên nghiệp
- Nếu là NĐT chuyên nghiệp => Cho phép vào màn hình Thông tin NĐT chuyên nghiệp và hiển thị thông tin của NĐT chuyên nghiệp như: Họ tên, thông tin CCCD, Loại hình NĐT chuyên nghiệp,…



7.2. Cập nhật Căn cước/Căn cước công dân

- Mục đích: Cập nhật thông tin CCCD của khách hàng
- Nguyên tắc: Đối tượng thực hiện: KH cá nhân trong nước có Loại CMND khác loại (8:Căn cước công dân, 9:Căn cước) hoặc (Loại CMND là loại 8:Căn cước công dân, 9:Căn cước và ngày cấp < 23/01/2021)

➢ Các bước thực hiện

(1) KH đăng nhập vào App => Hiển thị popup yêu cầu KH cập nhật thông tin CCCD có gắn chip hoặc Tại màn hình trang chủ => Chọn Cập nhật để thực hiện cập nhật CCCD

(2) Chọn Cập nhật => Mở màn hình cập nhật CCCD và làm theo hướng dẫn của App

(3) Sau khi làm theo hướng dẫn của App

- Nếu thực hiện không thành công => Out luồng cập nhật CCCD và thông báo lỗi xác thực định danh không thành công
- Nếu thực hiện thành công => Yêu cầu xác thực OTP
    - Nhập đúng OTP => Cập nhật CCCD thành công ở trạng thái Chờ xử lý.
    - Nhập sai OTP => Cập nhật CCCD không thành công và thông báo lỗi tương ứng lên màn hình



Note: Luồng EKYC xem mục VII. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN/Mục 7.4

7.3. Cập nhật định danh C06

- Mục đích: Cập nhật định danh C06 (xác thực với Bộ công an) của khách hàng

➢ Các bước thực hiện

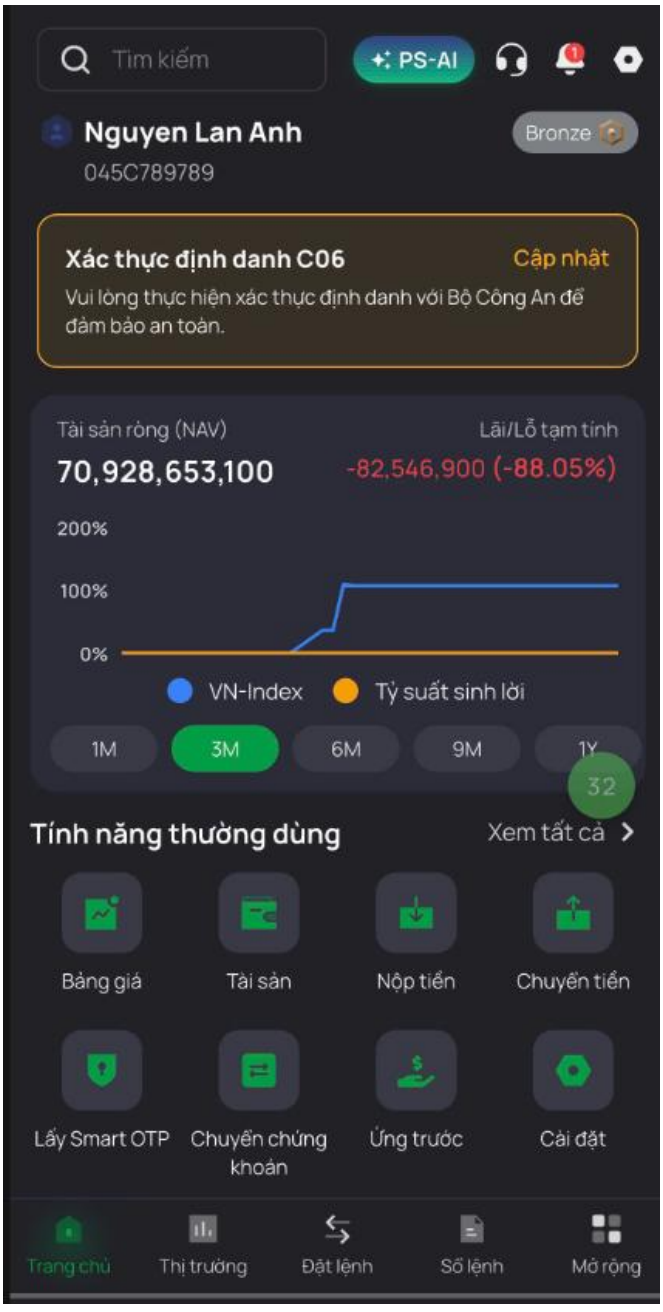
(1) KH đăng nhập vào App => Hiển thị popup yêu cầu KH cập nhật C06.

(2) Chọn Cập nhật => Mở màn hình cập nhật C06 và làm theo hướng dẫn của App

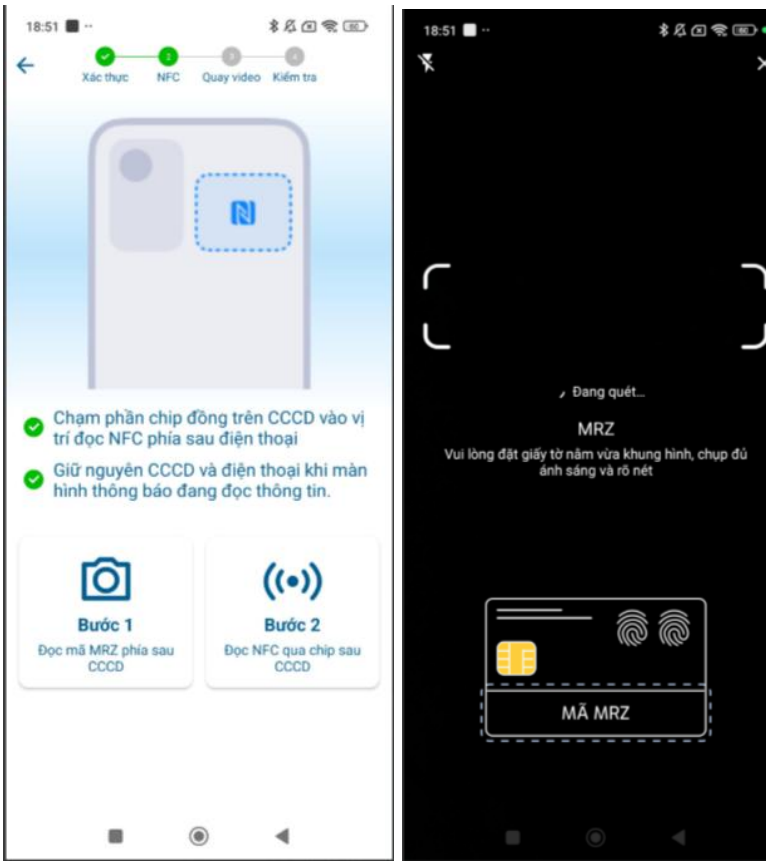
(3) Sau khi làm theo hướng dẫn của App

- Nếu thực hiện không thành công => Out luồng cập nhật CCCD và thông báo lỗi xác thực định danh không thành công

- Nếu thực hiện thành công => Yêu cầu xác thực OTP
  - Nhập đúng OTP => Cập nhật C06 thành công ở trạng thái C06 = Đã thực hiện.
  - Nhập sai OTP => Cập nhật C06 không thành công và thông báo lỗi tương ứng lên màn hình



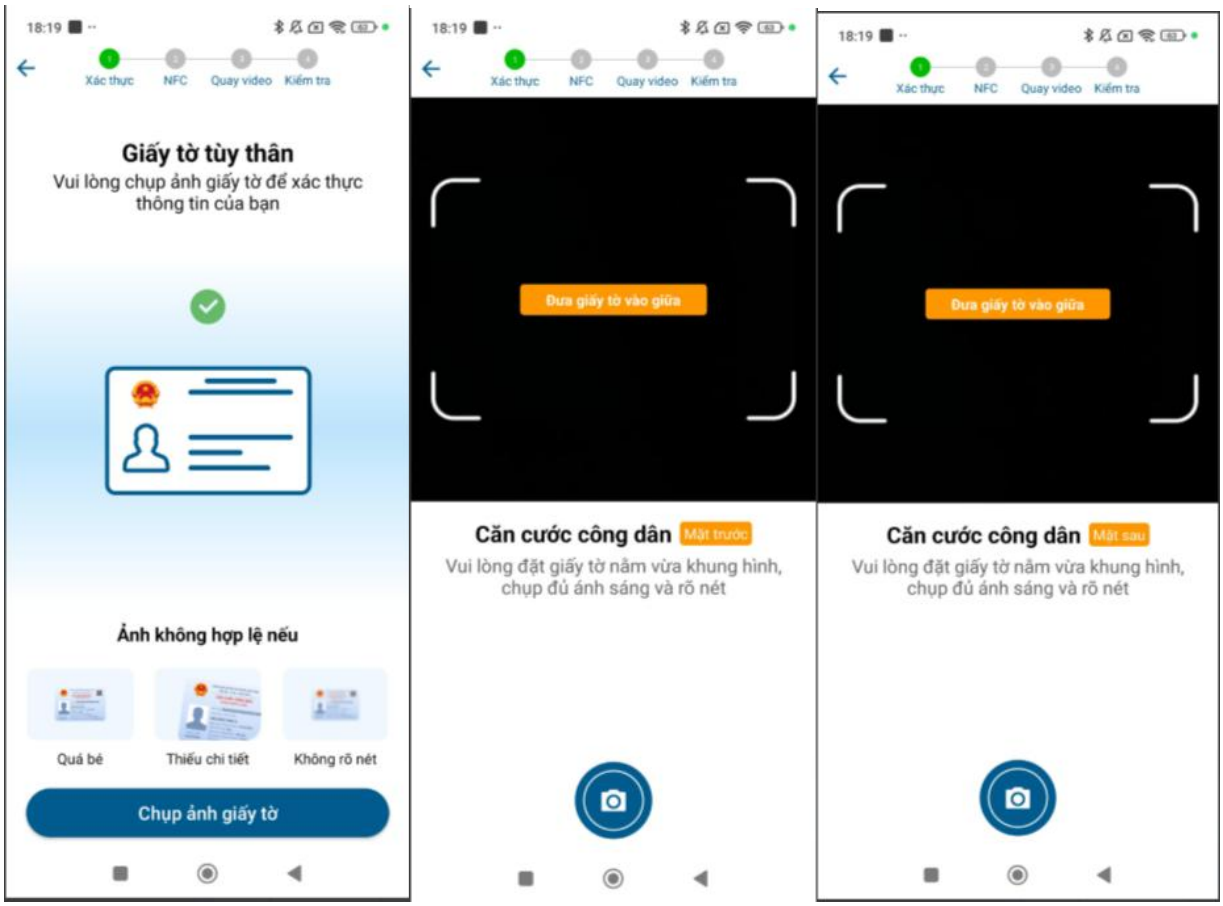
Popup cảnh báo C06



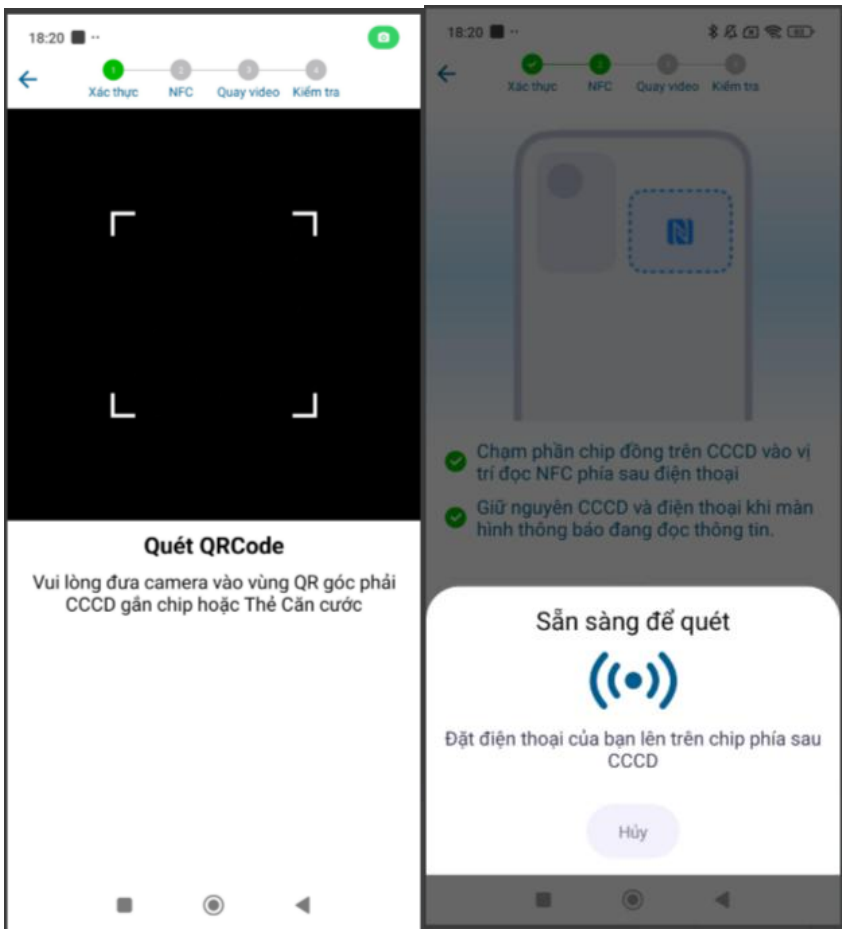


Thực hiện quét NFC (C06)

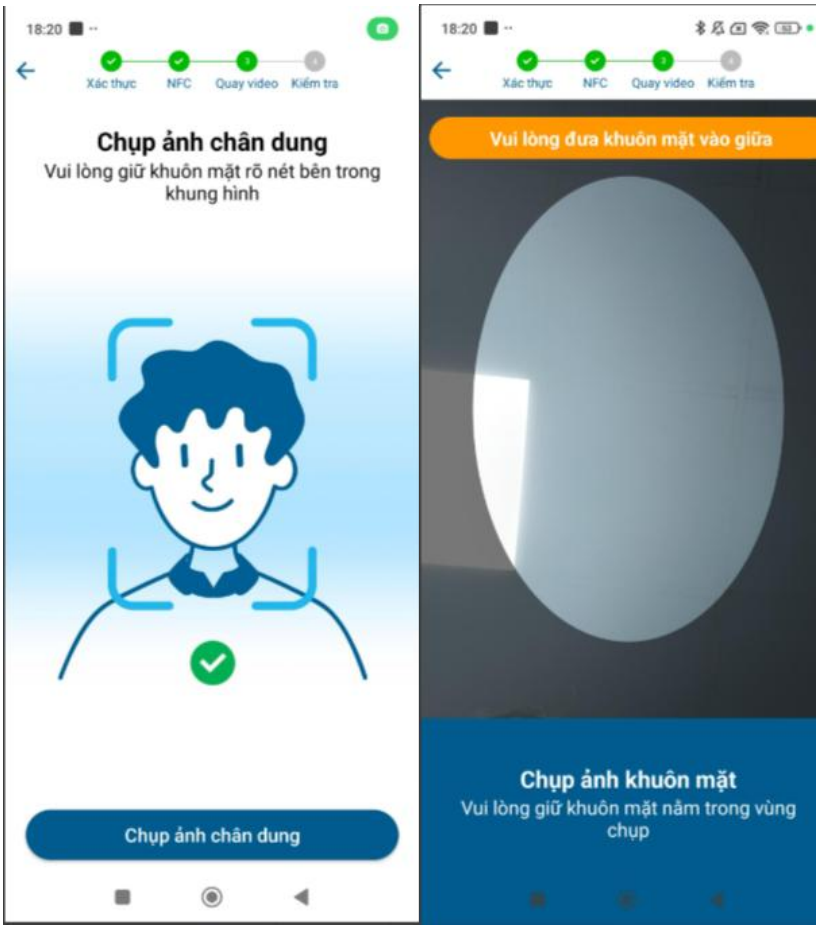
7.4. Luồng xác thực định danh EKYC



Quét CCCD/CC



Quét QR và NFC



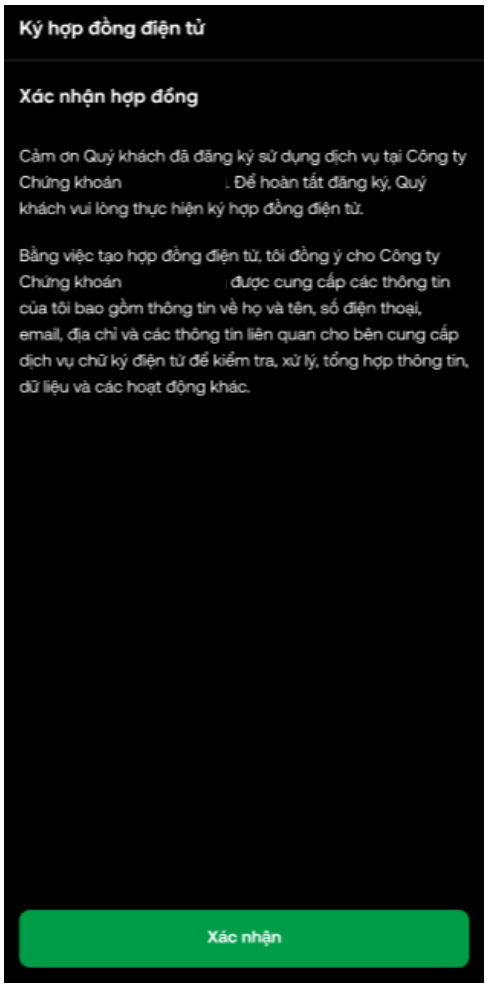
Quét khuôn mặt

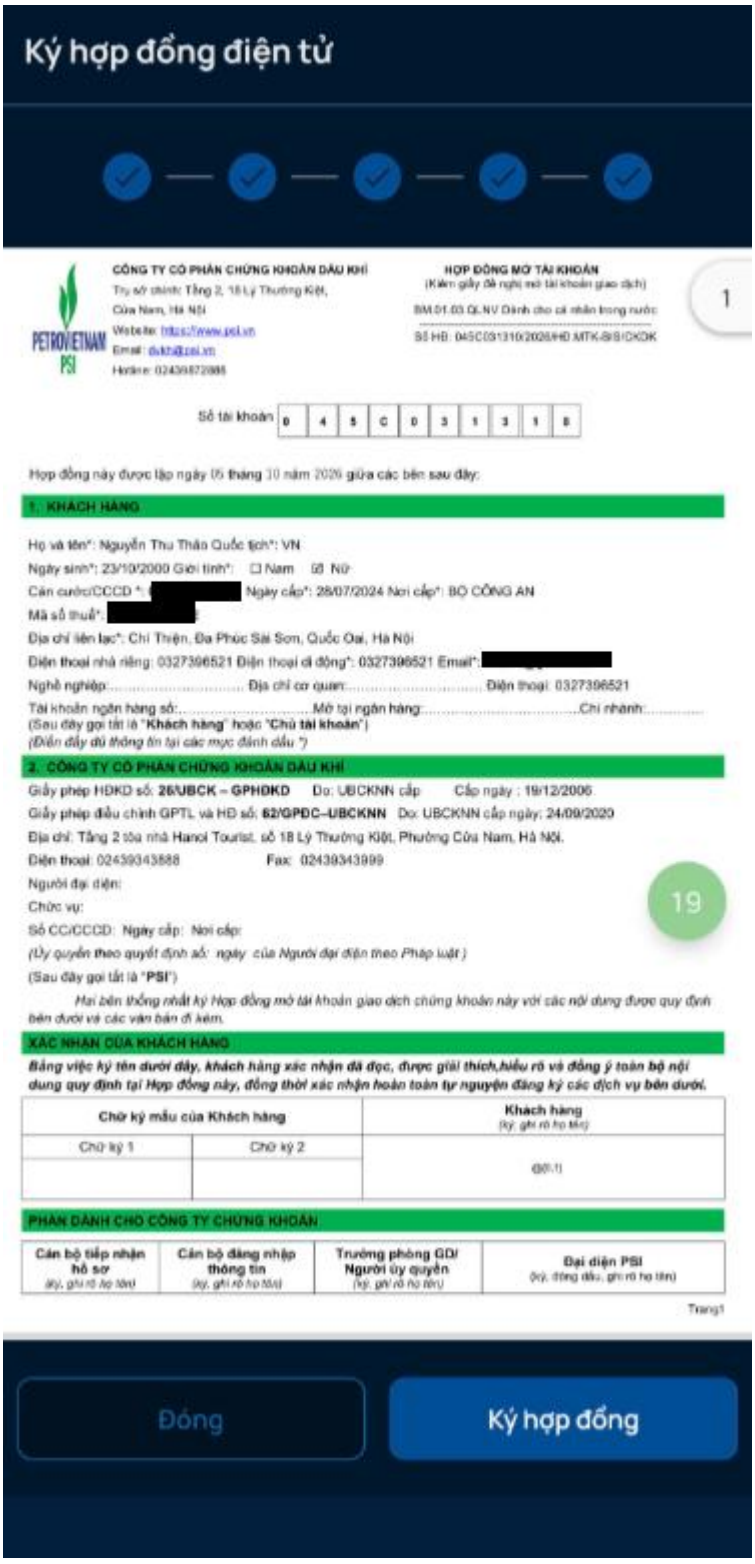


Thông tin định danh

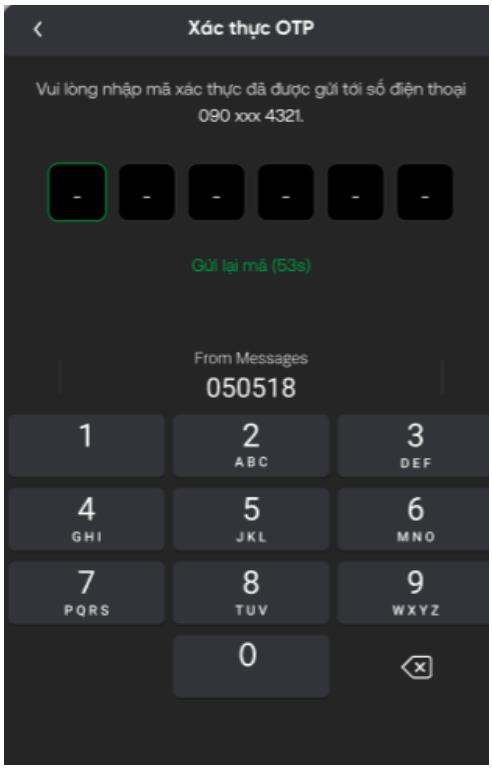
7.5. Luồng ký HĐ Econtract

- Thực hiện ký hợp đồng Econtract làm theo yêu cầu của App


Ký hợp đồng điện tử
Xác nhận hợp đồng
Cảm ơn Quý khách đã đăng ký sử dụng dịch vụ tại Công ty Chứng khoán . Để hoàn tất đăng ký, Quý khách vui lòng thực hiện ký hợp đồng điện tử.
Bằng việc tạo hợp đồng điện tử, tôi đồng ý cho Công ty Chứng khoán được cung cấp các thông tin của tôi bao gồm thông tin về họ và tên, số điện thoại, email, địa chỉ và các thông tin liên quan cho bên cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử để kiểm tra, xử lý, tổng hợp thông tin, dữ liệu và các hoạt động khác.
Xác nhận



Thực hiện ký số



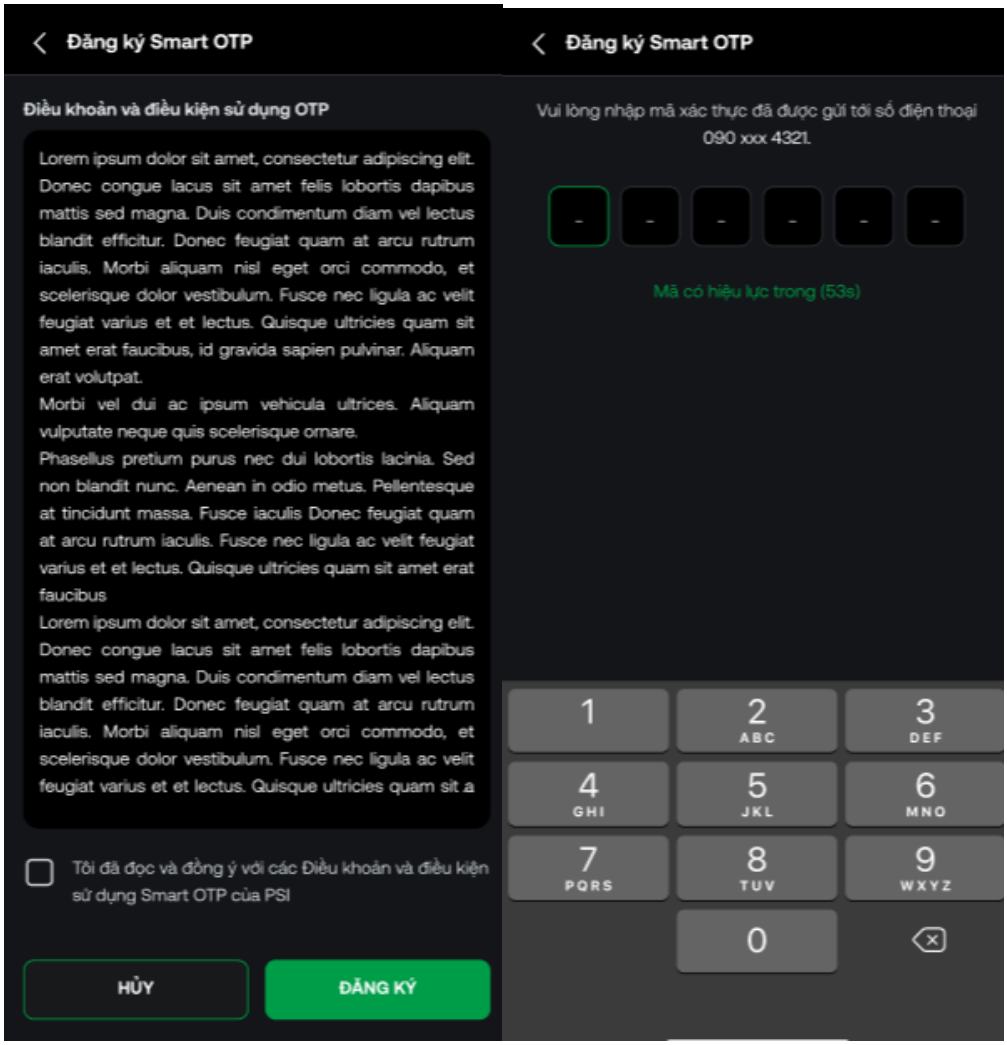
OTP xác thực để ký HĐ

VIII. CÀI ĐẶT

8.1. Thiết lập Smart OTP

8.1.1. Đăng ký Smart OTP

- Mục đích: Đăng ký Smart OTP cho thiết bị để xác thực khi khách hàng thực hiện giao dịch
- Đường dẫn: Tiện ích / Cài đặt / Smart OTP
  - Các bước thực hiện:



(1) Tick đồng ý các điều khoản đăng ký

(2) Nhấn vào đăng ký

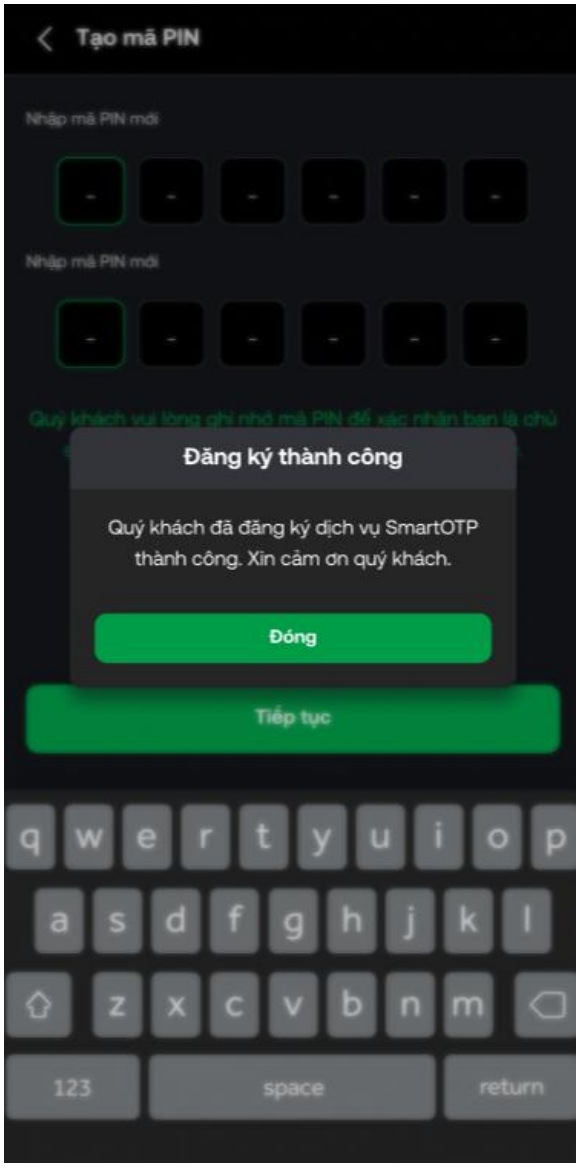
(3) Nhập vào mã OTP nhận được qua SMS

(3) Nhấn nút Xác nhận

(4) Nhập và xác nhận mã PIN

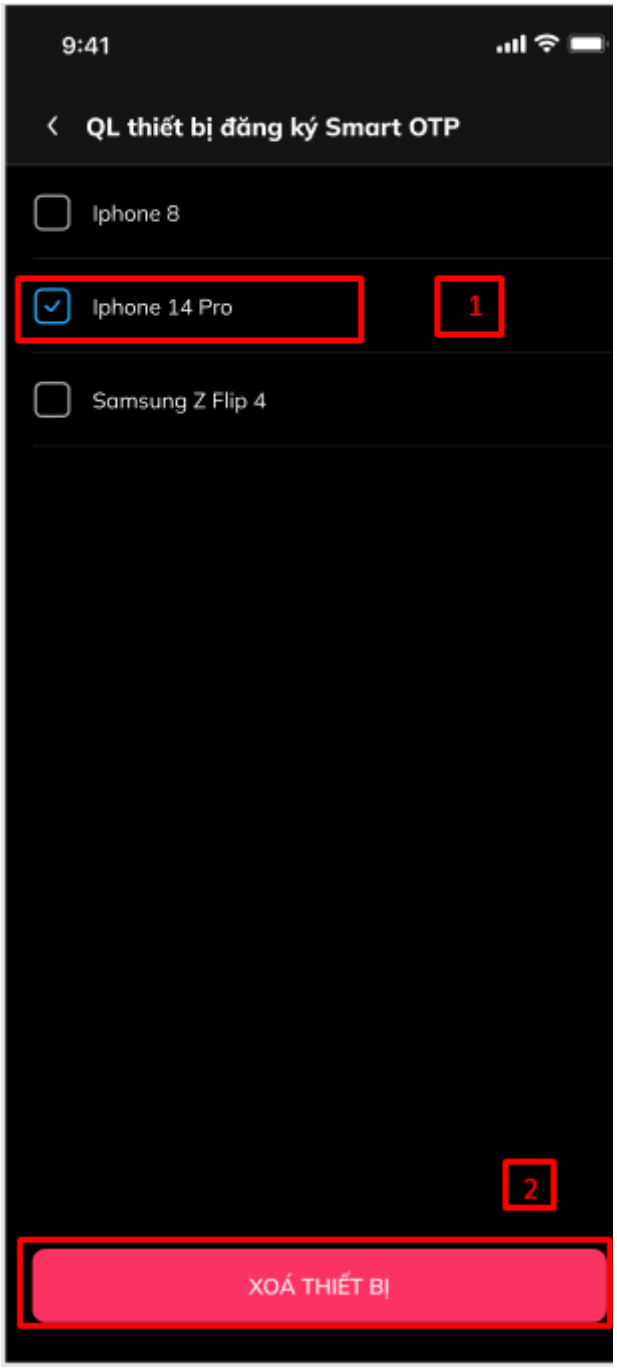
(5) Nhấn Xác nhận => Hiển thị thông báo Đăng ký Smart OTP thành công





8.1.2. Hủy đăng ký Smart OTP

- Mục đích: Hủy đăng ký Smart OTP của thiết bị. Sau khi hủy đăng ký, tài khoản sẽ không thực hiện các giao dịch đặt lệnh, chuyển tiền, ứng trước… trên thiết bị đã hủy đăng ký
  - Các bước thực hiện:



(1)Tích chọn các thiết bị cần hủy

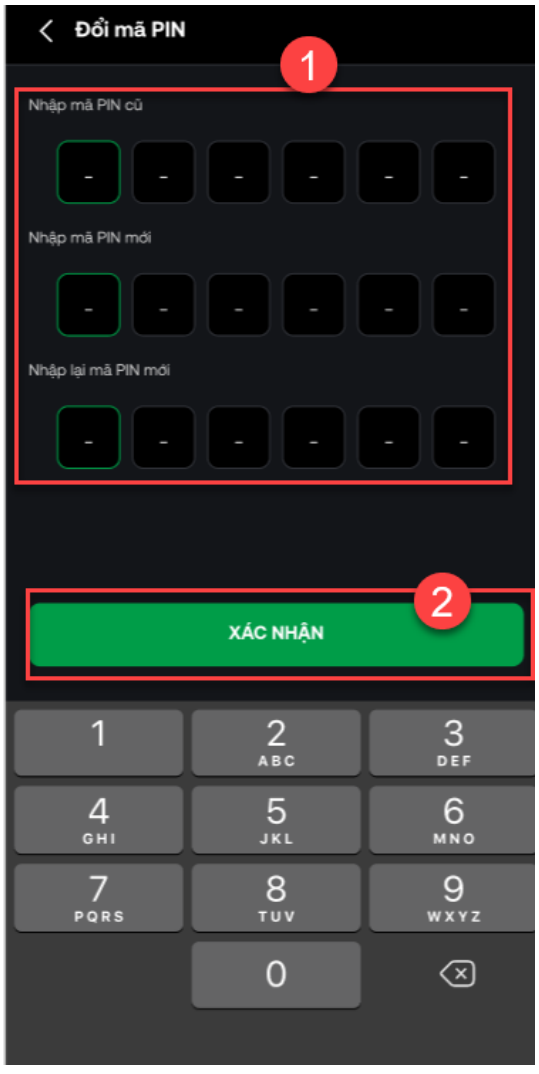
(2) Nhấn nút Xóa thiết bị



(3) Nhập mã pin. Nhấn nút Xác thực => Thông báo xóa thành công

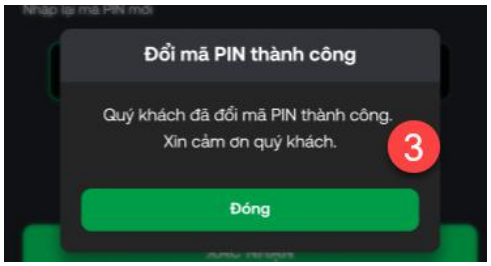
8.1.3. Đổi mã pin Smart OTP

- Mục đích: Đổi mã pin Smart OTP
- Đường dẫn: KH mở chức năng này tại menu Tiện ích/ Cài đặt chung / Thiết lập Smart OTP/ Đổi mã pin Smart OTP
  - Các bước thực hiện:



(1) Nhập mã pin hiện tại, Nhập mã pin mới

(2) Nhấn nút Xác nhận



(3) Hiển thị thông báo đổi mã pin thành công

8.2. Đăng ký dịch vụ SMS/Email

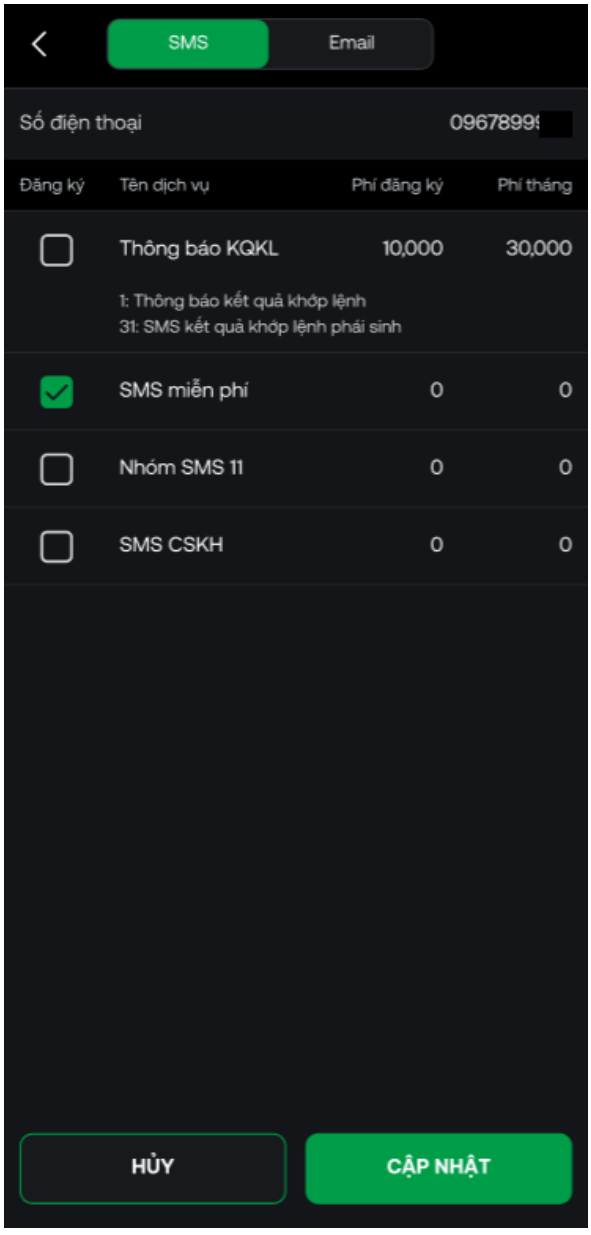
- Mục đích: KH có thể thay đổi đăng ký/hủy đăng ký các dịch vụ SMS/Email
- Đường dẫn: Menu Cài đặt/ Dịch vụ SMS/Email

➢ Tab SMS

- Hiển thị danh sách dịch vụ SMS mà KH đã đăng ký
- Thực hiện đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ SMS bằng các tích/bỏ tích vào checkbox của các dịch vụ
- Nhấn Cập nhật => Yêu cầu xác thực OTP

  + Nhập đúng OTP => Đăng ký dịch vụ SMS thành công

  + Nhập sai OTP => Đăng ký dịch vụ SMS không thành công và thông báo lỗi tương ứng

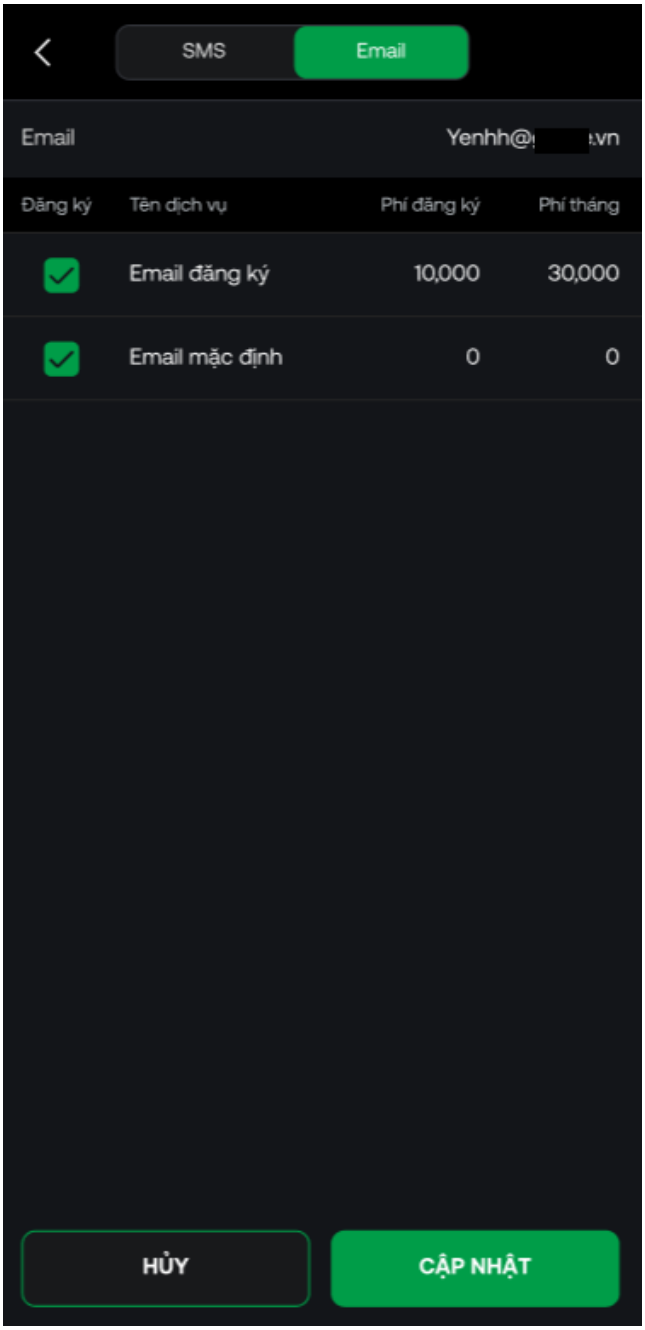


➢ Tab Email

- Hiển thị danh sách dịch vụ Email mà KH đã đăng ký
- Thực hiện đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ Email bằng các tích/bỏ tích vào checkbox của các dịch vụ
- Nhấn Cập nhật => Yêu cầu xác thực OTP

  + Nhập đúng OTP => Đăng ký dịch vụ Email thành công

+ Nhập sai OTP => Đăng ký dịch vụ Email không thành công và thông báo lỗi tương ứng



8.3. Đăng ký Ứng trước tự động

- Mục đích: Nhà đầu tư đăng ký/Hủy đăng ký dịch vụ ứng trước tự động để giao dịch mua/bán
- Đường dẫn: Menu Cài đặt/ Đăng ký ứng trước tự động

8.3.1. Đăng ký

➢ Các bước thực hiện

(1) Chọn đăng ký

(2) Tích vào chọn 'Tôi đã đọc và đồng ý với các Điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ

(3) Nhấn Xác nhận

a. TH tài khoản chưa thực hiện EKYC

- Yêu cầu KH thực hiện EKYC theo như hướng dẫn của app
- Nếu thực hiện EKYC thành công => Mở màn hình nhập OTP (sử dụng OTP miễn phí loại 32)

  + Nhập đúng OTP => Đăng ký ứng trước tự động thành công

  + Nhập sai OTP => Đăng ký ứng trước tự động không thành công
- Nếu thực hiện EKYC không thành công => Out luồng xác thực EKYC và thông báo lỗi xác thực định danh không thành công

b. TH tài khoản đã thực hiện EKYC

- Yêu cầu KH thực hiện Xác thực khuôn mặt theo như hướng dẫn của app
- Xác thực khuôn mặt thành công => Mở màn hình nhập OTP (sử dụng OTP miễn phí loại 32)

  + Nhập đúng OTP => Đăng ký ứng trước tự động thành công và sinh app SV02 đăng ký ở trạng thái chờ duyệt ở 6100 (TH đã

Econtract trước đó) hoặc sinh app SV02 ở trạng thái chờ duyệt ở 3343 (TH chưa Econtract và KH chưa ký HĐ điện tử)

+ Nhập sai OTP => Đăng ký ứng trước tự động không thành công

- Xác thực khuôn mặt không thành công => Out luồng xác thực và thông báo lỗi khuôn mặt không thành công

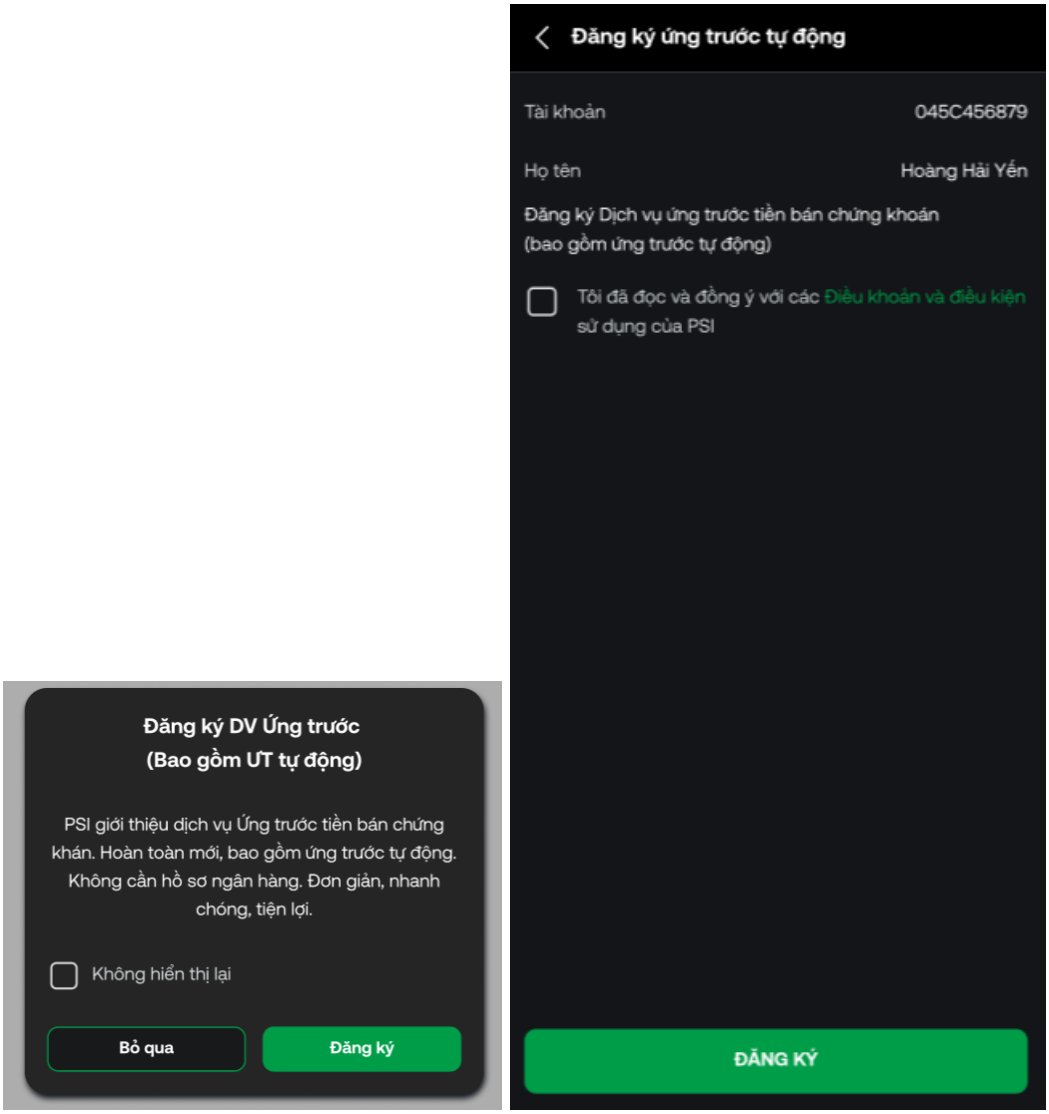
c. TH đã thực hiện Econtract rồi => Không yêu cầu ký HĐ Econtract

d. TH chưa thực hiện Econtract => Yêu cầu thực hiện ký HĐ Econtract

- Sau khi nhập OTP đăng ký thành công ở App sẽ yêu cầu ký HĐ điện tử
- Chọn Xác nhận => Mở link ký HĐ Econtract với các thông tin sẽ được fill vào HĐ
- Thực hiện ký HĐ theo như hướng dẫn

+ Nếu đã hoàn thành ký HĐ => FPT sẽ trả về thông tin hoàn thành ký HĐ và hệ thống core sẽ tự động duyệt app SV02 đăng ký dịch vụ ở 3343 và cập nhật trạng thái = đã duyệt + trạng thái HĐ = đã ký và sinh yêu cầu SV02 đăng ký dịch vụ ở 6100

+ Nếu chưa hoàn thành ký HĐ => app SV02 đăng ký dịch vụ ở 3343 vẫn ở trạng thái Chờ duyệt



8.3.2. Hủy đăng ký

- Các bước thực hiện

(1) Chọn Hủy đăng ký

(2) Nhấn Xác nhận

(3) Hiển thị popup Xác nhận OTP => Nhập OTP

+ Sai OTP => Hủy đăng ký không thành công

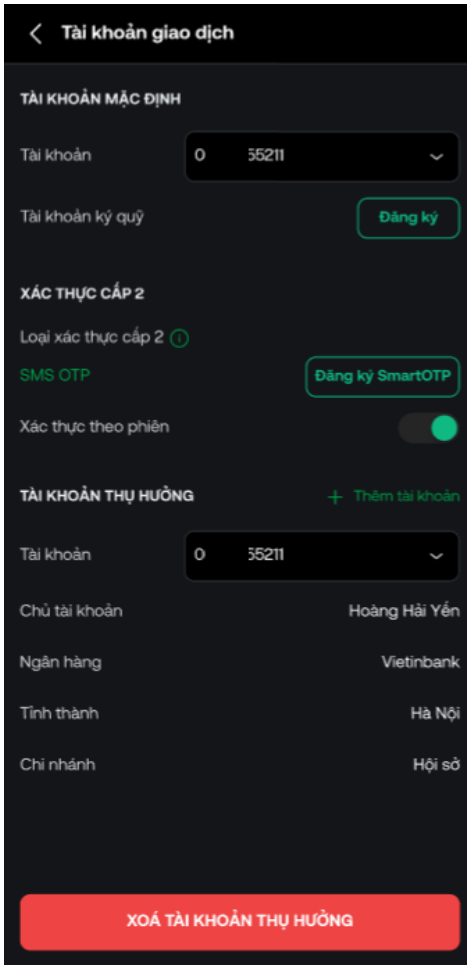
+ Đúng OTP => Hủy đăng ký thành công



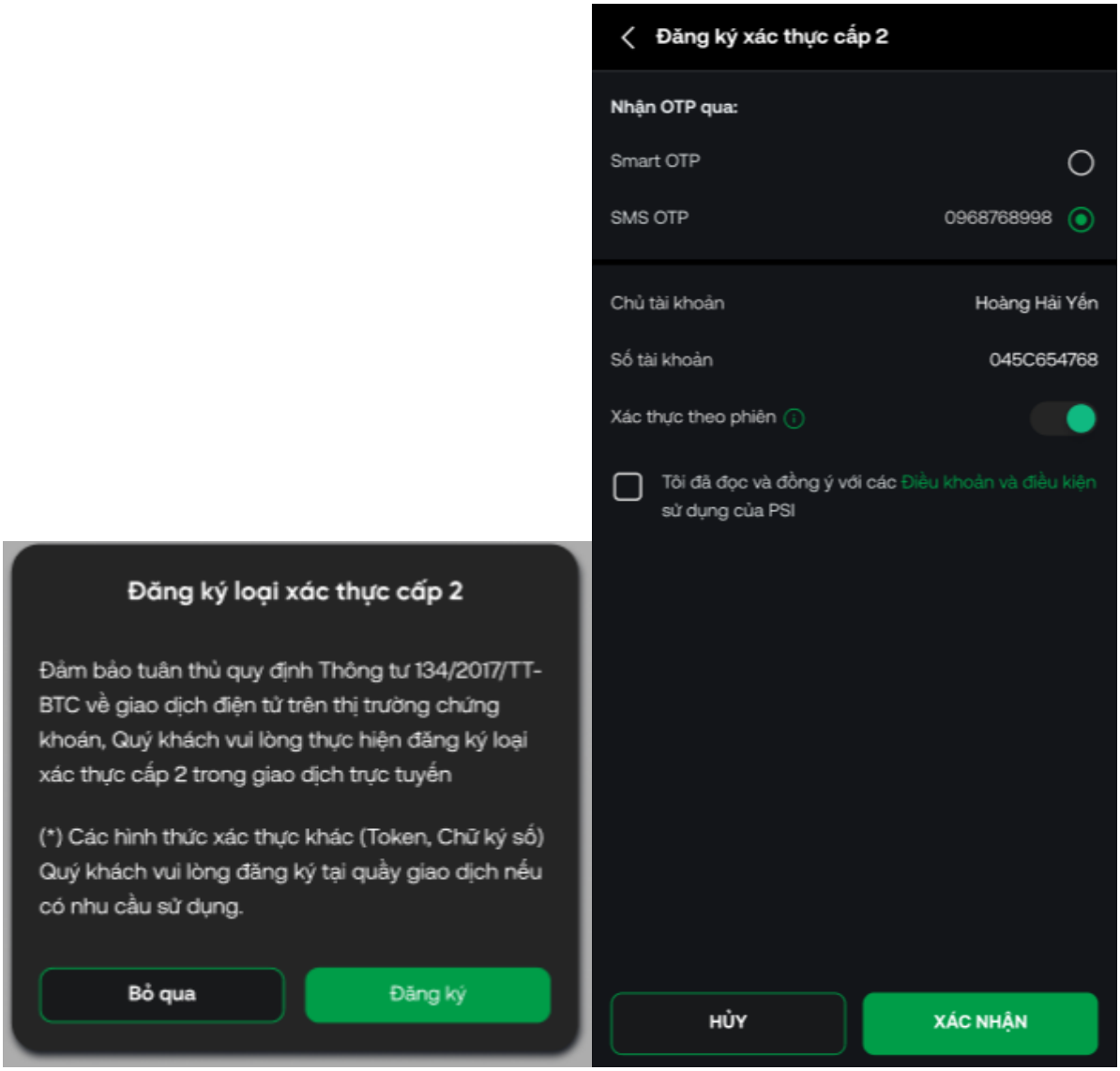
8.4. Thiết lập tài khoản giao dịch

- Mục đích: Thiết lập tài khoản mặc định hiển thị trên các màn hình chức năng: Đặt lệnh, chuyển tiền, danh mục …
- Đường dẫn: Menu Tiện ích/ Cài đặt/ Thiết lập tài khoản giao dịch

Confidential



8.4.1 Xác thực cấp 2



(1) Kích vào Đăng ký

(2) Chọn loại SmartOTP hoặc SMS OTP

(3) Tích chọn ‘Tối đã đọc và đồng ý với các Điều khoản và điều kiện…’

(4) Nhấn xác nhận



(5) Nhập mã SMS OTP được gửi về điện thoại và nhấn xác nhận. Hiển thị đăng ký thành công

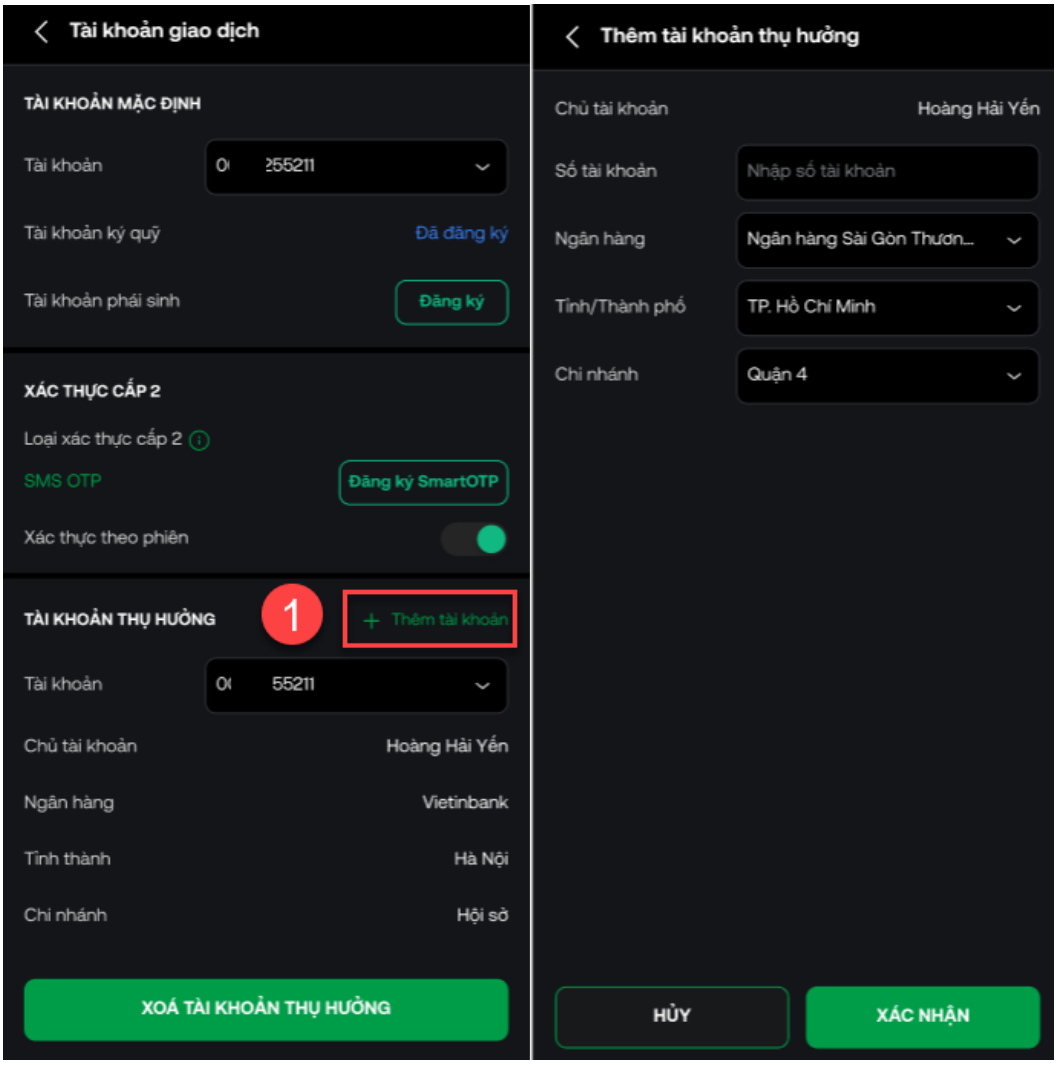
8.4.2 Thêm tài khoản thụ hưởng

(1) Nhấn vào "Thêm tài khoản"

(2) Nhập thông tin:

- Số tài khoản
- Ngân hàng
- Tỉnh thành
- Địa chỉ

(3) Nhấn "Xác nhận" => Thêm tài khoản thành công



8.5. Thay đổi hạn mức margin

- Mục đích: Hiển thị thông tin hạn mức margin hiện tại và cho phép thay đổi hạn mức margin
- Đường dẫn: Menu Cài đặt/Thay đổi hạn mức margin

- Nếu chưa đăng ký TK margin => Hiển thị popup thông báo chưa có TK margin và cho phép KH đăng ký TK margin từ popup này
- Nếu đã đăng ký TK margin => Hiển thị hạn mức margin hiện tại của KH
  + Nếu TK thuộc nhóm margin riêng => Thông báo lỗi TK thuộc nhóm riêng không được thay đổi hạn mức margin, vui lòng liên hệ CTCK để xử lý

+ Nếu TK thuộc nhóm chung => Cho phép cập nhật hạn mức margin và các bước thực hiện như bên dưới

+ Nếu TK margin mở sau ngày 18/11/2019 => Chphép cập nhật hạn mức và không yêu cầu EKYC, Face matching hay ký HĐ Econtract

+ Nếu TK margin mở trước ngày 18/11/2019 => Cho phép cập nhật hạn mức margin và các bước thực hiện như bên dưới

- Các bước thực hiện

(1) Nhập hạn mức thay đổi và hạn mức phải là bội số của tham số ONLINE_MARGIN_LIMIT_DIVISOR (VD: 1.000.000.000) và hạn mức tối đa được phép thay đổi theo tham số ONLINE_MARGIN_LIMIT_ALLOW (VD: 20.000.000.000)

(2) Tích vào chọn 'Tôi đã đọc và đồng ý với các Điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ"

(3) Nhấn Xác nhận

a. TH tài khoản chưa thực hiện EKYC

- Yêu cầu KH thực hiện EKYC theo như hướng dẫn của app
- Nếu thực hiện EKYC thành công => Mở màn hình nhập OTP (sử dụng OTP miễn phí loại 32)

  + Nhập đúng OTP => Cập nhật hạn mức margin thành công và sinh app CU07:Thay đổi hạn mức margin ở trạng thái = Chờ duyệt, trạng thái HĐ = Chưa ký ở form 3343

  + Nhập sai OTP => Cập nhật không thành công và thông báo lỗi tương ứng
- Nếu thực hiện EKYC không thành công => Out luồng xác thực EKYC và thông báo lỗi xác thực định danh không thành công

b. TH tài khoản đã thực hiện EKYC

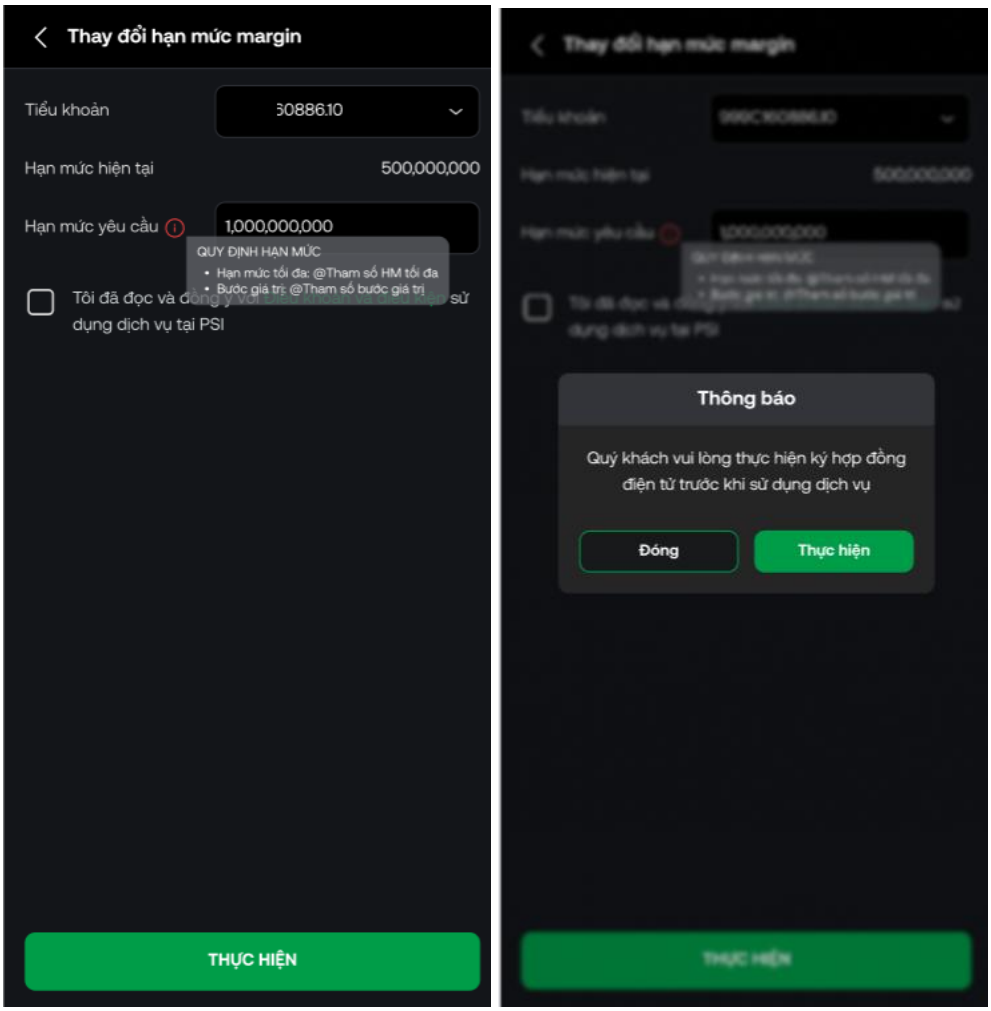
- Yêu cầu KH thực hiện Xác thực khuôn mặt theo như hướng dẫn của app
- Xác thực khuôn mặt thành công => Mở màn hình nhập OTP (sử dụng OTP miễn phí loại 32)
  + Nhập đúng OTP => Cập nhật hạn mức margin thành công và sinh app CU07:Thay đổi hạn mức margin ở trạng thái = Chờ duyệt ở 6100 (TH đã Econtract trước đó) hoặc sinh app CU07:Thay đổi hạn mức margin ở trạng thái = Chờ duyệt, trạng thái HĐ = Chưa ký ở form 3343 (TH chưa Econtract và KH chưa ký HĐ điện tử)
  + Nhập sai OTP => Cập nhật không thành công và thông báo lỗi tương ứng
- Xác thực khuôn mặt không thành công => Out luồng xác thực và thông báo lỗi khuôn mặt không thành công

c. TH đã thực hiện Econtract rồi => Không yêu cầu ký HĐ Econtract

d. TH chưa thực hiện Econtract => Yêu cầu thực hiện ký HĐ Econtract

- Sau khi nhập OTP đăng ký thành công ở App sẽ yêu cầu ký HĐ điện tử
- Chọn Xác nhận => Mở link ký HĐ Econtract với các thông tin sẽ được fill vào HĐ
- Thực hiện ký HĐ theo như hướng dẫn
  + Nếu đã hoàn thành ký HĐ => FPT sẽ trả về thông tin hoàn thành ký HĐ và hệ thống core sẽ tự động duyệt app CU07:Thay đổi hạn mức margin ở 3343 và cập nhật trạng thái = đã duyệt + trạng thái HĐ = đã ký và cập nhật hạn mức margin thành công

+ Nếu chưa hoàn thành ký HĐ => CU07:Thay đổi hạn mức margin ở form 3343 vẫn ở trạng thái Chờ duyệt



Note: Luồng EKYC và ký HĐ Econtract theo xem mục VII. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN/Mục 7.4 và 7.5

8.6. Thay đổi hạn mức ứng trước

- Mục đích: Hiển thị thông tin hạn mức ứng trước hiện tại và cho phép thay đổi hạn mức ứng trước
- Đường dẫn: Menu Mở rộng/Thay đổi hạn mức ứng trước

➢ Các bước thực hiện

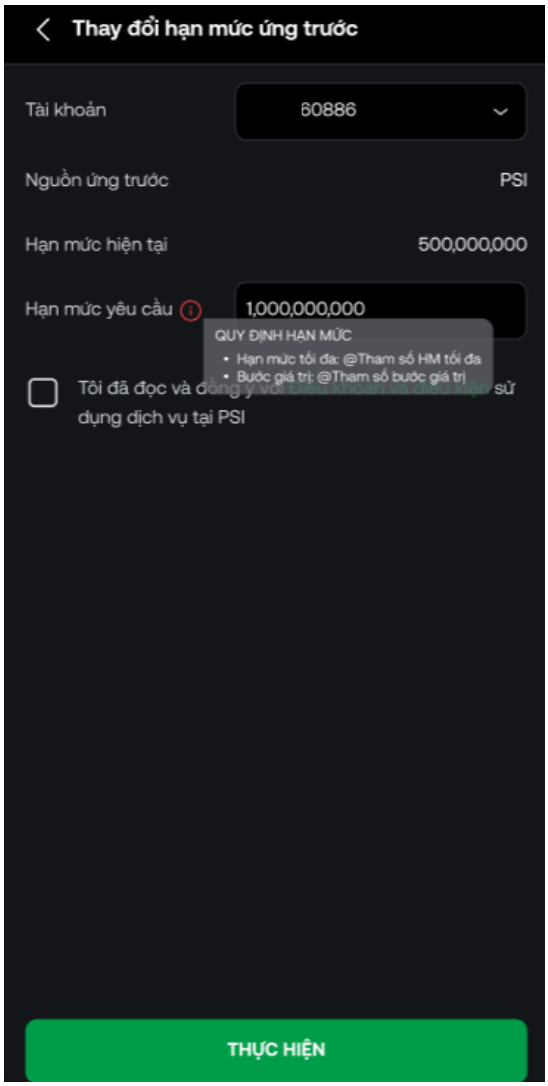
(1) Nhập hạn mức ứng trước thay đổi và hạn mức phải là bội số của tham số PD00_ONLINE_LIMIT_VALUE (VD: 1.000.000.000)

(2) Tích vào chọn 'Tôi đã đọc và đồng ý với các Điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ"

(3) Nhấn Xác nhận => Yêu cầu xác nhận OTP

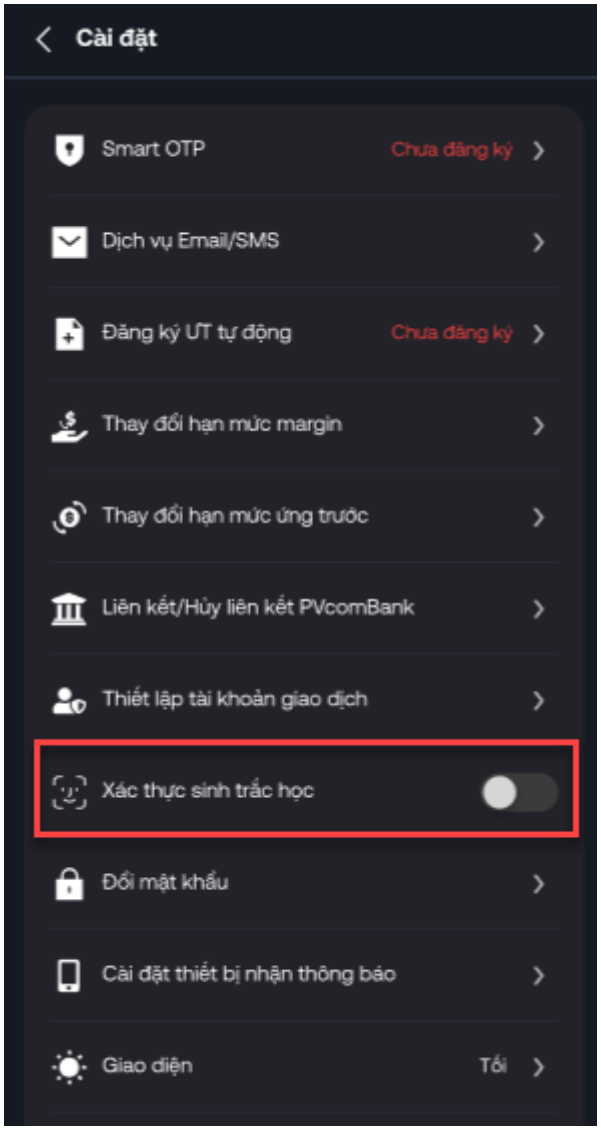
+ Nhập đúng OTP => Thay đổi hạn mức ứng trước thành công

+ Nhập sai OTP => Thay đổi hạn mức ứng trước không thành công và thông báo lỗi tương ứng



8.7. Xác thực sinh trắc học

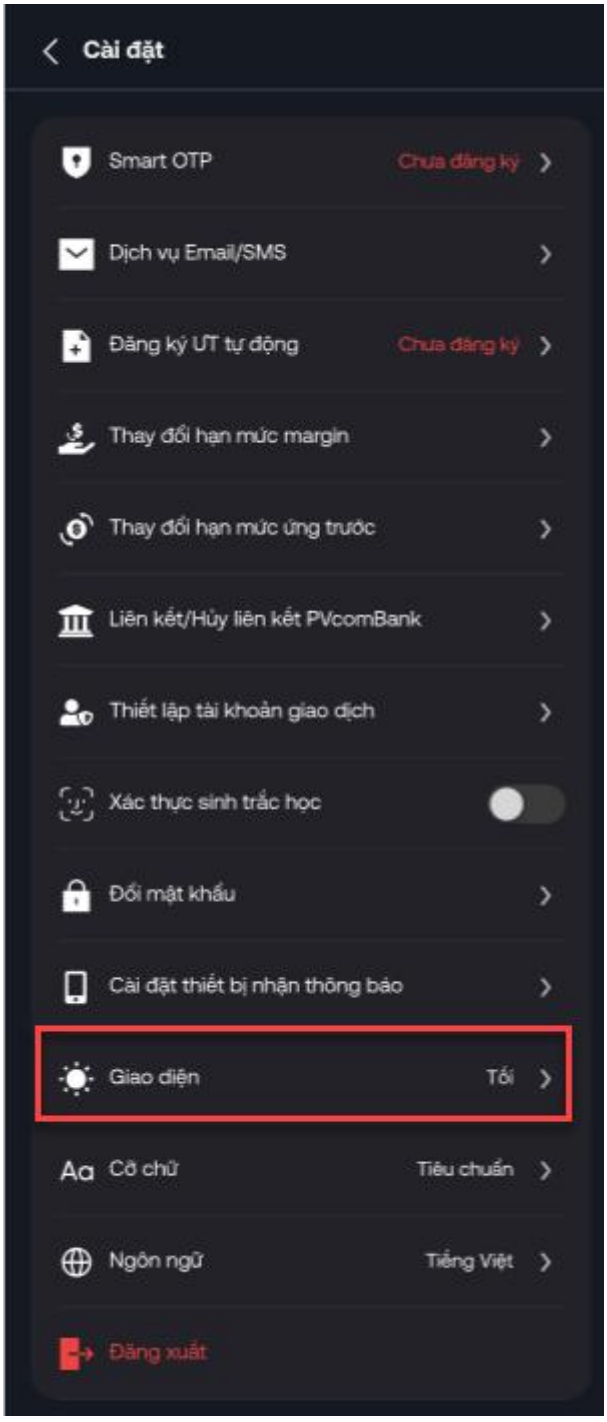
- Mục đích: Kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chức năng đăng nhập bằng sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt). Khi kích hoạt chức năng đăng nhập bằng sinh trắc học, người dùng vẫn có thể đăng nhập bằng mật khẩu tĩnh.
- Đường dẫn: Người dùng có thể mở chức năng này tại menu Tiện ích/ Cài đặt/ Xác thực sinh trắc học
  - Người dùng bật hoặc tắt để kích hoạt hoặc bỏ kích hoạt chức năng



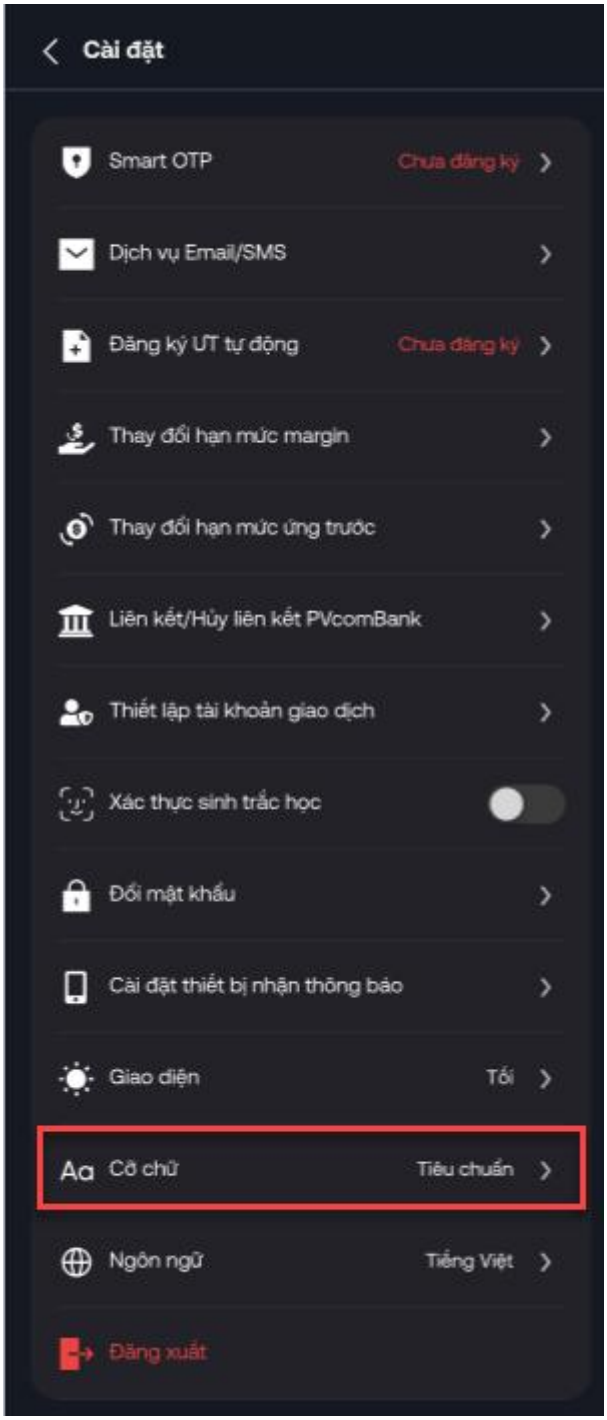
8.8. Giao diện sáng/tối

- Mục đích: Thiết lập chủ đề của giao diện. Người dùng có 2 lựa chọn: Theme tối và theme sáng
- Đường dẫn: Cài đặt/ Thiết lập giao diện

Confidential

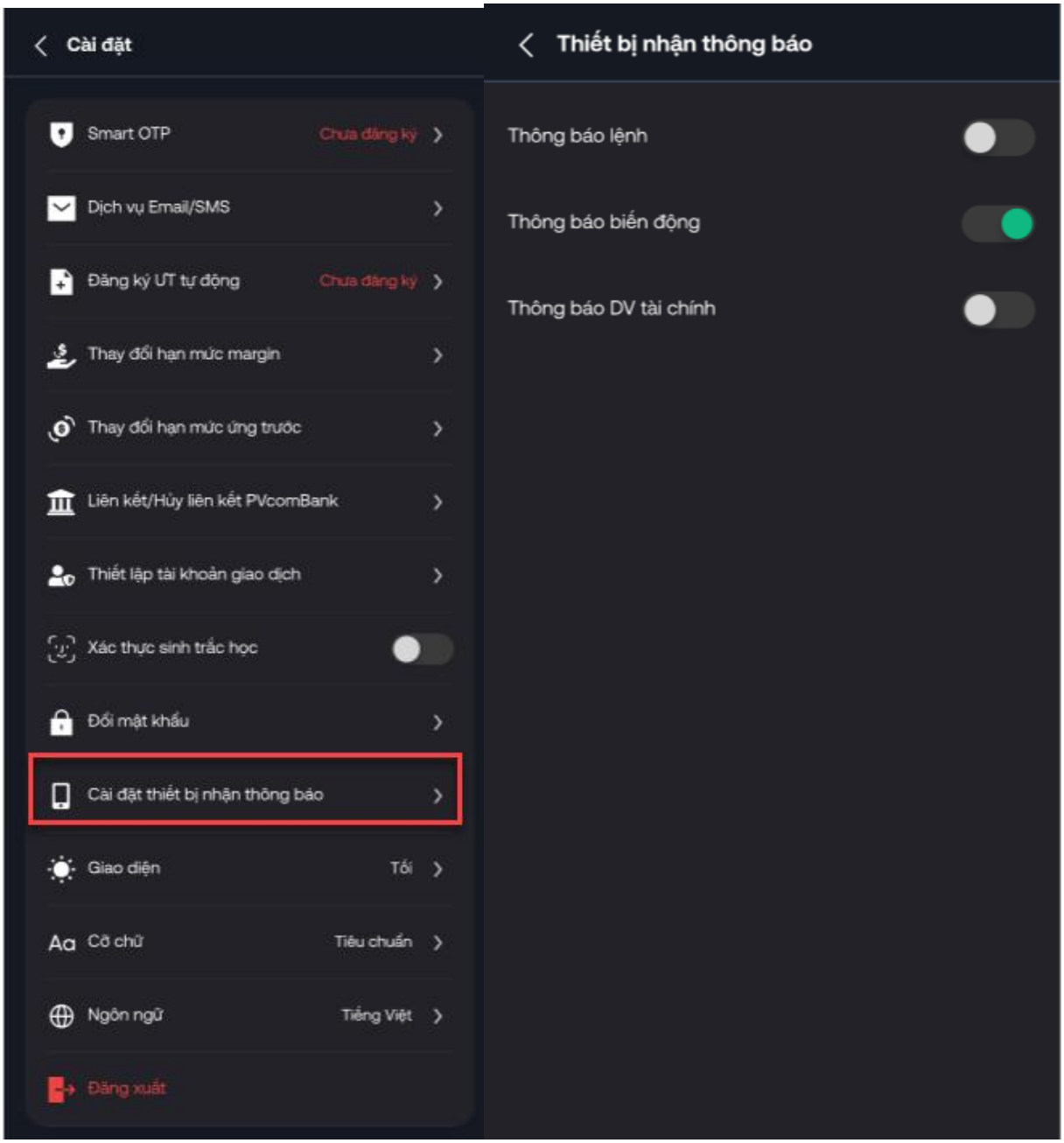


8.9. Kích thước chữ



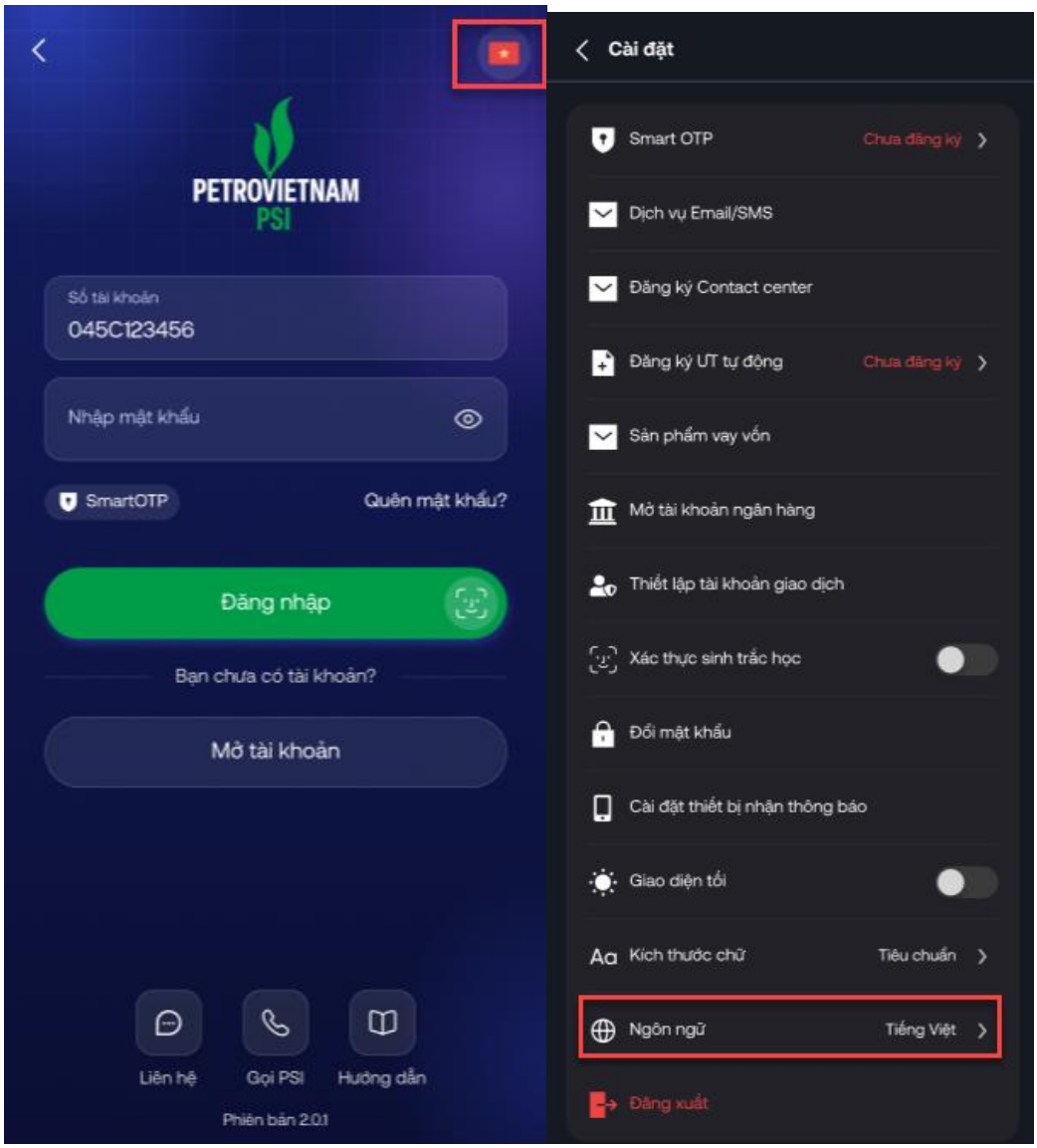
8.10. Cài đặt thiết bị nhận thông báo

- Mục đích: Cài đặt nhận thông báo đến điện thoại
- Đường dẫn: Cài đặt/Cài đặt thiết bị nhận thông báo



8.11. Chọn ngôn ngữ

- Mục đích: Thiết lập ngôn ngữ sử dụng phần mềm
- Đường dẫn: Cài đặt/ Chọn ngôn ngữ

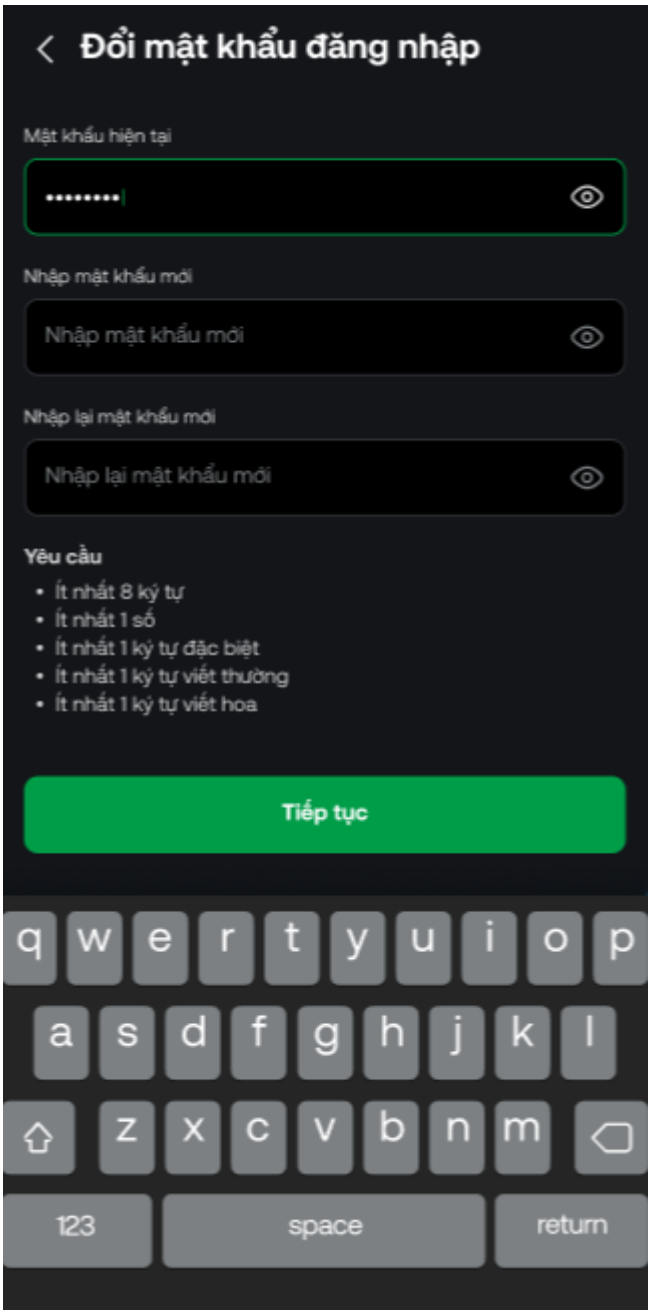


8.12. Đổi mật khẩu

- Mục đích: Thiết lập ngôn ngữ sử dụng phần mềm
- Đường dẫn: Cài đặt chung /Đổi mật khẩu

(1) Nhập mật khẩu hiện tại, Nhập mật khẩu mới, Xác nhận mật khẩu mới theo yêu cầu => Nhập sai hệ thống sẽ báo lỗi tương ứng và hiển thị lên app

(2) Nhấn 'Xác nhận'



8.13. Quên mật khẩu

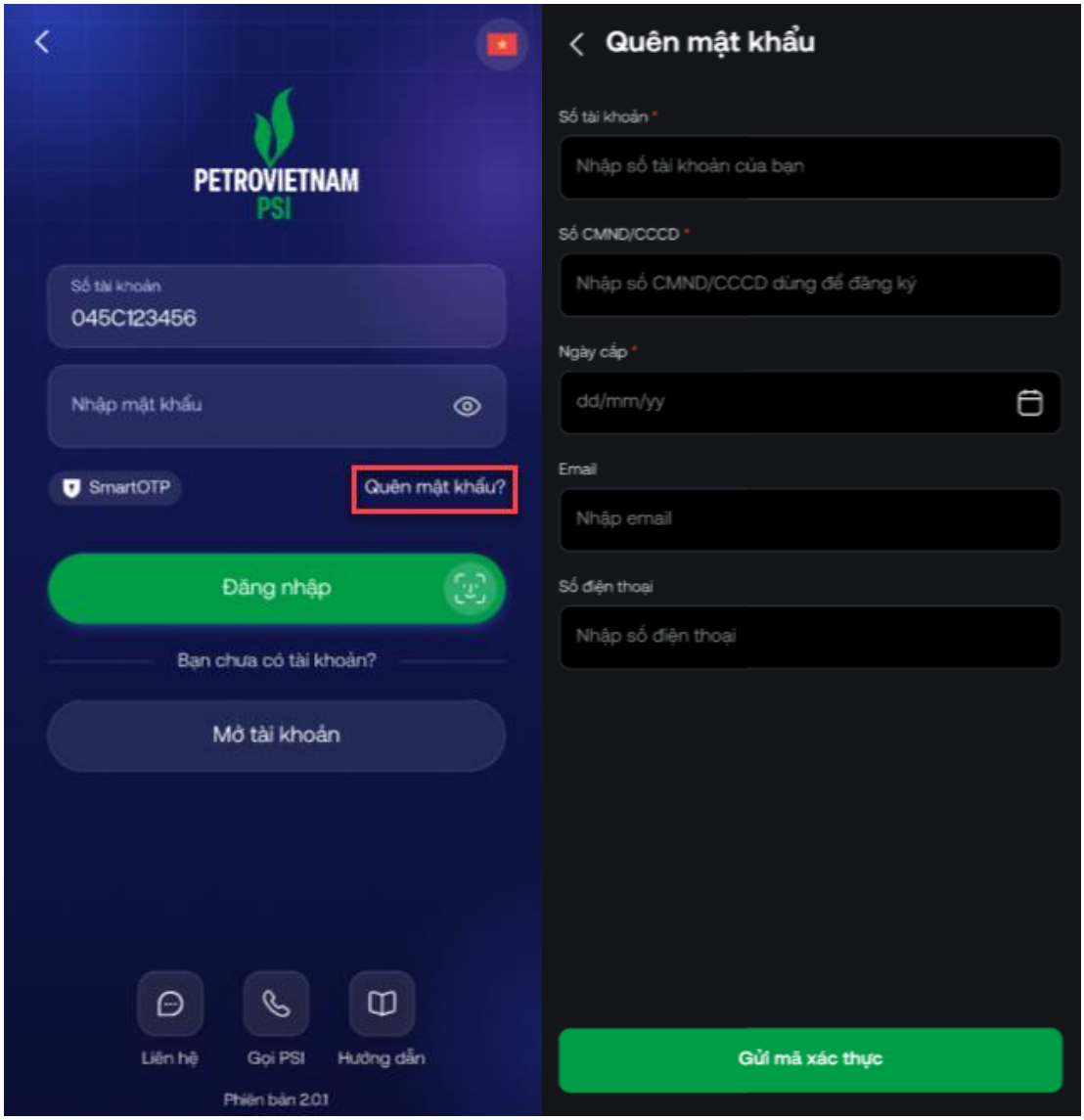
(1) Tại màn hình trang chủ chọn "Quên mật khẩu"

(2) Thực hiện nhập các thông tin:

- Số tại khoản
- Số CCCD
- Ngày cấp
- Email
- Số điện thoại

(3) Hệ thống sẽ check các thông tin trên nếu:

- Không trùng khớp => Báo lỗi tương ứng và đổi mật khẩu không thành công
- Thông tin trùng khớp => Yêu cầu xác nhận OTP => Nhập OTP và thông báo đổi mật khẩu thành công



VIII. Đăng xuất

- Mục đích: Đăng xuất tài khoản khỏi app
- Đường dẫn: Mở rộng/Đăng xuất

  (1) Chọn biểu tượng

  (2) Chọn đăng xuất

Confidential

